



powered by **PV GAS**

CNG VIETNAM



Đem nguồn
năng lượng sạch

tới mọi nơi

CHINH PHỤC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CNG = “CLEAN NATURAL GAS”

ĐỂ THỰC HIỆN THÀNH CÔNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2035, BÊN CẠNH HỆ THỐNG CÁC GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ, CNG VIỆT NAM TIẾP TỤC CHÍNH SÁCH ĐỊNH VỊ THƯƠNG HIỆU CNG = “CLEAN NATURAL GAS”, ĐỒNG THỜI THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP NHẪM TỐI ĐA HÓA HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG, GÓP PHẦN XANH HÓA NHIÊN LIỆU CỦA VIỆT NAM.

NỘI DUNG

- 04 Giới thiệu BCTN 2022
- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 08 Chỉ số Tài chính nổi bật 2018 - 2022

I. GIỚI THIỆU DOANH NGHIỆP

- 12 THÔNG TIN CHUNG
- 12 Thông tin tổng quan
- 14 Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
- 16 Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh
- 18 Những cột mốc phát triển
- 22 Khách hàng tiêu biểu
- 24 Giải thưởng nổi bật
- 26 CNG – Kỳ nguyên mới của nguồn năng lượng sạch
- 27 LNG - Năng lượng xanh của thời đại mới
- 34 Cơ cấu cổ đông và Quá trình tăng vốn điều lệ
- 36 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
- 37 Sơ đồ tổ chức
- 40 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 42 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 44 Giới thiệu Ban Giám đốc

II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ GIẢI PHÁP CHINH PHỤC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

- 48 Triển vọng kinh tế và thị trường dầu khí giai đoạn 2022-2023
- 52 Phân tích SWOT
- 54 Gắn kết các bên liên quan trong Chiến lược hoạt động
- 58 Chiến lược phát triển đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035
- 62 Giải pháp để chinh phục mục tiêu chiến lược
- 64 Quản trị rủi ro

III. BÁO CÁO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

- 74 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 88 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 93 Báo cáo của Ban Giám đốc

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

- 127 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 128 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 130 Bảng cân đối kế toán
- 132 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 133 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 134 Thuyết minh báo cáo tài chính



GIỚI THIỆU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

Sau hơn 15 năm hình thành và phát triển, CNG Việt Nam đã trở thành thương hiệu đơn vị hàng đầu cả nước về cung cấp khí thiên nhiên nén (CNG – Compressed Natural Gas), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG – Liquefied Natural Gas). CNG Việt Nam tự hào có đầy đủ cơ sở hạ tầng vận chuyển – phân phối, có thể cung cấp giải pháp nhiên liệu sạch trọn gói cho doanh nghiệp trên khắp cả nước.

Năm 2022 là năm đầu tiên thực hiện chiến lược phát triển đến 2025, định hướng đến 2035, bên cạnh hệ thống các giải pháp quản trị, CNG Việt Nam tiếp tục chính sách định vị thương hiệu CNG = “Clean Natural Gas”, đồng thời thúc đẩy hoạt động Chuyển đổi số và Văn hóa doanh nghiệp nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động, góp phần xanh hóa nhiên liệu của Việt Nam.

Để thực hiện Báo cáo Thường niên này, ngoài các quy định pháp luật hiện hành, CNG Việt Nam còn tham khảo Khung hướng dẫn lập Báo cáo

Tích hợp của IIRC và bộ Tiêu chuẩn GRI dành cho Báo cáo Phát triển Bền vững, và tiếp tục tách riêng Báo cáo Phát triển Bền vững để cung cấp đến độc giả nhiều thông tin chi tiết hơn. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị để không ngừng cải thiện chất lượng Báo cáo Thường niên của Công ty.

Mọi ý kiến xin gửi về:

BAN BIÊN TẬP BCTN – CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 475 Đường Nguyễn An Ninh, Phường 9,
Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại : (84) 254 3574 635 / 0901 475 475

Fax : (84) 254 3574 619

Website : www.cngvietnam.com

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| | | | | | | | |
|-----------------------|--|-------|--|----------|---|--------------|--|
| ATCLMT | An toàn – Chất lượng – Môi trường | ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông | LPG | Khí hóa lỏng (Liquefied Petroleum Gas) | PV Gas LPG | CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam |
| ATSKNN | An toàn sức khỏe nghề nghiệp | HD | Hướng dẫn | OHSAS | Tiêu chuẩn Sức khỏe Nghề nghiệp và An toàn | PVN/Tập đoàn | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam) |
| BGD | Ban Giám đốc | HĐQT | Hội đồng Quản trị | PCCC | Phòng cháy chữa cháy | QT | Quy trình |
| BKS | Ban Kiểm soát | ISO | Tiêu chuẩn ISO | PRU | Trạm giảm áp (Pressure Reducing Unit) | QTCT | Quản trị Công ty |
| CBCNV | Cán bộ Công nhân viên | KCN | Khu Công nghiệp | PV Gas | Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP | TNSC | Tai nạn sự cố |
| CNG | Khí thiên nhiên nén (Compressed Natural Gas) | LNG | Khí thiên nhiên hóa lỏng (Liquefied Natural Gas) | PV Gas D | CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | TU'LĐTT | Thỏa ước Lao động Tập thể |
| CNG Việt Nam/ Công ty | Công ty Cổ phần CNG Việt Nam | LNST | Lợi nhuận sau thuế | | | ƯCKC | Ứng cứu khẩn cấp |
| CTCP | Công ty Cổ phần | LNTT | Lợi nhuận trước thuế | | | VĐL | Vốn điều lệ |
| | | | | | | VSLĐ | Vệ sinh lao động |

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể CBCNV của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Năm 2022 đánh dấu chặng đường 15 năm thành lập và phát triển của CNG Việt Nam và cũng là năm đầu tiên thực hiện chiến lược phát triển Công ty đến 2025, định hướng đến 2035. Trong bối cảnh kinh tế thế giới đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách do lạm phát cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất tăng cao liên tục, rủi ro suy thoái thường trực..., thị trường khí thiên nhiên trong nước cũng không khỏi bị ảnh hưởng khi nhu cầu suy yếu.

Điều đáng quan tâm là vấn đề biến đổi khí hậu đã thu hút sự chú ý mang tính toàn cầu, thúc đẩy các nước trên thế giới chuyển dịch mạnh mẽ sang sử dụng năng lượng sạch (khí thiên nhiên), năng lượng tái tạo thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư, hỗ trợ tài chính-tín dụng xanh, trái phiếu xanh... CNG Việt Nam đã góp phần không nhỏ cùng gần 200 doanh nghiệp sản xuất hàng đầu trong nước chuyển đổi thành công sang sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên (chiếm lĩnh hơn 70% thị phần CNG cả nước), đảm bảo hiệu quả kinh tế, thân thiện với môi trường, vì một tương lai xanh, sạch.

Sau hơn 15 năm nỗ lực phát triển không ngừng, CNG Việt Nam nay mang trong mình tầm vóc quốc gia, tự hào hiện thực hóa sứ mệnh “**Đem nguồn năng lượng sạch tới mọi nơi**” nhờ những lợi thế cạnh vượt trội. Bên cạnh những định hướng giải pháp phù hợp,

linh hoạt, đảm bảo an toàn lao động và mở rộng thị trường, Ban lãnh đạo CNG Việt Nam đã đặt vấn đề **Chuyển đổi số và Văn hóa doanh nghiệp** thành trọng tâm của công tác quản trị trong năm 2022 và thời gian sắp tới, nhằm tạo hiệu ứng đột phá trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh LNG.

Thay mặt Ban lãnh đạo CNG Việt Nam, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin yêu, ủng hộ của Quý Cổ đông, Quý Đối tác/Khách hàng trong thời gian qua và chào đón các cơ hội hợp tác trong chặng đường sắp tới. CNG Việt Nam cam kết luôn nỗ lực đem lại giá trị gia tăng cho Quý Cổ đông, Quý Đối tác/Khách hàng, cùng nhau đóng góp vào công cuộc phát triển đất nước và cộng đồng.

Trân trọng,



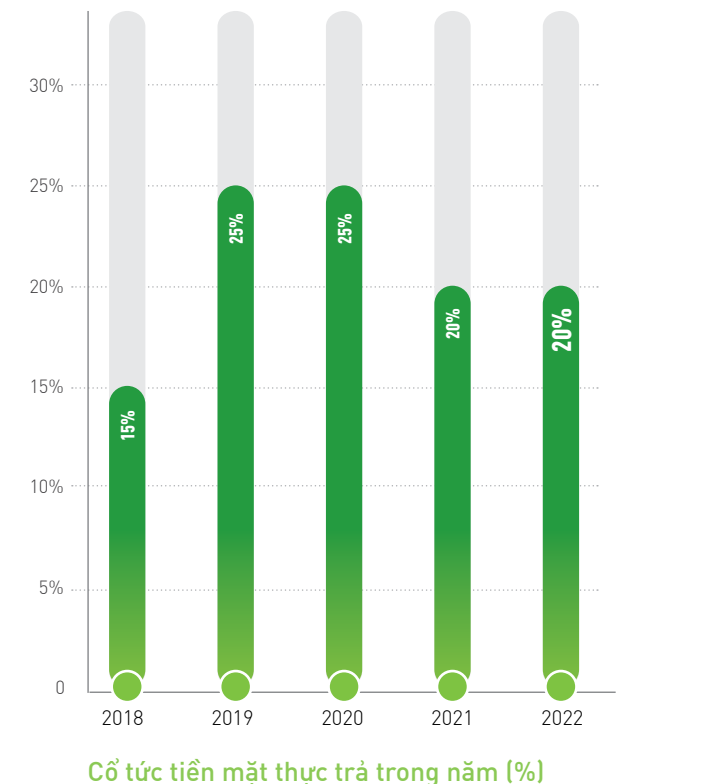
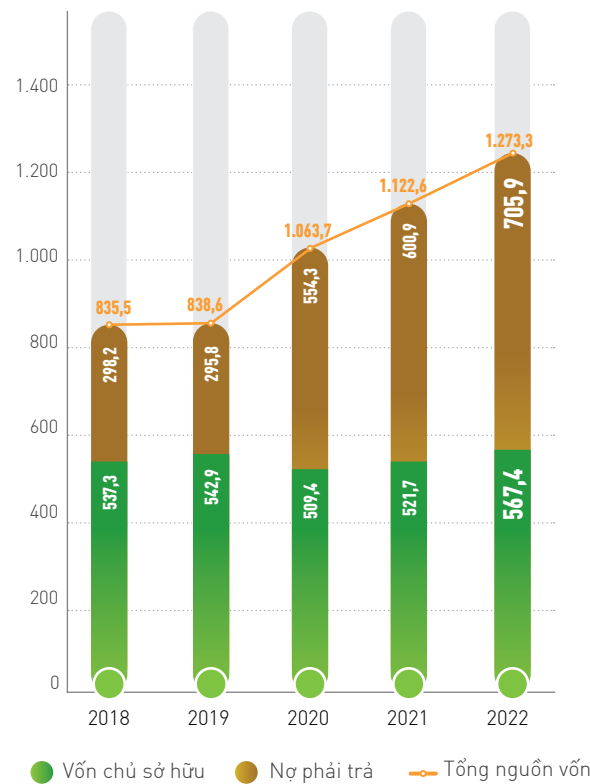
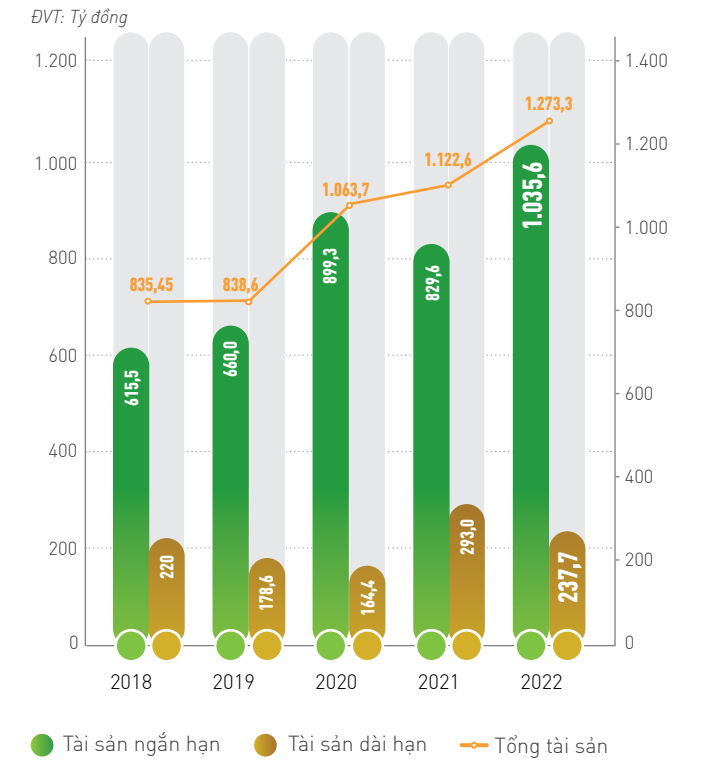
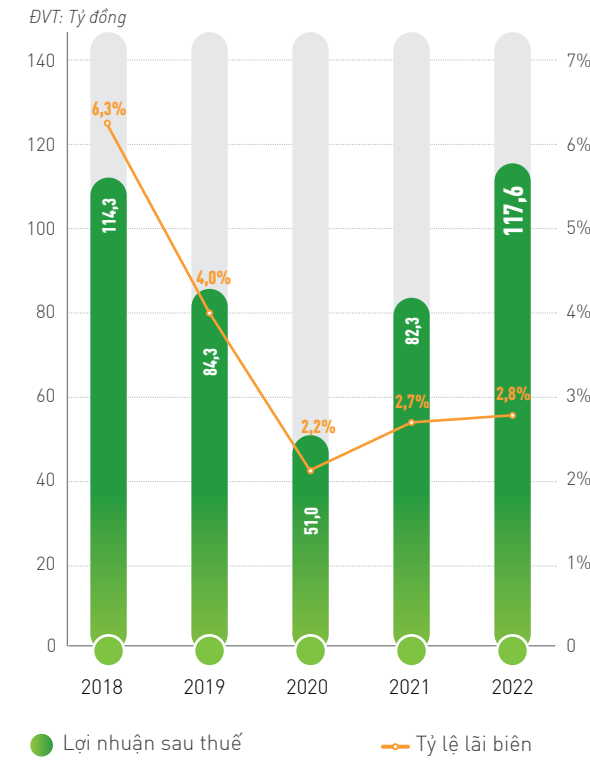
NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI
Chủ tịch HĐQT



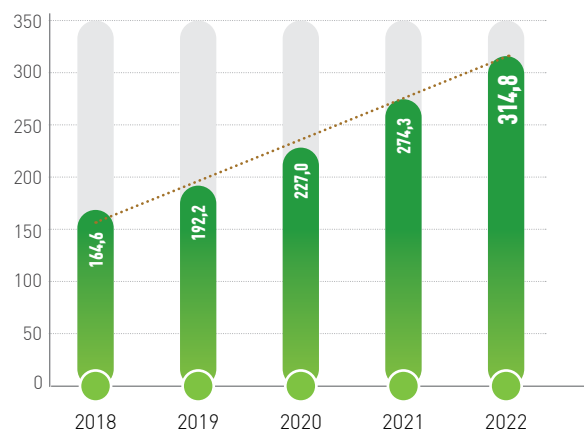
Ban lãnh đạo CNG Việt Nam đã đặt vấn đề Chuyển đổi số và Văn hóa doanh nghiệp thành trọng tâm của công tác quản trị trong năm 2022 và thời gian sắp tới, nhằm tạo hiệu ứng đột phá trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh LNG.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2018 - 2022

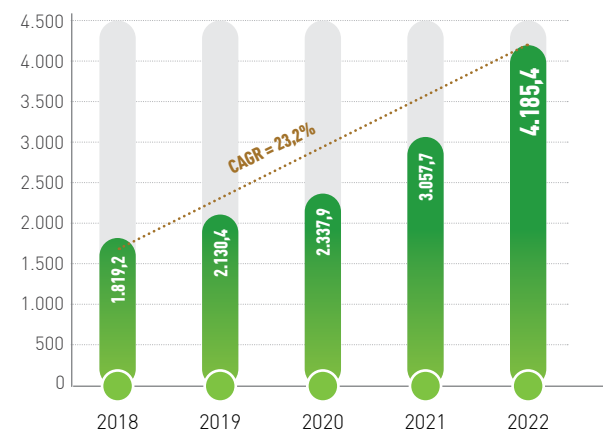
| KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ đồng) | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2022 so với 2021 Tăng/Giảm (%) |
|--|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|-----------------------------------|
| Doanh thu thuần | 1.819,2 | 2.130,4 | 2.337,9 | 3.057,7 | 4.185,4 | 36,9% |
| Giá vốn hàng bán | 1.582,6 | 1.941,1 | 2.187,6 | 2.849,1 | 3.890,2 | 36,5% |
| Lợi nhuận gộp | 236,6 | 189,2 | 150,3 | 208,6 | 295,2 | 41,5% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 11,6 | 13,5 | 10,7 | 4,3 | 8,3 | 94,9% |
| Chi phí tài chính | 0,1 | 0,0 | 0,0 | 0,4 | 4,0 | 851,5% |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | <i>0,1</i> | <i>0,0</i> | <i>0,0</i> | <i>0,4</i> | <i>4,0</i> | <i>853,8%</i> |
| Chi phí bán hàng | 34,4 | 24,9 | 25,5 | 26,8 | 35,8 | 33,7% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 75,1 | 72,9 | 72,6 | 76,5 | 109,4 | 43,1% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 138,6 | 104,9 | 62,8 | 109,2 | 154,3 | 41,3% |
| Thu nhập khác | 7,3 | 2,9 | 2,5 | 0,1 | 1,5 | - |
| Chi phí khác | 0,66 | 0,1 | 0,0 | 1,7 | 1,9 | 11,5% |
| Lợi nhuận khác | 6,6 | 2,7 | 2,5 | (1,6) | (0,4) | -75,7% |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 145,2 | 107,6 | 65,4 | 107,6 | 153,9 | 43,0% |
| Lợi nhuận sau thuế | 114,3 | 84,3 | 51,0 | 82,3 | 117,6 | 42,9% |



Sản lượng tiêu thụ CNG (Triệu Sm³)



Doanh thu thuần tiêu thụ khí (Tỷ đồng)





01

GIỚI THIỆU DOANH NGHIỆP

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin tổng quan
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh
Những cột mốc phát triển
Khách hàng tiêu biểu
Giải thưởng nổi bật
CNG - Kỷ nguyên mới của nguồn năng lượng sạch
LNG - Năng lượng xanh của thời đại mới
Cơ cấu cổ đông và Quá trình tăng vốn điều lệ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Sơ đồ tổ chức
Giới thiệu Hội đồng Quản trị
Giới thiệu Ban Kiểm soát
Giới thiệu Ban Giám đốc

THÔNG TIN TỔNG QUAN

Tên giao dịch **CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**

Tên tiếng Anh **CLEAN NATURAL GAS VIETNAM
JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt **CNG VIETNAM**

Mã cổ phiếu **CNG**

Sàn niêm yết HOSE

Logo



Slogan



Giấy CNĐKDN

Số 3500800828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 28/5/2007 và thay đổi gần nhất lần thứ 14 ngày 27/06/2022.



Vốn điều lệ **270.000.000.000 đồng**
(Hai trăm bảy mươi tỷ đồng)

Vốn chủ sở hữu **567,38** tỷ đồng (tại ngày 31/12/2022)

Số lượng cổ phiếu lưu hành **27.000.000** cổ phiếu

Công ty Kiểm toán độc lập **Công ty TNHH PwC (Việt Nam)**

VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 475 Đường Nguyễn An Ninh, Phường 9, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: (84) 254 3574 635 / 0901 475 475

Fax: (84) 254 3574 619

Email: info@cngvietnam.com

Website: www.cngvietnam.com

CHI NHÁNH PHÚ MỸ

Địa chỉ: Đường số 15, KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (84) 254 3923 928

Fax: (84) 254 3923 929

CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Đường Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84) 246 2520 777

Fax: (84) 246 2560 777

TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÂM NHÌN

Tiên phong trong sự nghiệp xanh hóa nhiên liệu của Việt Nam.



SỨ MỆNH

Lan tỏa nguồn năng lượng sạch, góp phần kiến tạo tương lai xanh, mang lại giá trị bền vững cho cộng đồng, xã hội.



AN TOÀN

TRÁCH NHIỆM

HÀNH ĐỘNG

SÁNG TẠO

CHUYÊN NGHIỆP



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Được thành lập năm 2007, CNG Việt Nam là đơn vị tiên phong chuyên sản xuất, vận chuyển, phân phối khí thiên nhiên nén (CNG) nhằm cung cấp cho các nhà máy, khu công nghiệp có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến, và sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải.

Trong thời gian tới, CNG Việt Nam tiếp tục phát triển và hướng tới cung cấp giải pháp trọn gói nhiên liệu sạch CNG, LNG và LPG cho khách hàng tại thị trường cả nước.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh chính của CNG Việt Nam hiện tại là ở Miền Nam và Miền Bắc. Các thị trường ở Miền Bắc bao gồm: Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định, Thanh Hóa.

Trong khi đó, thị trường Miền Nam tập trung ở các tỉnh thành: Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, TP.HCM, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Tháp, Bến Tre.

Đối với thị trường Miền Trung, dự kiến CNG Vietnam có thể cung cấp khoảng 150 triệu Sm³. CNG Vietnam có thể tính toán phương án bán LNG nhập khẩu hoặc nguồn khí nội địa khai thác từ các mỏ Cá Voi Xanh (dự kiến từ năm 2025), Kèn Bầu (dự kiến từ năm 2028).

KHU VỰC MIỀN BẮC

CÔNG SUẤT NHÀ MÁY NÉN KHÍ

110

triệu Sm³/năm

- ✦ Hà Nội
- ✦ Hưng Yên
- ✦ Thái Bình
- ✦ Ninh Bình
- ✦ Thái Nguyên
- ✦ Bắc Ninh
- ✦ Hải Phòng
- ✦ Nam Định
- ✦ Thanh Hóa

KHU VỰC MIỀN NAM

CÔNG SUẤT NHÀ MÁY NÉN KHÍ

3000

triệu Sm³/năm

- ✦ Bình Thuận
- ✦ Bình Phước
- ✦ Bình Dương
- ✦ Đồng Nai
- ✦ TP. Hồ Chí Minh
- ✦ Long An
- ✦ Đồng Tháp
- ✦ Bến Tre
- ✦ Bà Rịa - Vũng Tàu

QUẦN ĐẢO HOANG SA

QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

NHỮNG CỘT MỐC PHÁT TRIỂN

NĂM 2007

THÀNH LẬP VỚI VỐN ĐIỀU LỆ BAN ĐẦU 19,2 TỶ ĐỒNG

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (CNG VIETNAM) được thành lập vào ngày 28/5/2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý KCN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ ban đầu là 19.200.000.000 đồng, trên cơ sở góp vốn của các cổ đông sáng lập:

- » Tổng Công ty Dung Dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí - CTCP (DMC): 51% vốn điều lệ;
- » Công ty IEV Energy Sdn. Bhd (Malaysia): 42% vốn điều lệ; và
- » Công ty TNHH Sơn Anh: 7% vốn điều lệ.

NĂM 2008

TĂNG MẠNH VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 67,2 TỶ ĐỒNG. NHÀ MÁY SẢN XUẤT CNG ĐẦU TIÊN TẠI KCN PHÚ MỸ 1

CNG Việt Nam tăng vốn điều lệ lên 67.200.000.000 đồng với sự tham gia góp vốn thêm của các cổ đông: Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas), CTCP Phân phối Khí thấp áp (PV Gas D).

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG Việt Nam đặt tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đi vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

NĂM 2009

MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG, NÂNG CÔNG SUẤT NHÀ MÁY CNG PHÚ MỸ LÊN 70 TRIỆU SM³

Tổng Công ty Khí Việt Nam đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đang sở hữu tại CNG Việt Nam sang CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South). CNG Việt Nam tiếp tục phát triển mở rộng thị trường phân phối khí CNG thông qua việc đầu tư thực hiện dự án nâng công suất Nhà máy CNG Phú Mỹ lên 70 triệu Sm³.

NĂM 2010

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 125 TỶ ĐỒNG. ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN - CHẤT LƯỢNG - MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC BSI CHỨNG NHẬN

Để thực hiện đầu tư các dự án mở rộng sản xuất, CNG Việt Nam đã phát hành 5.780.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 67.200.000.000 đồng lên 125.000.000.000 đồng cho cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược, theo Nghị quyết số 314/NQ - ĐHCĐ/2010 của ĐHCĐ ngày 02/04/2010.

Sau 2 năm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, CNG Việt Nam đã xây dựng và triển khai áp dụng thành công hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004 được BSI (Viện Tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào ngày 22/07/2010.

NĂM 2011

Tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 203,1 TỶ ĐỒNG VÀ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN HOSE

Từ tháng 03/2011, sau khi hệ thống máy nén khí giai đoạn điều chỉnh đi vào hoạt động, tổng công suất thiết kế của CNG Việt Nam chính thức đạt 70 triệu Sm³, cung cấp khí cho 21 khách hàng tại các khu vực Nhơn Trạch, Bình Dương, TP.HCM, Long An.

Sau khi tiến hành tăng vốn điều lệ lên 203.100.000.000 đồng, ngày 23/11/2011, cổ phiếu chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với số lượng 20.312.038 cổ phiếu, mã chứng khoán là CNG, trên cơ sở Quyết định số 167/2011/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp.

NĂM 2012

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ESOP CHO CBCNV VÀ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 213,28 TỶ ĐỒNG

Căn cứ Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2011 về việc phát hành cổ phiếu cho người lao động với tỷ lệ 5% vốn điều lệ (ESOP 2011), HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 01/NQ - HĐQT/2012 phê duyệt quy chế phân phối cổ phiếu theo ESOP 2011 và đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ 5% lên 213.280.000.000 đồng.

NĂM 2013

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 270 TỶ ĐỒNG VÀ THÔNG QUA CHÍNH SÁCH CỔ TỨC 35%

Ngày 25/09/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 213.280.000.000 đồng lên 270.000.000.000 đồng.

Ngày 13/12/2013, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 18/NQ - HĐQT phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% (trong cổ tức tổng cộng 35%) trên vốn điều lệ hiện hành.

NĂM 2014

CHI NHÁNH MIỀN BẮC ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

Ngày 15/04/2014, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 04/NQ - HĐQT phê duyệt chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ hiện hành.

Ngày 08/07/2014, HĐQT Công ty ra Quyết định số 176/QĐ-CNG phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Công ty tại miền Bắc.



NHỮNG CỘT MỐC PHÁT TRIỂN

NĂM 2015

NĂM 2015: TỔNG SẢN LƯỢNG TĂNG MẠNH LÊN 94,3 TRIỆU SM³. TRẠM CẤP KHÍ TRUNG TÂM TẠI KCN MỸ PHƯỚC 3 CHÍNH THỨC HOẠT ĐỘNG

Năm 2015 đánh dấu sự thành công của CNG trong chiến lược mở rộng thị trường tại khu vực phía Bắc. CNG đã chính thức cấp khí cho 4 khách hàng tại khu vực này, giúp nâng tổng lượng khí CNG cung cấp cho khách hàng đạt mốc 94,3 triệu Sm³, tăng trưởng mạnh 26% so với năm 2014.

Ngoài ra, tháng 04/2015, Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 (Bình Dương) chính thức đi vào hoạt động và cung cấp CNG cho các khách hàng trong KCN này. Đây là một phần trong kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm của CNG Việt Nam.

NĂM 2016

NĂM 2016: PV GAS TRỞ THÀNH CỔ ĐÔNG LỚN VỚI TỶ LỆ NĂM GIỮ 56%

Ngày 14/03/2016, PV Gas trở thành cổ đông lớn của CNG Việt Nam với tỷ lệ năm giữ 56% vốn điều lệ, sau khi mua lại toàn bộ cổ phần từ PV Gas South.

Ngày 19/04/2016, HĐQT ra quyết định đổi tên Ban chức năng thành Phòng chức năng, phù hợp với hệ thống quản lý của PV Gas.

Ngày 17/05/2016, HĐQT ra nghị quyết thông qua việc thành lập Chi nhánh Phú Mỹ.

NĂM 2017

KỶ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP

Số lượng khách hàng tăng mạnh, sản lượng tiêu thụ khí lên đến 141,3 triệu Sm³, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều vượt 35-40% so với kế hoạch.

NĂM 2018

TÁI CẤU TRÚC, SẮP XẾP LẠI CƠ CẤU TỔ CHỨC KHỐI VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban lãnh đạo Công ty triển khai rà soát, ban hành chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc Chi nhánh làm cơ sở triển khai, áp dụng KPI cấp đơn vị.

Số lượng khách hàng tiếp tục tăng mạnh. Năm 2018, Công ty đã cấp khí cho 06 khách hàng mới.

Sản lượng tiêu thụ khí CNG đạt 164,6 triệu Sm³, tăng 25% so với kế hoạch và tăng 16% so với năm 2017.

Vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 537 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm trước.

NĂM 2019

TIẾP TỤC CÓ BƯỚC PHÁT TRIỂN KHI KÝ HỢP ĐỒNG CẤP KHÍ VỚI 06 KHÁCH HÀNG MỚI.

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ KHÍ 192,16 TRIỆU SM³

Vượt qua một năm gặp nhiều khó khăn và thách thức do thiếu hụt nguồn cung và thị trường dầu khí biến động mạnh, Công ty tiếp tục có bước phát triển khi ký hợp đồng cấp khí với 06 khách hàng mới. Sản lượng tiêu thụ khí đạt 192,16 triệu Sm³, vượt 123% so với kế hoạch và tăng 117% so với năm trước. Tổng doanh thu năm 2019 đạt 2.146,74 tỷ đồng, vượt 123% so với kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (CNG) đạt 2.130,39 tỷ đồng, vượt 122% kế hoạch. LNTT đạt 107,6 tỷ đồng và LNST đạt 84,4 tỷ đồng, lần lượt tương ứng với 102% và 100% của kế hoạch năm.

NĂM 2020

MUA LẠI HỆ THỐNG CNG TẠI MIỀN BẮC, TIÊN PHONG LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ LNG

Công ty mua lại hệ thống CNG tại miền Bắc, tiến tới tiên phong làm chủ công nghệ LNG, cung cấp giải pháp năng lượng sạch trọn gói CNG – LNG – LPG tại thị trường cả nước. Mặc dù một năm với những khó khăn chưa có tiền lệ như đại dịch COVID-19, giá dầu có thời điểm lao dốc, tổng doanh thu của Công ty ghi nhận 2.351,1 tỷ đồng, vượt 105% so với kế hoạch và LNST đạt 51 tỷ đồng, tương đương 106% so với kế hoạch.

NĂM 2021

TỔNG SẢN LƯỢNG CNG TIÊU THỤ 274,31 TRIỆU SM³

Vượt qua giai đoạn đầy khó khăn và thách thức trong năm 2021, CNG Vietnam đã kịp thời điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp, vừa ứng phó với dịch bệnh vừa hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra với tổng sản lượng CNG tiêu thụ là 274,31 triệu Sm³, đạt 113% kế hoạch, doanh thu bán khí đạt 3.057,7 tỷ đồng, tăng 30,8% so với năm 2020; tổng doanh thu đạt 3.062,1 tỷ đồng, tăng 30,2% so với năm 2020 và vượt 29,1% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 82,3 tỷ đồng, vượt 71,2% kế hoạch và tăng 61,3% so với năm 2020.

NĂM 2022

TỔNG SẢN LƯỢNG CNG TIÊU THỤ 314,8 TRIỆU SM³. KHỞI CÔNG XÂY DỰNG TRẠM CẤP KHÍ LNG ĐẦU TIÊN

Khởi công xây dựng trạm cấp khí LNG tại KCN Thuận Đạo, Long An với dung tích chứa giai đoạn đầu là 50 tấn và sẽ tiếp tục mở rộng trong tương lai. Đây là trạm cấp khí LNG đầu tiên, là bước khởi đầu quan trọng cho chuỗi các dự án LNG của CNG Việt Nam trên khắp cả nước khi nguồn cung và giá ổn định. Trong khi đó, sản lượng cấp CNG của Công ty trong năm 2022 tiếp tục tăng trưởng mạnh 14,8% đạt mức 314,8 triệu Sm³, vượt 10% so với kế hoạch. Tổng doanh thu năm 2022 đạt 4.195,2 tỷ đồng, vượt 29,6% so với kế hoạch ĐHĐCĐ đã giao phó.



KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU



Ông Nguyễn Thanh Trung
Chủ tịch HĐQT CTCP Tôn Đông Á

“Tôn Đông Á luôn ưu tiên đầu tư các trang thiết bị hiện đại, thân thiện môi trường, đó cũng chính là lý do chúng tôi lựa chọn sử dụng sản phẩm CNG và hợp tác cùng CNG Việt Nam. Trong suốt hơn 11 năm đồng hành, cùng nhau vượt qua nhiều giai đoạn khó khăn của thị trường, giá nhiên liệu biến động, chính trị-kinh tế thế giới bất ổn, CNG Việt Nam luôn là đối tác đáng tin cậy. Tôn Đông Á sẽ luôn đồng hành với CNG Việt Nam, là đối tác chiến lược tin cậy, cùng nhau chia sẻ sứ mệnh “kiến tạo những giá trị bền vững cho cộng đồng-xã hội”.

CÔNG TY KÍNH NỔ VIGLACERA CHUYỂN ĐỔI SANG SỬ DỤNG 100% NHIÊN LIỆU SẠCH (CNG)

Thực hiện mục tiêu công nghiệp Xanh của Tổng công ty Viglacera – CTCP, Công ty Kính nổi Viglacera (VIFG) đã chuyển đổi nhiên liệu đốt lò nấu kính từ sử dụng 100% dầu FO sang sử dụng 100% khí sạch CNG. Đây là một bước tiến mới trong việc ứng dụng công nghệ hiện đại, tiếp tục thực hiện mục tiêu tiên phong công nghệ Xanh – Sạch - Thân thiện môi trường trong lĩnh vực Kính xây dựng của Viglacera. CNG là nhiên liệu thuộc loại “xanh và sạch” được các nước tiên tiến trên thế giới ưa dùng và được sử dụng rộng rãi làm nhiên liệu trong công nghiệp được các nước Anh, Đức, Pháp Mỹ và Nga và các nước trên thế giới sử dụng, đảm bảo môi trường xanh gắn với phát triển bền vững.



GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT



-  **BẰNG KHEN**
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
-  **BẰNG KHEN**
ĐƠN VỊ THI ĐUA XUẤT SẮC DO THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ TRAO TẶNG NĂM 2011
-  **BẰNG KHEN**
CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
-  **BẰNG KHEN**
CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỪ NĂM 2010 - 2015
-  **HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG 3**
VÀ **BẰNG KHEN**
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
NĂM 2014
-  **GIẢI THƯỞNG**
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM
NĂM 2022



GIẢI THƯỞNG DOANH NGHIỆP
KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT
VIỆT NAM NĂM 2012



DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG
MẠNH NHẤT VIỆT NAM
NĂM 2013



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT NĂM 2011, 2012,
2015, 2016



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT NĂM 2013



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT NĂM 2014



DOANH NGHIỆP
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
NĂM 2016, 2017, 2018



DOANH NGHIỆP MID CAP
CÓ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT NĂM 2018, 2019, 2020



DOANH NGHIỆP SMALL
& MICRO CAP CÓ HOẠT ĐỘNG
IR TỐT NHẤT
NĂM 2021 - IR AWARDS



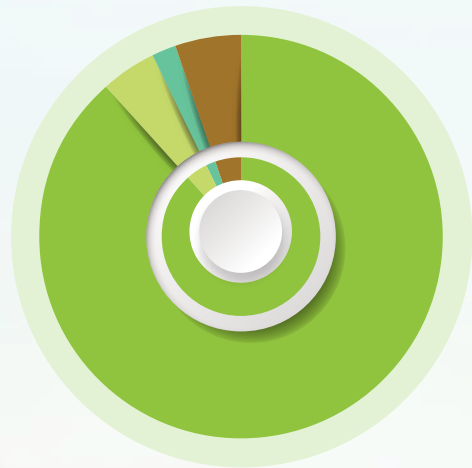
DOANH NGHIỆP SMALL CAP
CÓ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỐT NHẤT NĂM 2021, 2022

CNG - KỶ NGUYÊN MỚI CỦA NGUỒN NĂNG LƯỢNG SẠCH

CNG LÀ GÌ, THÀNH PHẦN CẤU TẠO?

CNG (Compressed Natural Gas) là khí thiên nhiên được khai thác từ các mỏ khí tự nhiên hay là khí đồng hành trong quá trình khai thác dầu mỏ, qua thiết bị làm sạch để loại bỏ các tạp chất và các cấu tử nặng, vận chuyển bằng đường ống tới nhà máy nén khí. Khí thiên nhiên này được nén tới áp suất 200 – 250 barg ở nhiệt độ môi trường để giảm thể tích tồn chứa, tăng hiệu suất và giảm chi phí vận chuyển bằng các phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy. Tại nơi tiêu thụ, CNG được gia nhiệt và giảm áp qua cụm thiết bị PRU (Pressure Reducing Unit), tới áp suất yêu cầu của khách hàng (thường là dưới 3 barg).

CNG khi đốt giảm phát thải tới 80% khí độc vào môi trường so với các nguyên liệu khác, hầu như không phát sinh bụi, ít gây hiệu ứng nhà kính, an toàn hơn trong trường hợp rò rỉ.



THÀNH PHẦN CNG

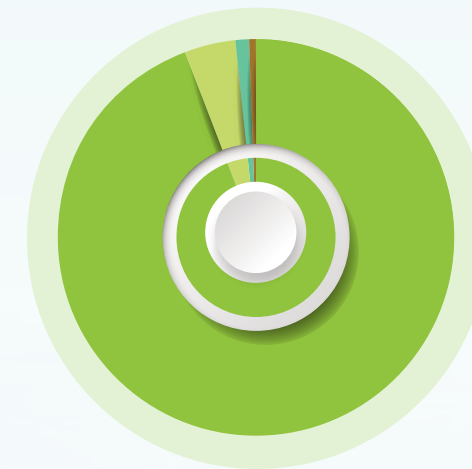
- Methane (CH₄) > 88%
- Ethane (C₂H₆) > 4,5%
- Propane (C₃H₈) - 2%
- Khác < 5%



LNG LÀ GÌ, THÀNH PHẦN CẤU TẠO?

Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG – Liquefed Natural Gas) là sản phẩm hydrocarbon ở thể lỏng, có nguồn gốc từ khí tự nhiên với thành phần chủ yếu là Methane (CH₄), tại nhiệt độ, áp suất bình thường ở thể khí và khi được làm lạnh đến nhiệt độ nhất định thì chuyển sang thể lỏng.

Khí thiên nhiên được hóa lỏng nhờ làm lạnh sâu đến âm 162°C sau khi đã loại bỏ các tạp chất. LNG không màu, không mùi, không độc hại và không có tính chất ăn mòn, có nhiệt độ ngọn lửa vào khoảng 2.340°C và nhẹ hơn không khí. Thành phần chủ yếu là Methane (khoảng 95%), Ethane, và một lượng nhỏ các khí khác.



THÀNH PHẦN LNG

- Methane (CH₄) - 94,3%
- Ethane (C₂H₆) - 4,2%
- Propane (C₃H₈) - 1%
- Khác - 0,5%



UU ĐIỂM CỦA CNG VÀ LNG

- Giảm chi phí bảo dưỡng sửa chữa so với việc sử dụng các nhiên liệu khác như FO, DO, than...**
- An toàn do sử dụng thiết bị chất lượng cao, phù hợp với các tiêu chuẩn của Mỹ và Châu Âu, áp dụng quy trình quản lý và vận hành nghiêm ngặt.**
- Hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao, kéo dài tuổi thọ thiết bị so với các nhiên liệu khác.**
- Tiết kiệm chi phí nhiên liệu nhờ giá cả cạnh tranh hơn và hiệu suất cháy cao hơn các nhiên liệu khác, góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp sử dụng CNG/LNG làm nhiên liệu.**
- Tiết kiệm chi phí xử lý môi trường do CNG/LNG là nhiên liệu sạch, không phát sinh những chất độc hại gây ô nhiễm môi trường khi cháy như SO₂, NOx... Sử dụng CNG/LNG giúp doanh nghiệp dễ dàng đạt các chứng nhận về môi trường.**

BẢNG QUY ĐỔI NHIỆT TRỊ CÁC LOẠI NHIÊN LIỆU

| Nhiên liệu | Đơn vị | KCal | BTU | mmBTU |
|------------|-----------------|--------|--------|----------|
| LPG | Kg | 11.823 | 46.917 | 0,046917 |
| DO | Kg | 10.835 | 42.997 | 0,042997 |
| FO | Kg | 9.800 | 38.890 | 0,038890 |
| CNG | Sm ³ | 10.080 | 40.001 | 0,040001 |
| LNG | Kg | 13.114 | 52.042 | 0,05204 |

BẢNG QUY ĐỔI NHIÊN LIỆU

| Nhiên liệu cơ sở | Đơn vị | CNG (Sm ³) | LPG (Kg) | DO (Kg) | FO (Kg) |
|------------------|-----------------|------------------------|----------|---------|---------|
| CNG | Sm ³ | 1 | 0,85259 | 0,93032 | 1,02857 |
| LPG | Kg | 1,1729 | 1 | 1,09117 | 1,2064 |
| DO | Kg | 1,0749 | 0,91645 | 1 | 1,10561 |
| FO | Kg | 0,97223 | 0,82891 | 0,90448 | 1 |
| LNG | Kg | 1,30099 | 1,10919 | 1,21034 | 1,33816 |

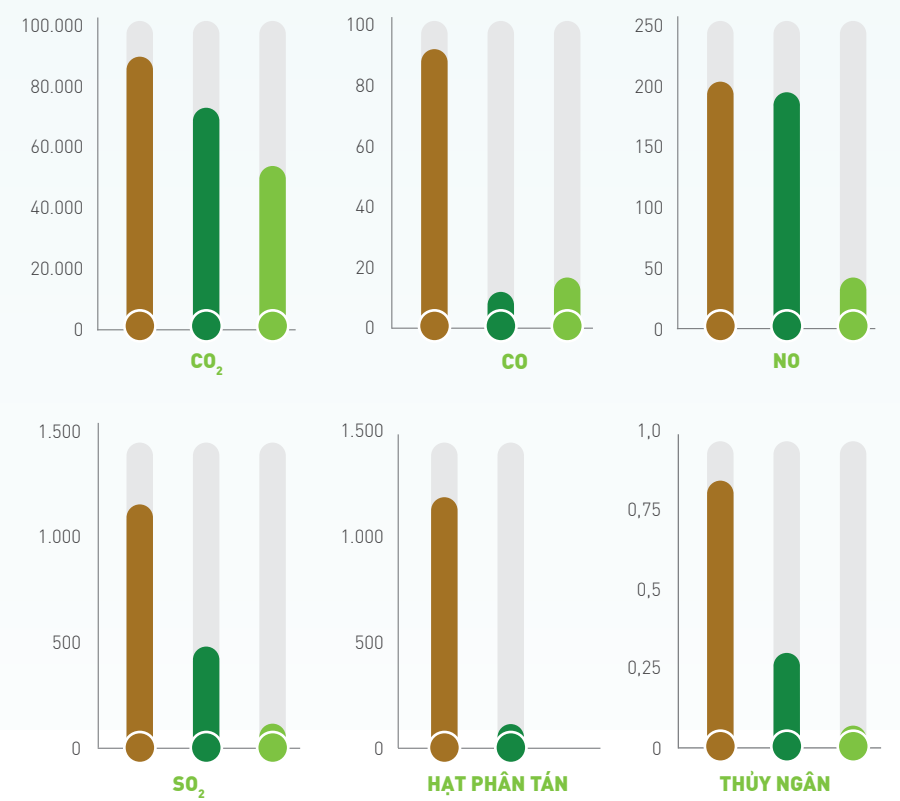
Ghi chú:

- ★ BTU (British Therm Unit): Đơn vị nhiệt trị của Anh quốc
- ★ Sm³ (Standard cubic metre): 1 m³ CNG tại điều kiện tiêu chuẩn (nhiệt độ 15°C, áp suất 1 at)
- ★ mmBTU: Một triệu BTU
- ★ 1kcal = 3,968321 BTU

SO SÁNH KHÍ THẢI CÁC LOẠI NHIÊN LIỆU

(Kg khí thải/Triệu BTU)

- Than
- Dầu
- Khí thiên nhiên



Nguồn: U.S. Energy Information Administration





QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI CNG



1

NGUỒN KHÍ ĐẦU VÀO

Khí thiên nhiên được lấy từ hệ thống khí của Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas) hoặc thông qua hệ thống khí đường ống của PVGas D, đi vào trạm nén (Trạm nén Phú Mỹ - Khu vực Đông Nam Bộ; Trạm nén Tiền Hải, Thái Bình - Khu vực Bắc Bộ) với áp suất 22 barg, lưu lượng khí được kiểm soát qua hệ thống trạm đo khí đầu vào.



3

CHUYÊN CHỜ

Sau khi được nén vào các bồn chứa chuyên dụng bằng vật liệu Composite hoặc Thép có thể tích từ 18 m³ ÷ 40 m³, CNG được chuyên chở đến các trạm tiêu thụ của khách hàng. Bồn và phương tiện chuyên chở phải tuân thủ các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm, cháy nổ.

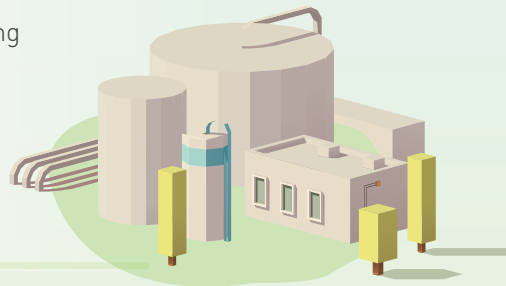
NÉN KHÍ

Khí được dẫn vào trạm máy nén CNG thông qua hệ thống máy nén để nén từ áp suất 14-22 barg lên 200-250 barg vào các bồn chứa chuyên dụng.

Các máy nén và hệ thống điều khiển được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, đảm bảo đủ điều kiện vận hành an toàn và được kiểm định định kỳ hàng năm.

Trạm nén khí tại Phú Mỹ (Bà Rịa - Vũng Tàu) công suất 300 triệu Sm³/năm và Trạm nén khí tại Tiền Hải (Thái Bình) công suất 110 triệu Sm³/năm. Công suất các trạm nén khí này có thể mở rộng khi khách hàng có nhu cầu cao hơn trong tương lai.

2



GIẢM ÁP TẠI TRẠM KHÁCH HÀNG (PRU)

Xe bồn vận chuyển khí đến trạm PRU, từ đây khí được dẫn từ xe bồn ở áp suất từ 200 đến 250 barg đi qua hệ thống PRU, giảm áp qua 2 giai đoạn (giai đoạn 1 giảm áp xuống 60 barg, giai đoạn 2 giảm áp xuống 2-7 barg) để cung cấp khí cho khách hàng theo yêu cầu.

Hệ thống PRU được thiết kế và lắp đặt tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy định của Việt Nam, đảm bảo an toàn tuyệt đối.

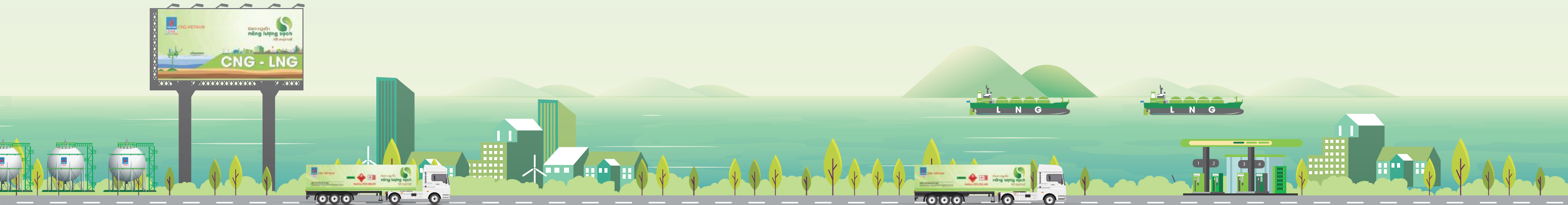
4



5

KẾT NỐI VỚI LÒ ĐỐT TẠI KHÁCH HÀNG

Từ đầu ra của trạm giảm áp, khí được dẫn bằng đường ống tới hệ thống lò đốt của khách hàng.



QUY TRÌNH PHÂN PHỐI LNG

1

NGUỒN KHÍ LNG

Nguồn khí thiên nhiên hóa lỏng LNG được nhập khẩu từ các quốc gia có trữ lượng lớn trên Thế giới bằng tàu chuyên dụng.



2

TIẾP NHẬN VÀ TỒN CHỨA LNG

Tàu chuyên chở LNG được tiếp nhận và bơm rót vào hệ thống kho chứa thông qua cầu cảng có lắp đặt hệ thống tiếp nhận chuyên dụng.



3

CHUYÊN CHỞ

Hệ thống các xe bồn đa dạng ở trạng thái lỏng có sức chứa 15.000 Sm³, 20.000 Sm³, 25.000 Sm³ và 30.000 Sm³ khí với áp suất làm việc 8 barg, là phương tiện chuyên chở LNG đến nhà máy khách hàng.



4

TÁI HÓA KHÍ TẠI NHÀ MÁY KHÁCH HÀNG

Tùy theo nhu cầu sử dụng mà khách hàng được lắp đặt hệ thống tái hóa khí bao gồm bồn chứa LNG và các thiết bị tái hóa khí với áp suất làm việc khoảng 8 barg để đưa LNG về trạng thái khí tự nhiên cung cấp cho khách hàng.



5

KẾT NỐI VỚI LÒ ĐỐT TẠI KHÁCH HÀNG

Từ hệ thống tái hóa khí với áp suất đầu ra khoảng 8 barg, khí được giảm áp theo yêu cầu và được dẫn bằng đường ống đi vào các buồng đốt.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần

27.000.000 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 27.000.000 cổ phần

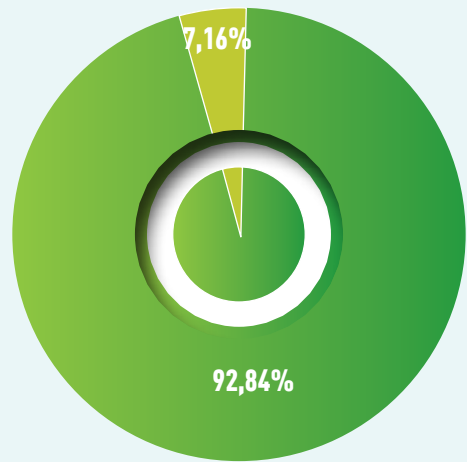


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài tại ngày 31/12/2022

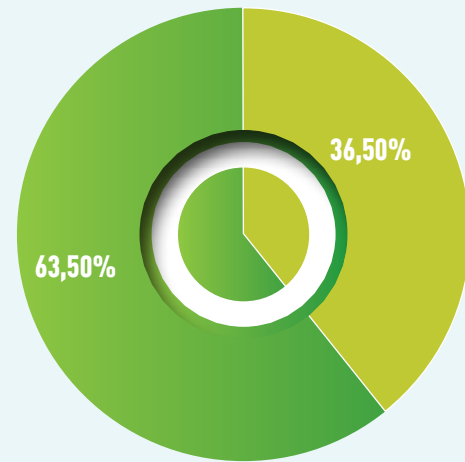
| Chỉ tiêu | Trong nước | | Nước ngoài | | Tổng cộng | |
|------------------|-------------------|---------------|------------------|--------------|-------------------|----------------|
| | Cổ phần | % VDL | Cổ phần | % VDL | Cổ phần | % VDL |
| Cá nhân | 9.541.584 | 35,34% | 314.630 | 1,17% | 9.856.214 | 36,50% |
| Tổ chức | 15.525.883 | 57,50% | 1.617.903 | 5,99% | 17.143.786 | 63,50% |
| Tổng cộng | 25.067.467 | 92,84% | 1.932.533 | 7,16% | 27.000.000 | 100,00% |

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2022

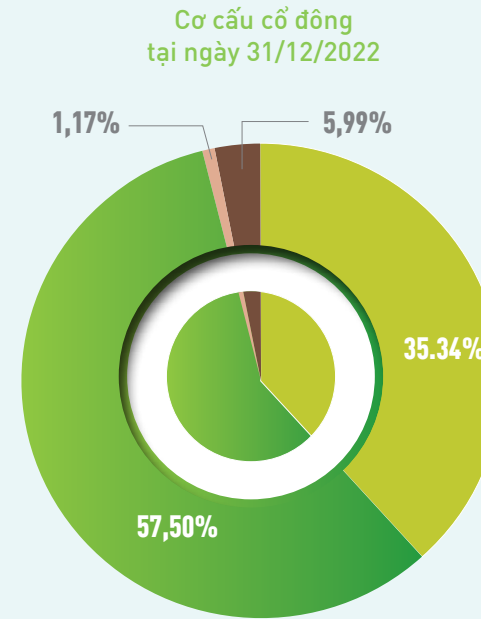


● Cổ đông trong nước ● Cổ đông nước ngoài

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2022



● Cổ đông cá nhân ● Cổ đông Tổ chức



Phân loại theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên) tại ngày 31/12/2022

| Tên cổ đông | Vốn cổ phần (cổ phần) | Tỷ lệ (%) |
|---|-----------------------|---------------|
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV Gas) | 15.120.000 | 56,00 |
| Các cổ đông khác | 11.880.000 | 44,00 |
| Tổng cộng | 27.000.000 | 100,00 |

● Cá nhân trong nước ● Tổ chức trong nước
● Cá nhân nước ngoài ● Tổ chức nước ngoài

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

ĐVT: Tỷ đồng

| Năm | Vốn điều lệ ban đầu | Vốn điều lệ tăng thêm | Vốn điều lệ lũy kế | Hình thức tăng vốn |
|----------|---------------------|-----------------------|--------------------|--|
| 2007 | 19,2 | - | 19,2 | |
| 2008 | 19,2 | 48 | 67,2 | Phát hành thêm |
| 2010 | 67,2 | 57,8 | 125 | Phát hành cho cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược |
| 2011 | 125 | 37,5 | 162,5 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 2011 | 162,5 | 40,6 | 203,1 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu |
| 2012 | 203,1 | 10,2 | 213,3 | ESOP cho CBCNV |
| 2013 | 213,3 | 56,7 | 270,0 | ESOP cho CBCNV và thưởng cổ phiếu |
| 2013-nay | 270,0 | - | 270,0 | |

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tổng vốn điều lệ đến ngày 31/12/2022 là 270 tỷ đồng, không thay đổi so với năm trước. Vốn chủ sở hữu đến cuối năm 2022 đạt gần 567,4 tỷ đồng gấp 2,1 lần so với vốn điều lệ nhờ tích lũy lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty hiện đang nắm giữ 327 cổ phiếu quỹ, chiếm tỷ lệ 0,001%. Trong năm, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Với nền tảng quản trị doanh nghiệp không ngừng được cải thiện, CNG Việt Nam đã duy trì được lợi thế cạnh tranh vững chắc trong bối cảnh thị trường dầu khí và môi trường vĩ mô liên tục biến động mạnh trong thời gian qua.

CNG Việt Nam hiện đang hoạt động với mô hình CTCP và cơ cấu tổ chức trực tuyến chức năng, vận hành hiệu quả cùng với bộ máy và nhân sự tinh gọn. Đây cũng là tôn chỉ mà Ban lãnh đạo Công ty chú trọng ngay từ những ngày đầu thành lập, và xem là yếu tố then chốt, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, gia tăng giá trị thương hiệu, hình ảnh doanh nghiệp, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

CNG Việt Nam cũng đã liên tục rà soát, hoàn thiện mô hình quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế, tách biệt quyền và trách nhiệm giữa Hội đồng Quản

trị và Ban điều hành, đồng thời thực hiện chỉ đạo xuyên suốt theo chiều dọc đối với các phòng ban chức năng và chi nhánh. Hệ thống các quy trình, thủ tục cũng giúp các đơn vị chủ động trong tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và gia tăng hiệu quả trong quản lý.

Với nền tảng quản trị doanh nghiệp không ngừng được cải thiện, CNG Việt Nam đã duy trì được lợi thế cạnh tranh vững chắc trong bối cảnh thị trường dầu khí và môi trường vĩ mô liên tục biến động mạnh trong thời gian qua.

CÁC NỀN TẢNG QUẢN TRỊ QUAN TRỌNG

Bên cạnh Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua, CNG Việt Nam còn tham khảo các Thông lệ tốt nhất về quản trị công ty của OECD, Thông lệ quản trị công ty do UBCKNN ban hành... Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp dựa trên nền tảng hệ thống quản trị hiện đại như Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 và Hệ thống quản lý an toàn – sức khỏe OHSAS 18001,...



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Tiểu ban trực thuộc HĐQT: Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ
Công ty con, công ty liên kết: Không.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của CNG Việt Nam. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ pháp luật.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát được bầu bởi ĐHĐCĐ để thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật

PHÒNG KỸ THUẬT - ĐẦU TƯ

Phòng Kỹ thuật - Đầu tư có chức năng: (1) Thực hiện các công tác đầu tư - xây dựng và kỹ thuật; (2) Quản lý, điều hành và thực hiện các hoạt động khoa học - công nghệ, chất lượng, kỹ thuật vào sản xuất của Công ty; (3) Xây dựng chiến lược, quản lý công tác đầu tư - xây dựng và tổ chức thực hiện; (4) Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, đất đai.

PHÒNG KẾ HOẠCH - KINH DOANH

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh có chức năng: 1) Thực hiện các công tác xây dựng chiến lược, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm khí (CNG, LNG...) của Công ty; (2) Quản lý và phát triển công tác kinh doanh sản phẩm khí theo chiến lược kinh doanh đã đề ra; (3) Quản lý các hợp đồng trong lĩnh vực mua bán sản phẩm khí và các hợp đồng liên quan khác; (4) Nghiên cứu, dự báo giá và đánh giá chính sách kinh doanh hàng hóa của sản phẩm trong nước, khu vực và thế giới; (5) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH

Phòng Tổ chức - Hành chính có chức năng: (1) Quản lý công tác tổ chức cán bộ, nhân sự; công tác đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách và công tác thi đua khen thưởng theo kỷ luật trong toàn Công ty; (2) Quản lý thiết bị văn phòng; công tác văn thư lưu trữ, bảo mật và thông tin liên lạc; (3) Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức triển khai các phương án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty và yêu cầu sản xuất kinh doanh...

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Phòng Tài chính - Kế toán có chức năng: (1) Quản lý công tác khai thác, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn và tài sản của Công ty; (2) Quản lý, điều hành các hoạt động tài chính trong toàn Công ty; (3) Quản lý và đảm bảo công tác kế toán, thống kê tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật Kế toán, Luật Thống kê, Luật Thuế và các chế độ quản lý tài chính, kế toán hiện hành của Nhà nước và Công ty; (4) Xây dựng, đề trình quy chế tài chính và bảo vệ kế hoạch tài chính tổng hợp của Công ty; (5) Định kỳ lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính được giao theo quy định; (6) Phối hợp với các Phòng khác thuộc Công ty theo sự phân công của Ban Giám đốc trong việc chuẩn bị, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác chịu trách nhiệm rà soát các điều khoản liên quan đến tài chính, kế toán...

PHÒNG AN TOÀN - MÔI TRƯỜNG

Phòng An toàn - Môi trường có chức năng: (1) Quản lý và điều hành công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động và công tác môi trường; (2) Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và môi trường trong các hoạt động của Công ty.

CHI NHÁNH PHÚ MỸ

Chi nhánh Phú Mỹ trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, vận chuyển các sản phẩm khí CNG. Chức năng của Chi nhánh Phú Mỹ bao gồm: (1) Thực hiện công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, vận chuyển sản phẩm khí CNG theo kế hoạch sản xuất đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí CNG của các khách hàng; theo dõi, tính toán và báo cáo số liệu về cho Ban Giám đốc và các bộ phận có liên quan (2) Quản lý, theo dõi, bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (hàng ngày, hàng tháng) hoặc đột xuất cho các thiết bị thuộc Chi nhánh Phú Mỹ được Công ty giao; (3) Thực hiện công tác an toàn - sức khỏe - môi trường, PCCC và ứng cứu sự cố khẩn cấp cho hệ thống sản xuất, vận chuyển khí.

CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Chi nhánh Miền Bắc là đơn vị hạch toán phụ thuộc theo Quy chế tài chính của Chi nhánh được HĐQT phê duyệt và Quy chế tài chính của Công ty, được tự chủ trong sản xuất và kinh doanh theo sự phân cấp của Công ty và chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty trong phạm vi số vốn và tài sản được Công ty giao cho Chi nhánh quản lý khai thác và sử dụng

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng, Kỹ sư
Kinh tế Vận tải biển, Cử nhân Kế toán –
Kiểm toán

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
4.680.000 (18,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



ÔNG VŨ VĂN THỰC
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Xây dựng cầu đường

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
4.680.000 (18,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



ÔNG BUI VĂN ĐÁN
Thành viên HĐQT
chuyên trách

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Công nghệ Dầu khí,
Cử nhân Anh văn

**Cổ phần đại diện sở hữu
cho PVGas:** 2.700.000
(10,00%)

**Cổ phần nắm giữ
cá nhân:** 0



ÔNG NGUYỄN HỮU THẮNG
Thành viên HĐQT
chuyên trách

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

**Cổ phần đại diện sở hữu
cho PVGas:** 2.700.000
(10,00%)

**Cổ phần nắm giữ
cá nhân:** 0



BÀ LÊ THỊ THU GIANG
Thành viên HĐQT
độc lập

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh
doanh, Cử nhân Tài chính
– Kế toán

**Cổ phần đại diện sở hữu
cho PVGas:** 0

**Cổ phần nắm giữ
cá nhân:** 625 (0,002%)

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



ÔNG NGUYỄN QUANG BÁ
Trưởng Ban Kiểm soát
(Bổ nhiệm lại ngày 26/4/2022)

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính – Kế toán

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas: 0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



BÀ LÊ THỊ THANH HUYỀN
Kiểm soát viên

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Kinh tế và Quản trị Doanh nghiệp

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas: 0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



ÔNG ĐINH VĂN QUẢNG
Kiểm soát viên
(Bổ nhiệm ngày 26/4/2022)

Năm sinh: 1986

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính – Kế toán

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas: 0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG NĂM:

- Ông Nguyễn Quang Bá được bổ nhiệm làm Trưởng Ban Kiểm soát thay cho Bà Phan Thị Kim Thoa từ ngày 26/4/2022.
- Ông Đinh Văn Quảng được bổ nhiệm mới làm Kiểm soát viên từ ngày 26/4/2022.

GIỚI THIỆU BAN GIÁM ĐỐC



ÔNG VŨ VĂN THỰC
Thành viên HĐQT
kiêm Giám đốc

- Năm sinh: 1976
- Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Xây dựng cầu đường
- Cổ phần đại diện sở hữu
cho PVGas: 4.680.000
(18,00%)
- Cổ phần nắm giữ
cá nhân: 0



ÔNG NGUYỄN NGUYÊN VŨ
Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh tế,
Cử nhân Anh văn
- Cổ phần đại diện sở hữu
cho PVGas: 0
- Cổ phần nắm giữ
cá nhân: 4



ÔNG TRƯƠNG MẠNH THẮNG
Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế
- Cổ phần đại diện sở hữu
cho PVGas: 0
- Cổ phần nắm giữ
cá nhân: 0



ÔNG NGUYỄN HỮU XUÂN
Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1978
- Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Công nghệ Hữu cơ
Hóa dầu
- Cổ phần đại diện sở hữu
cho PVGas: 0
- Cổ phần nắm giữ
cá nhân: 3



BÀ PHẠM THỊ HẠNH
Kế toán trưởng
(Bổ nhiệm ngày 22/4/2022)

- Năm sinh: 1978
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán – Cử
nhân Tiếng Trung
- Cổ phần đại diện sở hữu
cho PVGas: 0
- Cổ phần nắm giữ
cá nhân: 0

THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG NĂM:

Bà Phạm Thị Hạnh được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng từ ngày 22/4/2022 thay cho Ông Nguyễn Mạnh Hùng được miễn nhiệm từ ngày 01/04/2022.

02

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ GIẢI PHÁP CHINH PHỤC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

Triển vọng kinh tế và thị trường dầu khí
giai đoạn 2022-2023

Phân tích SWOT

Gắn kết các bên liên quan trong
Chiến lược hoạt động

Chiến lược phát triển đến năm 2025
và định hướng đến năm 2035

Giải pháp để chinh phục mục tiêu chiến lược
Quản trị rủi ro





TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ GIAI ĐOẠN 2022-2023

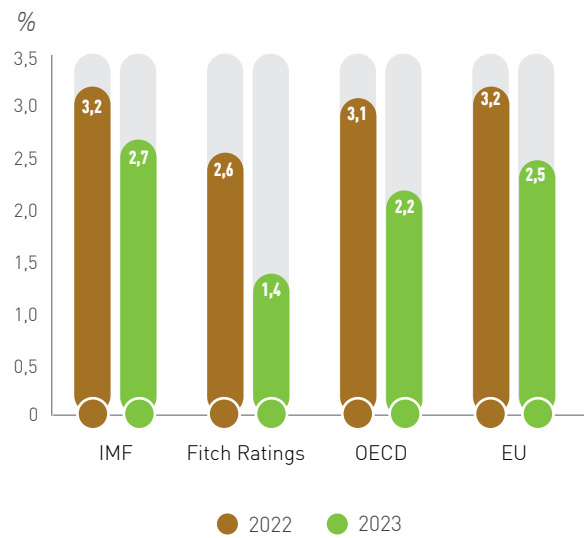
KINH TẾ THẾ GIỚI: NHIỀU BIẾN ĐỘNG VÀ RỦI RO CHÍNH SÁCH

Thế giới đang trong giai đoạn có nhiều xáo trộn cả về kinh tế, địa chính trị, lẫn biến đổi khí hậu và có tác động mạnh mẽ đến triển vọng toàn cầu. Lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ, buộc các chính phủ phải thắt chặt chính sách tiền tệ, hộ gia đình siết chặt chi tiêu trong bối cảnh các khoản hỗ trợ tài chính liên quan đến Covid-19 đang dần cạn kiệt. Ngoài ra, tình hình còn phức tạp hơn khi xung đột giữa Nga và Ukraine có dấu hiệu kéo dài và tác động sâu rộng hơn. Trong khi đó, Trung Quốc chỉ mới mở cửa trở lại vào cuối năm 2022, khiến hoạt động kinh tế chưa thể hồi phục mạnh.

Theo tính toán của IMF, tăng trưởng toàn cầu năm 2022 ước đạt 3,2%. Tuy nhiên, IMF dự báo kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng yếu hơn dự kiến trong năm 2023. Ba nền kinh tế lớn nhất thế giới là Trung Quốc, khu vực đồng Euro và Hoa Kỳ sẽ tăng trưởng chậm lại đáng kể trong năm 2023, khi các ngân hàng trung ương tiếp tục duy trì lãi suất cao để kiểm chế lạm phát; Trung Quốc tăng trưởng chậm do phong tỏa kéo dài và khủng hoảng thị trường bất động sản; cuộc xung đột tại Ukraine không chỉ ảnh hưởng thị trường dầu khí mà còn có thể lan rộng đến các lĩnh vực khác.

Trong khi đó, Fitch Ratings ước tính tăng trưởng toàn cầu năm 2022 chỉ ở mức 2,6%, dù có cải thiện so với mức dự báo trước đó khi kinh tế quý 4 có dấu hiệu hồi phục. Tuy nhiên, Fitch Ratings vẫn điều chỉnh giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023, đạt 1,4%, khi các ngân hàng trung ương mạnh tay hơn trong cuộc chiến chống lạm phát và triển vọng thị trường bất động sản của Trung Quốc xấu đi. Theo Tổ chức OECD, tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo đạt 3,1% năm 2022 và sẽ chậm lại ở mức 2,2% vào năm 2023. Triển vọng toàn cầu cũng ngày càng nghiêng về các nền kinh tế thị trường lớn mới nổi của châu Á chiếm gần 3/4 tăng trưởng GDP toàn cầu vào năm 2023, phản ánh sự suy giảm triển vọng kinh tế của Hoa Kỳ và châu Âu.

Dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2023 của các tổ chức quốc tế



RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN TRIỂN VỌNG KINH TẾ

1. Lạm phát cao kéo dài lâu hơn dự kiến. Lạm phát dự kiến sẽ hạ nhiệt vào năm 2023, tuy nhiên tốc độ giảm lạm phát ở các nền kinh tế phát triển nhanh hơn so với ở các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi. Trong khi đó, một số yếu tố có thể khiến việc kiểm soát lạm phát trở nên khó khăn hơn như những cú sốc về giá năng lượng và lương thực, xung đột ở Ukraine và rủi ro địa chính trị khác.
2. Chính sách thắt chặt quá mạnh. Chính sách tiền tệ thắt chặt quá mức sẽ thúc đẩy quan điểm tăng lãi suất, tạo áp lực chi phí đáng kể đối với hoạt động sản xuất và việc làm. Mặt khác, thắt chặt quá mức có nguy cơ đẩy nhiều nền kinh tế vào suy thoái.
3. Nợ công tăng cao. Xung đột ở Ukraine và đại dịch Covid-19 đã làm phình bong bóng nợ công trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển. Nếu lạm phát vẫn ở mức cao, việc thắt chặt chính sách tiền tệ hơn nữa ở các nền kinh tế phát triển có thể gây thêm áp lực lên chi phí đi vay đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi.
4. Khủng hoảng bất động sản ở Trung Quốc ngày càng trầm trọng. Những rủi ro tiêu cực đối với phục hồi tăng trưởng của Trung Quốc là do sụt giảm đáng kể trong lĩnh vực bất động sản, vốn là động lực tăng trưởng của nền kinh tế nước này. Điều này đặc biệt nghiêm trọng hơn khi Trung Quốc đã phải phong tỏa lâu dài vì đại dịch Covid-19 và hoạt động sản xuất chưa thể phục hồi trong thời gian ngắn.



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ GIAI ĐOẠN 2022-2023

VIỆT NAM: TỐC ĐỘ HỒI PHỤC KINH TẾ KỶ VỌNG CẢI THIỆN TỪ NỬA CUỐI 2023

Theo Tổng cục Thống kê, GDP Việt Nam năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022 khi nền kinh tế được khôi phục trở lại sau thời kỳ khủng hoảng Covid-19. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

Tuy nhiên, mức tăng trưởng này một phần nhờ hiệu ứng mức nền thấp của năm trước. Trong khi đó, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu chậm lại từ Quý 4 do chính sách tiền tệ thắt chặt, nhu cầu xuất khẩu suy yếu và thị trường trái phiếu, bất động sản gặp khó khăn. Sản xuất công nghiệp Quý 4/2022 có xu hướng sụt giảm, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ước đạt 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2022, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 7,69% so với năm trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) Quý 4/2022 tăng 3%, là mức tăng thấp nhất so với các quý của năm 2022 do đơn hàng sụt giảm, chi phí đầu vào ở mức cao và thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu. Cả năm 2022, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 143,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 19,5%; bình quân một tháng có 11,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, phản ánh tình trạng khó khăn chung của nền kinh tế.

Dòng vốn FDI bị chững lại do chính sách thắt chặt tiền tệ của các nền kinh tế phát triển, bất ổn chính trị toàn cầu và rủi ro suy giảm tăng trưởng kinh tế. Tổng vốn FDI tính đến ngày 20/12/2022 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài ước đạt gần 27,72 tỷ USD, giảm 11% so với năm trước. Nhu cầu bên ngoài suy yếu dẫn ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu và triển vọng thương mại năm 2023.

Năm 2023, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ không thể đạt được mức cao như năm 2022 do hoạt động xuất khẩu bị ảnh hưởng, thị trường bất động sản đóng băng và nhu cầu tiêu dùng sụt giảm. Tuy nhiên, lạm phát năm 2023 kỳ vọng sẽ trong tầm kiểm soát khi áp lực bên ngoài dịu bớt, tạo dư địa cho chính sách tiền tệ và tài khóa nới lỏng vào nửa sau của năm. Việt Nam tiếp tục là một trong những nước được hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc, là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI trong năm 2023.

THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC: GIÁ BÁN DUY TRÌ Ở MỨC CAO – CHUYỂN HƯỚNG MẠNH MỀ NĂNG LƯỢNG XANH NHƯ LNG/CNG

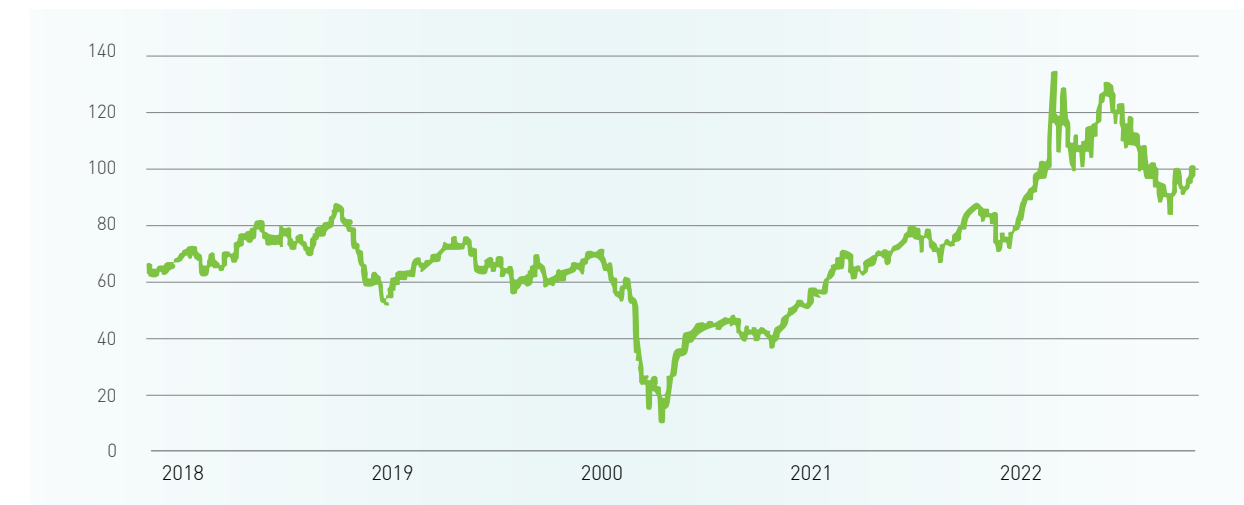
Sau khi liên tục gia tăng trong năm 2021 trước nhu cầu tăng cao giai đoạn hậu Covid, giá dầu thô trong năm 2022 đã chứng kiến đà tăng tiếp tục mạnh mẽ đạt quanh ngưỡng 100 USD/thùng và thậm chí đạt đỉnh hơn 130 USD/thùng hồi tháng 6 và tháng 9/2022. Điều này bắt nguồn chủ yếu từ việc các nước phương Tây cấm vận nhập khẩu dầu mỏ và khí đốt của Nga sau khi xung đột Nga - Ukraine nổ ra hồi tháng 2/2022.

Nhu cầu của châu Âu đối với khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) để bổ sung cho nguồn cung



giảm từ Nga và nhu cầu tăng vọt sau khi mở cửa trở lại đã đẩy giá tăng mạnh. Tuy nhiên, giá khí đốt này phân hóa rất mạnh ở các khu vực, khi tăng cao ở châu Á lên cao và cả Mỹ nhưng mức tăng ở Mỹ vẫn thấp hơn rất nhiều.

Giá dầu Brent giai đoạn 2018- 2022 (Đơn vị: USD/thùng)



Nguồn: FRED

Năm 2023, các tổ chức quốc tế lớn dự báo giá dầu Brent sẽ tiếp tục neo ở mức cao trên 90 USD/thùng khi Trung Quốc mở cửa trở lại thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ. Xung đột tại Ukraine có dấu hiệu kéo dài có thể khiến nguồn cung tiếp tục bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, nhóm OPEC+ luôn phát tín hiệu hỗ trợ giá dầu mỗi khi giá dầu có dấu hiệu sụt giảm.

Trong nước, cuối năm 2022, Luật Dầu khí mới đã được thông qua với kỳ vọng sẽ thu hút thêm đầu tư vào các lô dầu khí Việt Nam nói chung cũng như các dự án cận biên nói riêng. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi hầu hết các mỏ hiện hữu tại Việt Nam đã ở giai đoạn khai thác cuối đời mỏ, với sản lượng suy giảm tự nhiên hàng năm và

nguồn cung khí dự báo tiếp tục bị thiếu hụt trong những năm sắp tới trước nhu cầu tăng mạnh. Dự án LNG Thị Vải của Tổng Công ty Khí Việt Nam đã đi vào những bước cuối cùng, sẽ bổ sung nguồn cung khí nhập khẩu quan trọng cho các khách hàng tại khu vực Đông Nam Bộ.

Đáng chú ý, Chính phủ đã nhấn mạnh sự chuyển dịch năng lượng xanh để đáp ứng yêu cầu giảm phát thải carbon theo cam kết tại các diễn đàn đa phương và do đó, sẽ ưu tiên nguồn năng lượng từ khí trong thời gian tới. Sự chuyển dịch này cùng với nhu cầu ngày càng tăng của hoạt động sản xuất công nghiệp theo hướng bảo vệ môi trường sẽ là động lực phát triển quan trọng cho ngành khí Việt Nam.

PHÂN TÍCH SWOT

NHẬN DIỆN, ĐÁNH GIÁ, PHÂN TÍCH CÁC TÁC ĐỘNG THẾ MẠNH, CƠ HỘI VÀ RỦI RO LÀ VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG ĐỂ TỪ ĐÓ XÂY DỰNG VÀ THIẾT LẬP CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC, HÌNH THÀNH HỆ THỐNG GIẢI PHÁP PHÙ HỢP ĐỂ CHINH PHỤC CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC NÀY. ĐÂY LÀ MỘT CÔNG TÁC ĐƯỢC THỰC HIỆN THƯỜNG XUYÊN VÀ LIÊN TỤC TẠI CNG VIỆT NAM.



S

ĐIỂM MẠNH
(STRENGTHS)

- Lợi thế cạnh tranh từ sản phẩm LNG/CNG: Là nhiên liệu cho hiệu suất cao, giúp tăng tuổi thọ máy móc, thiết bị; thân thiện môi trường; hiệu quả kinh tế, tiết kiệm chi phí hơn hẳn nhiên liệu truyền thống; và an toàn hơn trong vận hành sản xuất.
- Có uy tín và thương hiệu trên thị trường và luôn nhận được sự ủng hộ của khách hàng. Hệ thống khách hàng ổn định đa dạng, tập trung lại các khu vực kinh tế trọng điểm của đất nước. Nhờ đó, CNG duy trì vị thế vững mạnh trong lĩnh vực phân phối khí thiên nhiên khi chiếm hơn 70% thị phần CNG cả nước.
- Cơ sở hạ tầng và công nghệ: Công suất nhà máy nén khí đạt hơn 300 triệu Sm³/năm ở miền Nam và 110 triệu Sm³ ở miền Bắc, đảm bảo cấp khí cho khách ổn định, hệ thống PRU trải rộng khắp các KCN. Công ty cũng đã làm chủ công nghệ CNG và đang đẩy mạnh nghiên cứu, hướng tới tiên phong trong công nghệ LNG.
- Nhân sự và Văn hóa doanh nghiệp: Nhân sự lãnh đạo quản lý cấp cao có trình độ và tầm nhìn quản lý doanh nghiệp, CBCNV năng động, sáng tạo và chủ động công việc; Tạo lập được văn hóa doanh nghiệp, tập hợp được sức mạnh tập thể đoàn kết hướng tới mục tiêu chung của toàn Công ty.
- Cơ cấu tài chính vững mạnh với nguồn lực tự có dồi dào, được bồi đắp nhờ hiệu quả kinh doanh tích cực.
- Mối quan hệ với các bên liên quan: Luôn nhận được sự chia sẻ, hỗ trợ của Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas) và các đơn vị thành viên, các đơn vị trong và ngoài ngành.

W

ĐIỂM YẾU
(WEAKNESSES)

- Hoạt động kinh doanh phụ thuộc vào thị trường dầu khí thế giới và biến động khá mạnh theo triển vọng kinh tế vĩ mô.
- Cơ cấu khách hàng theo ngành nghề chưa đa dạng, mà chủ yếu tập trung vào nhóm sản xuất Vật liệu xây dựng và Thực phẩm.

O

CƠ HỘI
(OPPORTUNITIES)

- Vấn đề bảo vệ môi trường đang trở thành mối quan tâm trong quá trình phát triển của Việt Nam. Điều này sẽ giúp cho nguồn nguyên liệu sạch như CNG, LNG được quan tâm, sử dụng nhiều hơn.
- Việt Nam tham gia hàng loạt các hiệp định thương mại tự do được kỳ vọng sẽ giúp gia tăng nhu cầu tiêu thụ khí do doanh nghiệp mở rộng sản xuất cũng như có thêm khách hàng mới.

T

THÁCH THỨC
(THREATS)

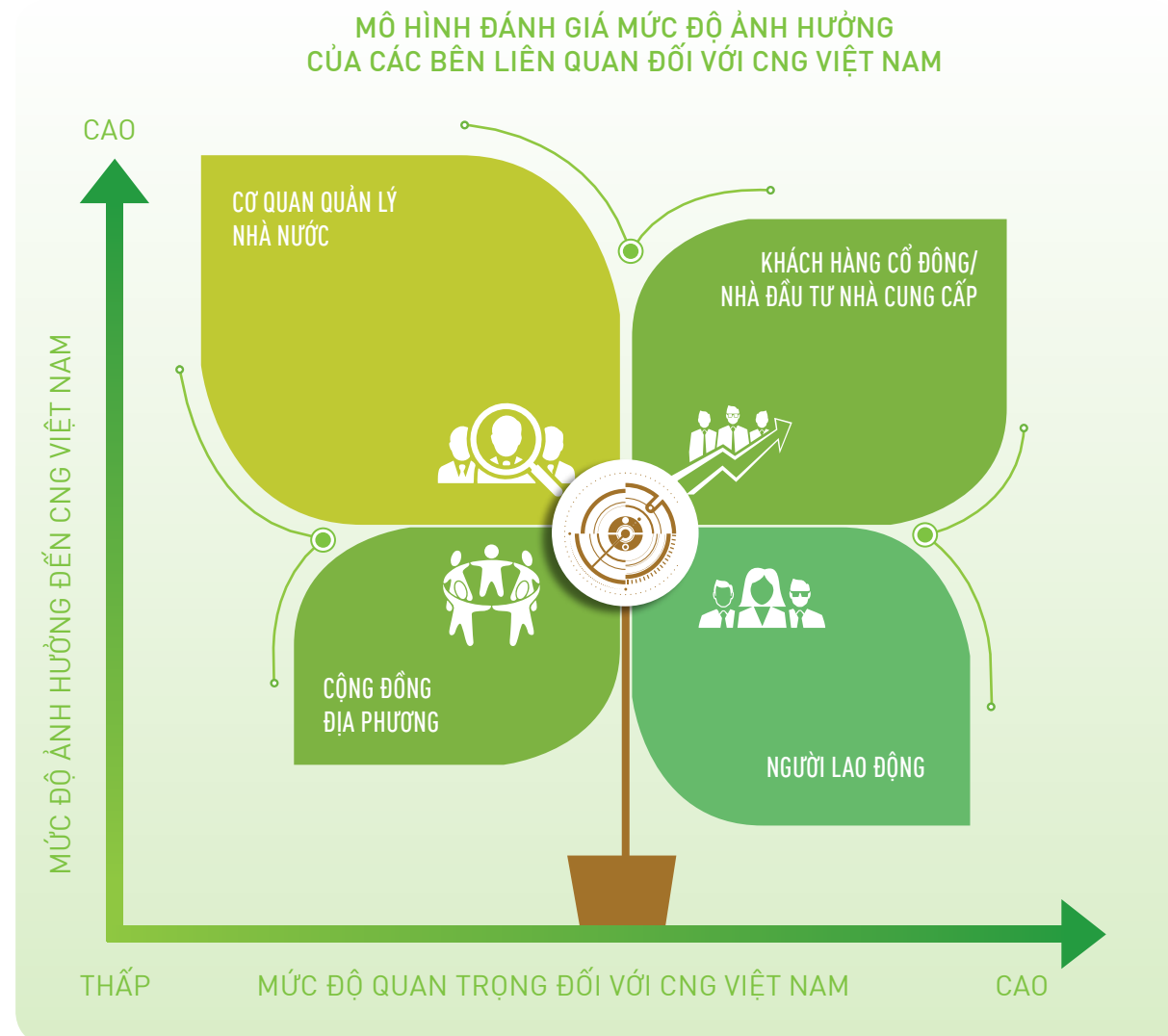
- Sự cạnh tranh từ các nguồn nhiên liệu thay thế như biomass, than đá... nhờ ưu thế về giá và nhận thức về vấn đề môi trường chưa cao.
- Giá dầu khí thế giới đang trong xu hướng biến động mạnh, khiến công tác dự báo, lập kế hoạch kinh doanh gặp nhiều thách thức.
- Yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, an toàn cao đòi hỏi phải đầu tư nhiều vốn, nhân sự chuyên môn cao mới đáp ứng được.



GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG

Đặt trong bối cảnh kinh doanh và chiến lược phát triển dài hạn, CNG Việt Nam luôn xem các bên liên quan là những đối tác quan trọng bậc nhất và tác động trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty trên các mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

Xác định được điều đó, CNG Việt Nam đã xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, thường xuyên tham vấn, tìm hiểu tình hình, nắm bắt thông tin của đối tác, khách hàng, đánh giá và đáp ứng nhu cầu, kỳ vọng của họ, cũng là để phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. CNG Việt Nam xác định các bên liên quan căn cứ vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: Khách hàng; Cổ đông/Nhà đầu tư; Nhà cung cấp; Người lao động; Cơ quan quản lý Nhà nước; Cộng đồng địa phương.



KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HDSXKD

Căn cứ vào việc tương tác và tham vấn với các bên liên quan, CNG Việt Nam có thể xác định được các vấn đề mà họ quan tâm và kỳ vọng. Việc tham vấn cũng giúp Công ty xác định được lĩnh vực cần phải tập trung để đáp ứng sự quan tâm, kỳ vọng đó đồng thời phục vụ cho các định hướng mục tiêu chiến lược.

| BÊN LIÊN QUAN | KÊNH THAM VẤN | MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG | ĐÁP ỨNG VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA CNG VIỆT NAM THỂ HIỆN TRONG BCTN VÀ BCPTBV |
|---------------|---|---|--|
| KHÁCH HÀNG | <ul style="list-style-type: none"> Thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình "Bán khí và chăm sóc khách hàng". Hàng năm, Công ty khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua "Phiếu thăm dò ý kiến". Hàng quý, Công ty cũng tập hợp ý kiến phản hồi của khách hàng để trình Ban Lãnh đạo có phương án xử lý, chỉ đạo tích cực, kịp thời. Hàng tháng, nếu thị trường nhiên liệu (giá FO, LPG) có biến động, Công ty sẽ gặp gỡ trực tiếp với khách hàng để đối thoại, đàm phán giá bán. Phản hồi và trao đổi qua đường dây nóng hoặc email. Giao lưu văn hóa – thể thao với khách hàng. | <ul style="list-style-type: none"> Giá khí, chất lượng khí, chất lượng dịch vụ khách hàng, cơ chế giải quyết khiếu nại. An toàn trong vận hành và vận chuyển CNG, môi trường. Tài chính vững mạnh, hoạt động ổn định liên tục. | <ul style="list-style-type: none"> ★ Báo cáo của Ban Giám đốc ★ Cộng đồng ★ Trách nhiệm với môi trường ★ Quản trị rủi ro |
| | | | |



GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG

KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HDSXKD (tiếp theo)

| BÊN LIÊN QUAN | KÊNH THAM VẤN | MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG | ĐÁP ỨNG VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA CNG VIỆT NAM THỂ HIỆN TRONG BCTN VÀ BCPTBV |
|----------------------------|---|---|--|
| <p>NHÀ CUNG CẤP</p> | <ul style="list-style-type: none"> PVGas là công ty mẹ và cũng là nhà cung cấp khí CNG duy nhất. Ngoài ra, CNG Việt Nam còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì-bảo dưỡng... Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung khí CNG cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào. Tìm kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty. Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp. | <ul style="list-style-type: none"> Giá bán khí đầu vào và các sản phẩm, dịch vụ khác. Khả năng thanh toán hợp đồng cung cấp. Hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả bền vững. | <ul style="list-style-type: none"> ★ Báo cáo của Ban Giám đốc ★ Phân tích tài chính ★ Quản trị rủi ro |

| BÊN LIÊN QUAN | KÊNH THAM VẤN | MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG | ĐÁP ỨNG VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA CNG VIỆT NAM THỂ HIỆN TRONG BCTN VÀ BCPTBV |
|--|--|---|--|
| <p>NGƯỜI LAO ĐỘNG</p> | <ul style="list-style-type: none"> Đánh giá thành tích của các đợt bổ nhiệm và xem xét lương. Hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty. Hội nghị Người lao động được tổ chức hằng năm. "Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc" theo Quy chế dân chủ mà Công ty đã ban hành. | <ul style="list-style-type: none"> Chế độ đãi ngộ như quyền lợi lương thưởng, bảo hiểm, an toàn nghề nghiệp, đào tạo... Môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến. Thành tích và uy tín của Công ty về kinh tế, môi trường, xã hội. | <ul style="list-style-type: none"> ★ Nguồn nhân lực ★ Cộng đồng ★ Báo cáo của Ban Giám đốc ★ Phân tích tài chính |
| <p>CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</p> | <ul style="list-style-type: none"> Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do các cơ quan trung ương, sở ban ngành tổ chức. Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực an toàn. Tham gia đóng góp vào quy hoạch phát triển chung của ngành Dầu khí. | <ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định đặc thù của ngành Dầu khí. Đảm bảo môi trường làm việc, an toàn lao động cho CBCNV và cộng đồng địa phương. Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế. | <ul style="list-style-type: none"> ★ Trách nhiệm với môi trường ★ Cộng đồng ★ Đóng góp kinh tế bền vững |
| <p>CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG</p> | <ul style="list-style-type: none"> Phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở văn phòng, nhà máy, chi nhánh để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương. Gặp mặt trực tiếp để trao đổi các vấn đề phát sinh. | <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn trong sản xuất kinh doanh. Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương. | <ul style="list-style-type: none"> ★ Trách nhiệm với môi trường ★ Cộng đồng ★ Đóng góp kinh tế bền vững |





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035

Trên cơ sở phân tích thị trường và các định hướng vĩ mô, CNG Việt Nam định hình Chiến lược phát triển đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 như đã vạch ra trong Nghị quyết số 65/NQ-CNG ngày 31/12/2021 của HĐQT. Cụ thể:

● QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN



Phát triển CNG Việt Nam theo định hướng thị trường với nền tảng gắn chuỗi giá trị với hệ sinh thái của Tổng Công ty Khí Việt Nam hướng đến mục tiêu mở rộng thị trường, chiếm lĩnh thị phần số một Việt Nam về phân phối khí thiên nhiên ngoài đường ống; Nghiên cứu phát triển phân phối đa dạng các sản phẩm năng lượng sạch dạng khí nén/lỏng theo định hướng phát triển của PVN/PV GAS.



Phát triển CNG Việt Nam đồng bộ, bền vững, có năng lực cạnh tranh cao, khai phá thị trường - bao phủ toàn quốc, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp Khí Việt Nam và chiến lược phát triển của PV GAS.



Phát triển CNG Việt Nam theo hướng cung cấp các sản phẩm nhiên liệu sạch, trong đó lấy khí tự nhiên (LNG/CNG) là các sản phẩm trọng tâm và cung cấp các giải pháp trọn gói đáp ứng mọi yêu cầu chính yếu của khách hàng liên quan đến sản phẩm.



Coi con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ CB CNV có trình độ cao, trách nhiệm; tác phong chuyên nghiệp, chủ động sáng tạo trong công việc. Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG Việt Nam uy tín, chất lượng và phổ biến.

● MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục xây dựng CNG Việt Nam phát triển bền vững, mở rộng thị trường, dẫn đầu về thị phần, trở thành nhà cung ứng/phân phối LNG/CNG bằng xe bồn hàng đầu Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ phân phối LNG/CNG bằng xe bồn.

Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành thương hiệu của nhà cung cấp nhiên liệu khí sạch uy tín, chất lượng và phổ biến. Đồng thời nghiên cứu phát triển các loại nhiên liệu xanh phù hợp với chiến lược của PVN/PV GAS.

Đảm bảo cho toàn chuỗi SXKD của PV GAS được hoạt động thông suốt; gia tăng lợi ích và chuỗi giá trị khí trong tổng thể PVN.

● LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH

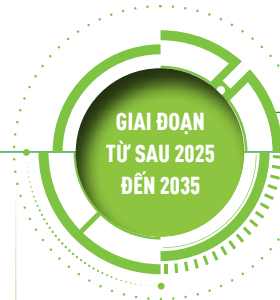
CNG Việt Nam xây dựng chiến lược phát triển thị trường, lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn



Duy trì thị trường/khách hàng hiện tại và tìm kiếm/tiếp cận thị trường/khách hàng mới



Tăng trưởng khu vực thị trường hiện tại và cung cấp sản phẩm LNG ra thị trường.



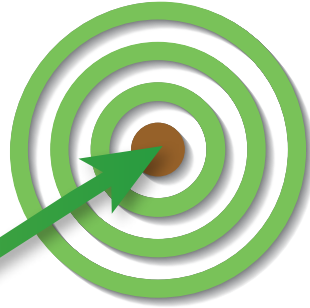
Tăng trưởng ổn định sản xuất kinh doanh trên sản phẩm chủ lực LNG/CNG.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

CNG Việt Nam xây dựng chiến lược phát triển thị trường, lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn.



GIAI ĐOẠN 2021 - 2022

Duy trì thị trường/khách hàng hiện tại và tìm kiếm/tiếp cận thị trường/ khách hàng mới.

- CNG Việt Nam bán các sản phẩm CNG, LPG tùy thuộc vào diễn biến của thị trường. Sản phẩm chủ lực trong giai đoạn này là CNG với tỷ trọng chiếm trên 90% sản lượng kinh doanh của Công ty.
- Sản phẩm CNG chiếm trên 70% thị phần toàn quốc.
- Lên kế hoạch và chuẩn bị công tác thị trường, đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng để chuyển đổi khách hàng hiện hữu đủ điều kiện sang sử dụng LNG.

GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

Tăng trưởng khu vực thị trường hiện tại và cung cấp sản phẩm LNG ra thị trường

- Tăng trưởng sản lượng bình quân 11 - 13%/năm.
- Chiếm 70% thị phần cung cấp CNG và 60% thị phần cung cấp LNG bằng xe bồn toàn quốc.
- Khu vực miền Nam: CNG Việt Nam duy trì bán sản phẩm CNG để tận dụng hạ tầng hiện hữu và nguồn khí nội địa do PV GAS cung cấp. Từng bước thay thế hệ thống CNG bằng thiết bị cấp LNG với tỷ trọng sản phẩm LNG chiếm từ 45% - 75% sản lượng toàn Công ty.
- Khu vực miền Bắc: thực hiện bán các sản phẩm CNG/LPG tùy thuộc vào diễn biến của thị trường. Triển khai xâm nhập và phát triển thị trường LNG.
- Khu vực miền Trung: xâm nhập thị trường LNG miền Trung.

GIAI ĐOẠN TỪ SAU 2025 ĐẾN 2035

Tăng trưởng ổn định sản xuất kinh doanh trên sản phẩm chủ lực LNG/CNG

- Tăng trưởng sản lượng bình quân 12 - 14%/năm.
- Cung cấp các sản phẩm LNG/CNG/LPG tùy thuộc vào diễn biến của thị trường, tận dụng hạ tầng CNG hiện hữu để duy trì cung cấp CNG cho một số khách hàng chưa có khả năng chuyển đổi sang sử dụng LNG. Sản phẩm chủ lực trong giai đoạn này là LNG với tỷ trọng chiếm trên 85% sản lượng toàn Công ty.
- Chiếm 70% thị phần cung cấp CNG toàn quốc đến năm 2028 và ngưng kinh doanh CNG từ năm 2029.
- Chiếm 60% thị phần cung cấp LNG bằng xe bồn toàn quốc.



CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Giai đoạn 2022-2025 | Giai đoạn 2026-2030 | Giai đoạn 2031-2035 | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------------------------|
| I. | Sản lượng | Triệu Sm ³ | 1.262 | 2.762 | 5.231 | Tổng của các năm trong từng giai đoạn |
| 1 | Đông Nam Bộ | | 932 | 1.930 | 3.490 | |
| 2 | Bắc Bộ | | 280 | 631 | 1.394 | |
| 3 | Trung Bộ | | 50 | 201 | 347 | |
| II. | Doanh thu | Tỷ đồng | 13.860 | 33.460 | 73.450 | |



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035

GIẢI PHÁP ĐỂ CHINH PHỤC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC



GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

- Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo trên nguyên tắc tinh gọn, khoa học, thích ứng nhanh mỗi khi có biến động, vận hành hiệu quả theo cơ chế thị trường; Sắp xếp, bố trí nhân sự (bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động,...) phù hợp với cơ cấu tổ chức và đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ SXKD;
- Tăng cường rà soát chức năng, nhiệm vụ các đơn vị, sắp xếp nhân sự đúng yêu cầu về số lượng, chất lượng đảm bảo đáp ứng nhu cầu công việc trên các lĩnh vực đồng thời tăng cường công tác giám sát hoạt động của đơn vị, chi nhánh;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển năng lực của CBCNV, gia tăng hiệu quả lao động;
- Thực hiện rà soát lại các Quy chế, quy định, quy trình để đơn giản hóa thủ tục đảm bảo sự tuân thủ các quy định của Nhà nước và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của Công ty.



GIẢI PHÁP VỀ THỊ TRƯỜNG VÀ SẢN PHẨM

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng, tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty nhằm đem lại sự thoải mái cao nhất cho khách hàng;
- Tập trung tìm kiếm, phát triển khách hàng nhằm bao phủ thị trường, mở rộng địa bàn để gia tăng sản lượng tiêu thụ;
- Tiếp tục cân đối nguồn khí và giá khí đầu vào để phát triển khách hàng trên cơ sở kinh doanh hiệu quả nhằm tạo tiền đề phát triển LNG;
- Bám sát tiến độ nhập khẩu LNG của PV GAS để triển khai kinh doanh, phát triển thị trường tiêu thụ LNG;
- Đẩy mạnh công tác Marketing, truyền thông để quảng bá thương hiệu, sản phẩm dịch vụ Công ty phục vụ công tác phát triển thị trường;
- Phát triển đội ngũ làm công tác thị trường chuyên nghiệp, thường xuyên theo dõi và bám sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa các nhận định, dự báo để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



GIẢI PHÁP VỀ ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu chuyên sâu để đảm bảo các hoạt động đầu tư mở rộng đạt hiệu quả cao như mong đợi;
- Tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai tuyệt đối an toàn, hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra;
- Chủ động triển khai các bước thủ tục, hồ sơ đúng theo quy trình, quy định của Pháp luật và Công ty;
- Sử dụng triệt để vai trò của Tư vấn quản lý dự án, Tư vấn giám sát,... để tư vấn giám sát và thực hiện dự án hiệu quả.



GIẢI PHÁP VỀ TÀI CHÍNH

- Tăng cường các biện pháp quản trị dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Công ty;
- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn trên cơ sở phương án tối ưu để đáp ứng nhu cầu vốn phát triển của Công ty;
- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ công nợ, tăng cường mở bảo lãnh thanh toán, quản trị và tiết giảm chi phí.



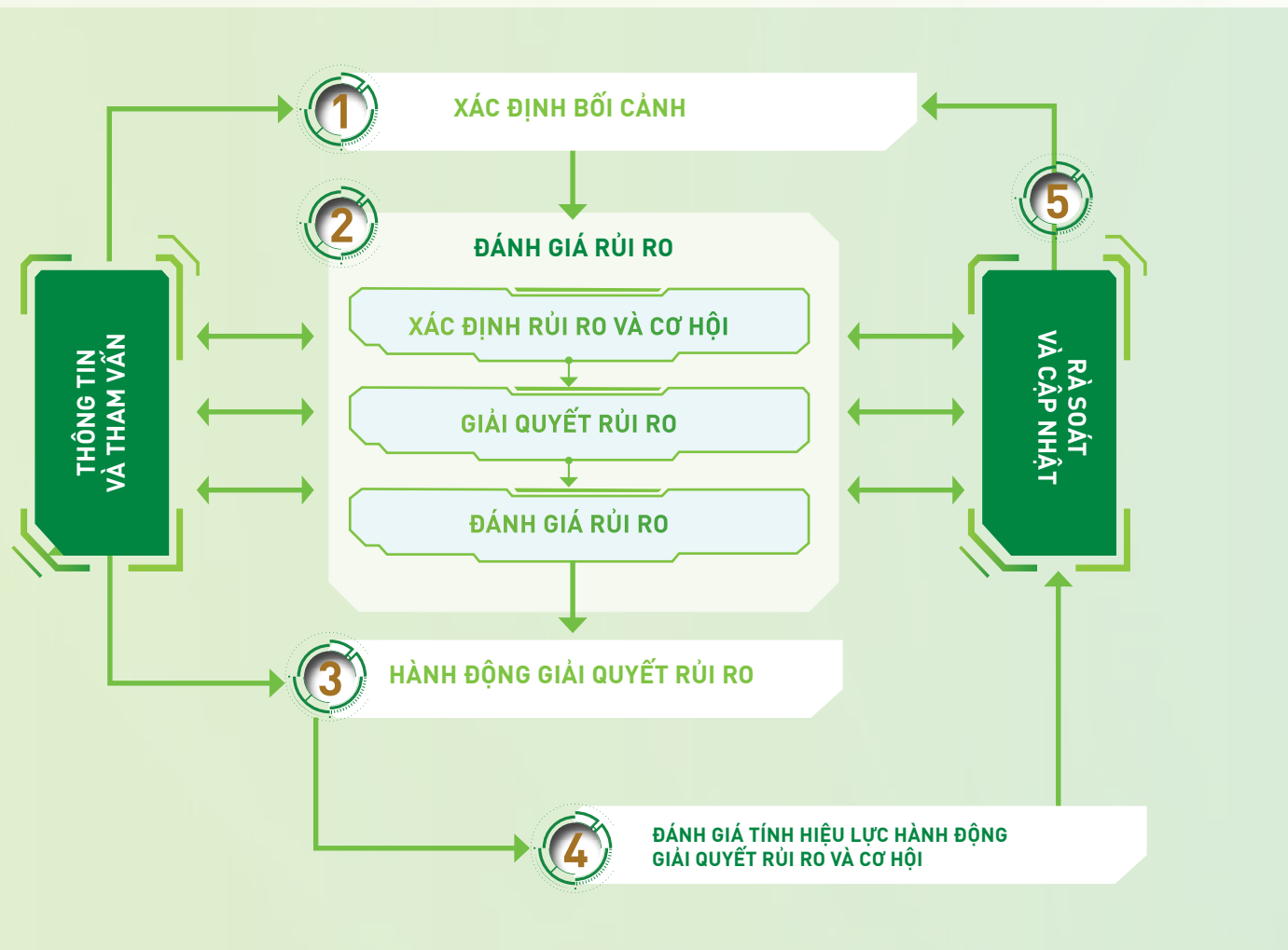
GIẢI PHÁP VỀ MÔI TRƯỜNG, AN TOÀN, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

- Thực hiện tốt công tác an toàn lao động, vận hành, đảm bảo cấp khí an toàn, liên tục cho khách hàng;
- Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ đầy đủ cho công tác bảo dưỡng, sửa chữa và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất;
- Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển phù hợp với quy định của nhà sản xuất và kế hoạch BDSC, giảm thiểu thời gian dừng vận hành;
- Công ty đã xây dựng thành công và tiếp tục áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn - Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 45001:2018, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và 5S vào quá trình SXKD của Công ty;
- Không ngừng nghiên cứu, áp dụng các công nghệ kỹ thuật tiên tiến, tiến tới làm chủ công nghệ LNG. Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quá trình SXKD, nâng cao hiệu quả, tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.



QUẢN TRỊ RỦI RO

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



1 XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Xác định mục đích, định hướng chiến lược và kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Xác định các vấn đề bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh: chính trị, pháp luật, môi trường kinh tế vĩ mô, tài chính, công nghệ, cạnh tranh, điều kiện môi trường như khí hậu, chất lượng không khí, chất lượng nước, ô nhiễm...
- Các vấn đề bên trong gồm: giá trị, kiến thức văn hóa, nguồn lực, quá trình hoạt động của tổ chức
- Nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp

2 ĐÁNH GIÁ RỦI RO

- Phân loại rủi ro dựa trên bản chất rủi ro và phạm vi tác động tiềm năng
- Phân tích, đánh giá rủi ro và cơ hội nhằm xác định kết quả mong đợi, sự không chắc chắn ảnh hưởng đến kết quả mong đợi từ các vấn đề bên trong, bên ngoài đã được xác định. Từ đó xác định cơ hội đạt được sau khi kiểm soát rủi ro.
- Phân tích các rủi ro dựa trên 2 tiêu chí là khả năng xảy ra và hậu quả xảy ra, cũng như xem xét hiệu lực của biện pháp kiểm soát hiện hành thông qua các dữ liệu thống kê trong quá khứ. Từ đó, đưa ra đánh giá mức độ rủi ro cao, thấp, trung bình.

3 HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO

- Đối với các rủi ro được đánh giá là thấp và trung bình: duy trì các biện pháp kiểm soát rủi ro hiện hành.
- Đối với các rủi ro được đánh giá cao: cần hành động giải quyết rủi ro và cơ hội, thực hiện các biện pháp kiểm soát bổ sung.
- Phân công người chịu trách nhiệm thực hiện các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- Phổ biến và tổ chức thực hiện hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội:
 - » Tránh rủi ro
 - » Chấp nhận rủi ro để theo đuổi cơ hội
 - » Loại bỏ nguồn rủi ro
 - » Thay đổi khả năng xảy ra hoặc hậu quả xảy ra để giảm thiểu rủi ro
 - » Chia sẻ rủi ro, hoặc lưu giữ lại rủi ro bằng một quyết định công khai.

4 ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU LỰC HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO VÀ CƠ HỘI

- Đánh giá mức độ tuân thủ các biện pháp đã hoạch định
- Đánh giá mức độ đạt được kết quả dự kiến
- Các đơn vị đánh giá tính hiệu lực của các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội định kỳ 6 tháng/ lần đối với các rủi ro cao, và báo cáo kết quả về BGD Công ty.




5 RÀ SOÁT VÀ CẬP NHẬT

- Theo dõi, rà soát, và cập nhật bảng xác định rủi ro và cơ hội từ bối cảnh của công ty định kỳ hàng năm.
- Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào trong bối cảnh của tổ chức (vấn đề bên trong, bên ngoài, nhu cầu mong đợi các bên liên quan) cần phải rà soát và cập nhật bảng xác định rủi ro và cơ hội nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Ngoài ra, khi có sự thay đổi, hoặc phát sinh các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, cũng cần rà soát và cập nhật các rủi ro liên quan an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

QUẢN TRỊ RỦI RO

PHÂN LOẠI RỦI RO



| RỦI RO | PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG | BẢN CHẤT RỦI RO |
|--|---|---|
|  <p>GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO-ĐẦU RA</p> | <ul style="list-style-type: none"> Hiệu quả kinh doanh Kế hoạch kinh doanh trung hạn | <p>CNG Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực phân phối CNG. Lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm.</p> <p>Cơ chế giá khí của Công ty được áp dụng dần theo cơ chế thả nổi của giá dầu thế giới. Do vậy, sự biến động mạnh của giá dầu thế giới sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> |
|  <p>RỦI RO VỀ LÃI SUẤT</p> | <ul style="list-style-type: none"> Khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn | <p>Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao sẽ thu hẹp các lựa chọn huy động vốn cho các dự án đầu tư của Công ty trong tương lai.</p> |
|  <p>RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU</p> | <ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn Hiệu quả kinh doanh | <p>Thị trường tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thực phẩm. Đây đều là các ngành chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng chung của nền kinh tế. Do đó khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, thị trường bất động sản trầm lắng, người dân hạn chế chi tiêu, nhu cầu đối với sản phẩm CNG sẽ bị suy giảm và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của Công ty.</p> <p>Thêm vào đó, khí thiên nhiên là sản phẩm năng lượng có sự đa dạng trong sản phẩm thay thế. Khi giá khí biến động mạnh, giá các loại nhiên liệu thay thế thấp hơn giá CNG sẽ khiến nhiều khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Vì vậy, rủi ro về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu là một yếu tố trọng yếu mà Công ty luôn cần chú trọng.</p> |



| RỦI RO | PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG | BẢN CHẤT RỦI RO |
|---|--|--|
|  <p>RỦI RO TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN</p> | <ul style="list-style-type: none"> Hiệu quả kinh doanh | <p>Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty.</p> <p>Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền.</p> |
|  <p>RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG</p> | <ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch kinh doanh trung hạn Danh tiếng của Công ty | <p>Với đặc thù sản xuất cung cấp các sản phẩm năng lượng Dầu khí, sử dụng nhiều nhân lực và phương tiện hoạt động, môi trường kinh doanh của CNG Việt Nam luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, nguy cơ xảy ra thiệt hại lao động cho con người, sự cố hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị lớn, sự cố rò rỉ khí và thậm chí là các sự cố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thiên nhiên.</p> <p>Một khi sự cố xảy ra, hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây tổn thất lớn về tài sản, con người, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi. Những rủi ro này khi xảy ra sẽ khiến Công ty mất nhiều thời gian để khắc phục và phục hồi nguồn lực trở lại nguyên trạng ban đầu.</p> |
|  <p>RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ</p> | <ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn | <p>Với quan điểm con người là hạt nhân của sự thành công của doanh nghiệp, rủi ro trong quá trình quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm.</p> <p>Với hoạt động chính là sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên, nguồn nhân lực Công ty luôn đòi hỏi sự đào tạo bài bản. Nhân viên luôn được đòi hỏi cao về kỹ thuật và trình độ chuyên môn trong việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, sự ổn định của nguồn nhân lực chất lượng càng trở thành vấn đề thách thức đối với Công ty.</p> |



QUẢN TRỊ RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO

| RỦI RO | BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO |
|--|---|
|  <p>GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO-ĐẦU RA</p> | <ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu quản trị rủi ro chi phí đầu vào nhận được sự chú trọng thông qua hoạt động thu mua dựa theo dự báo về tình hình giá dầu thế giới. Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ưu tiên đàm phán với khách hàng theo các hợp đồng với thời hạn ngắn nhằm giảm thiểu tác động từ sự biến động của giá dầu lên biên lợi nhuận, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty. Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, thực hiện các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán khi có sự biến động lớn của giá nguyên liệu. Thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực. Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan. Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí tuân theo tiến trình ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất. |
|  <p>RỦI RO VỀ LÃI SUẤT</p> | <ul style="list-style-type: none"> Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động. Thực hiện khảo sát, tiếp cận với các phương án vốn khác nhau nhằm lựa chọn nguồn vốn với chi phí rẻ nhất. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phòng hộ rủi ro biến động lãi suất và duy trì hợp lý mức rủi ro trong biên độ cho phép. Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn. |



| RỦI RO | BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO |
|---|--|
|  <p>RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU</p> | <ul style="list-style-type: none"> Công ty luôn quan tâm đến việc thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có. nỗ lực đa dạng hóa mạng lưới cung cấp sản phẩm bằng cách tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm khí thiên nhiên nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó là duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện tại. Đa dạng hóa lĩnh vực tiêu thụ trong mạng lưới khách hàng. Cụ thể, CNG Việt Nam luôn tìm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt những rủi ro đến từ sự tập trung với mật độ cao ở một số ngành nghề nhất định như hiện tại. Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận. Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng. Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả. |
|  <p>RỦI RO TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN</p> | <ul style="list-style-type: none"> Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Thẩm định sức khỏe tài chính của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng. Thực hiện chính sách tín dụng đối với từng nhóm khách hàng cụ thể, theo sức khỏe tài chính, khu vực và loại hình kinh doanh. Thường xuyên theo dõi để đánh giá chính xác những rủi ro tín dụng tiềm ẩn có thể phát sinh. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo chiều sâu trong mối liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nới lỏng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu. Với công tác quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác. Các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau. Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Dù kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng nhưng Công ty vẫn duy trì sự linh hoạt tối thiểu nhằm đạt sự hài hòa với khả năng đạt được các mục tiêu tăng trưởng đề ra của Công ty. Song hành cùng những nỗ lực quản trị rủi ro dòng tiền từ vốn luân chuyển, sự cân đối dòng tiền thuần cũng là một nhân tố quan trọng nhằm đạt sự cân bằng giữa hoạt động đầu tư xây dựng mà không ảnh hưởng đến cấu trúc nguồn vốn của Công ty. |





QUẢN TRỊ RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO *(tiếp theo)*

| RỦI RO | BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO |
|---|---|
|  <p>RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG</p> | <ul style="list-style-type: none"> Với đặc thù phân phối năng lượng, công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định. CNG đã được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam tái chứng nhận hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 & ISO 45001: 2018. Bên cạnh đó, quy trình quản trị rủi ro được liên tục cải tiến phù hợp với những thay đổi trong điều kiện sản xuất. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp kinh doanh trong ngành khí. Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm xây dựng văn hóa lao động an toàn, nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra. Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty sử dụng công cụ, phần mềm quản lý công tác kiểm tra bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, phương tiện nhằm đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa chất lượng cho sản phẩm. Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động. Cùng với đó là các chính sách mua bảo hiểm cho tài sản hoạt động nhằm giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro tai nạn xảy ra. |
|  <p>RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ</p> | <ul style="list-style-type: none"> Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực. Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và quy trình đánh giá năng lực diễn ra công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, với sự hồi phục của thị trường dầu khí và triển vọng khả quan của nền kinh tế, đây cũng là cơ hội để Công ty có thể tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai. CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực. |



03

BÁO CÁO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo của Ban Kiểm soát
Báo cáo của Ban Giám đốc





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động. Ngoài phiên họp thường niên, CNG Việt Nam luôn chủ động tổ chức các phiên họp ĐHĐCĐ bất thường nhằm giải quyết kịp thời các yêu cầu, nhiệm vụ phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2022, CNG Việt Nam đã tổ chức 01 phiên họp ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 26/4/2022 và ban hành Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ. Theo đó, ĐHĐCĐ đã vạch ra các kế hoạch thực hiện trong năm, định hướng mục tiêu xây dựng CNG Việt Nam dẫn đầu thị trường, trở thành nhà cung cấp LNG/ CNG bằng xe bồn hàng đầu Việt Nam, chiếm lĩnh trên 70% thị phần CNG và trên 60% thị phần LNG. Đồng thời, tiếp tục định vị CNG = "Clean Natural Gas" là đơn vị tiên phong cung cấp trọn gói giải pháp năng lượng sạch tại Việt Nam.



CNG Việt Nam luôn mong muốn vươn tới các thông lệ quản trị tốt nhất và chuẩn mực quản trị tiên tiến trên thế giới. Với kinh nghiệm đa dạng và chuyên sâu trong lĩnh vực dầu khí, tài chính-kinh doanh, các thành viên HĐQT đã thảo luận và tư vấn nhiều vấn đề của Công ty một cách dân chủ, minh bạch, khoa học, kịp thời đưa ra các giải pháp để đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và các bên liên quan.

HĐQT của CNG Việt Nam luôn đảm bảo tính độc lập với 01 thành viên độc lập (20%) là Bà Lê Thị Thu Giang, 03 thành viên chuyên trách trong khi chỉ có 01 thành viên điều hành. Cơ cấu HĐQT cũng cho thấy tính bình đẳng giới rất cao khi có tới 2/5 là thành viên nữ.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CNG Việt Nam luôn mong muốn vươn tới các thông lệ quản trị tốt nhất và chuẩn mực quản trị tiên tiến trên thế giới. Với kinh nghiệm đa dạng và chuyên sâu trong lĩnh vực dầu khí, tài chính-kinh doanh, các thành viên HĐQT đã thảo luận và tư vấn nhiều vấn đề của Công ty một cách dân chủ, minh bạch, khoa học, kịp thời đưa ra các giải pháp để đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và các bên liên quan.

HĐQT của CNG Việt Nam luôn đảm bảo tính độc lập với 01 thành viên độc lập (20%) là Bà Lê Thị Thu Giang, 03 thành viên chuyên trách trong khi chỉ có 01 thành viên điều hành. Cơ cấu HĐQT cũng cho thấy tính bình đẳng giới rất cao khi có tới 2/5 là thành viên nữ.



| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự buổi họp [%] | Lý do |
|-----|------------------------|-----------------------|---------------|-----------------|---------------------|----------------------------|-------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Hồng Hải | Chủ tịch HĐQT | 28/4/2020 | | 4/4 | 100% | |
| 2 | Ông Vũ Văn Thực | TV HĐQT kiêm Giám đốc | 19/4/2021 | | 4/4 | 100% | |
| 3 | Ông Bùi Văn Đản | TV HĐQT chuyên trách | 18/5/2021 | | 4/4 | 100% | |
| 4 | Ông Nguyễn Hữu Thắng | TV HĐQT chuyên trách | 18/5/2021 | | 4/4 | 100% | |
| 5 | Bà Lê Thị Thu Giang | TV độc lập HĐQT | 18/4/2018 | | 4/4 | 100% | |



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(tiếp theo)*

HĐQT đã thực hiện hiệu quả các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định, tập trung vào: Xây dựng chiến lược, Quản trị công ty, Giám sát hoạt động của bộ máy điều hành, và Quản trị rủi ro.

| HOẠT ĐỘNG | NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM | CÁCH THỨC THỰC HIỆN |
|--|---|--|
| Xây dựng chiến lược | <ul style="list-style-type: none"> » Xây dựng chiến lược kinh doanh, phương hướng hoạt động và định hướng tạo giá trị dài hạn của Công ty. » Chịu trách nhiệm xét duyệt và chấp thuận các kế hoạch hoạt động thường niên. | <ul style="list-style-type: none"> » HĐQT phân tích các thay đổi, phát triển của thị trường, kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Từ đó, nhận diện các cơ hội mới và rủi ro tiềm ẩn nhằm thiết lập các chiến lược, giải pháp kinh doanh phù hợp. » Đảm bảo công tác truyền thông chiến lược phát triển và mục tiêu hoạt động cốt lõi đến các bộ phận chủ chốt được liên tục, góp phần duy trì hoạt động kinh doanh theo đúng mục tiêu đề ra. |
| Quản trị công ty (QTCT) | <ul style="list-style-type: none"> » Đảm bảo hoạt động QTCT tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về QTCT và các quy chế, quy định khác, nhằm giúp Công ty hoạt động hiệu quả, phát triển bền vững. | <ul style="list-style-type: none"> » Thường xuyên đánh giá các thay đổi của quy phạm pháp luật để đảm bảo hoạt động QTCT tuân thủ tuyệt đối, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan. » Đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT hàng năm để duy trì tính hiệu quả của HĐQT. » Thông qua hoạt động trao đổi định kỳ và đột xuất với Ban Điều hành và các bên liên quan để nắm bắt các yêu cầu của bên liên quan nhằm đáp ứng phù hợp. » Dựa trên kết quả hoạt động và định hướng phát triển ngắn hạn của Công ty để xây dựng và đánh giá chính sách phân phối thu nhập cho cổ đông định kỳ hàng quý, hàng năm. |
| Giám sát hoạt động của bộ máy điều hành | <ul style="list-style-type: none"> » Giám sát hiệu quả hoạt động của Công ty. » Đảm bảo kết quả hoạt động tuân thủ nghiêm ngặt kế hoạch và chiến lược đề ra. | <ul style="list-style-type: none"> » Duy trì tính liên tục và sự phù hợp của bộ máy lãnh đạo đối với sự vận hành của CNG Việt Nam trong nhiều năm qua. Do đó, HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc lựa chọn nhân sự phù hợp nhất về chuyên môn và văn hóa hoạt động của Công ty. » Đánh giá hiệu quả hoạt động và hiệu quả tài chính của Công ty định kỳ. » Dựa trên kết quả hoạt động thực tế, đưa ra yêu cầu cần thiết về sự cải thiện hiệu quả hoạt động cùng việc thực hiện các giám sát hoạt động thường xuyên trong năm tài chính. |
| Quản trị rủi ro | <ul style="list-style-type: none"> » Đảm bảo sự nhận dạng chính xác các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lên hoạt động kinh doanh của Công ty. » Đảm bảo quy trình kiểm soát và quản trị rủi ro diễn ra chính xác và kịp thời. | <ul style="list-style-type: none"> » HĐQT, trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bộ phận chức năng, thường xuyên đánh giá quy trình quản trị rủi ro. » Thường xuyên đánh giá tính hiệu quả của quy trình quản trị rủi ro và quy trình kiểm soát nội bộ của Công ty nhằm đưa ra những sự điều chỉnh cần thiết kịp thời. » Thiết lập quy trình đánh giá tác động lên lợi nhuận hoạt động và lợi nhuận tài chính từ biến động giá nhiên liệu đầu vào. Xây dựng các kịch bản giá nhiên liệu và cách thức Công ty phản ứng với các biến động ngoài dự kiến của thị trường dầu mỏ và thị trường khí thiên nhiên. <p>» Vui lòng xem thêm ở phần Quản trị Rủi ro.</p> |

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức các phiên họp HĐQT thường kỳ theo quy định và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời xem xét và giải quyết các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT như các định hướng lớn trong sản xuất kinh doanh, bổ nhiệm cán bộ, kế hoạch kinh doanh, hoạt động đầu tư, quy chế lương thưởng...

Ngoài ra, các thành viên HĐQT cũng thường xuyên trao đổi công việc qua email, hội nghị thoại, trực tiếp làm việc với các bộ phận chức năng... để thảo luận các vấn đề cấp bách phát sinh, kịp thời đưa ra các ý kiến tư vấn, tham mưu Ban Điều hành chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh vượt qua giai đoạn khó khăn.

Một số nội dung công việc quan trọng được HĐQT phê duyệt

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|--|-----------------|
| 1. | 02/NQ-CNG | 27/01/2022 | Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 | 100% |
| 2. | 03/QĐ-CNG | 27/01/2022 | Phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2021 | 100% |
| 3. | 04/QĐ-CNG | 16/02/2022 | Phân cấp thực hiện các dự án đầu tư năm 2022 | 100% |
| 4. | 10/QĐ-CNG | 29/03/2022 | Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện 2021 | 100% |
| 5. | 11/QĐ-CNG | 30/03/2022 | Quyết định thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng ông Nguyễn Mạnh Hùng | 100% |
| 6. | 13/QĐ-CNG | 30/03/2022 | Xếp loại mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ năm 2021 của Người quản lý | 100% |
| 7. | 14/QĐ-CNG | 31/03/2022 | Sửa đổi Quy chế trả lương, trả thưởng của người lao động | 100% |
| 8. | 16/QĐ-CNG | 13/4/2022 | Ban hành Quy chế dân chủ | 100% |
| 9. | 18/QĐ-CNG | 22/04/2022 | Quyết định bổ nhiệm bà Phạm Thị Hạnh giữ chức Kế toán trưởng | 100% |
| 10. | 21/QĐ-CNG | 05/05/2022 | Ban hành Quy chế thưởng an toàn | 100% |
| 11. | 24/NQ-CNG | 14/6/2022 | Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2021 với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ | 100% |
| 12. | 30/NQ-CNG | 30/8/2022 | Phê duyệt chi trả cổ tức còn lại năm 2021 | 100% |
| 13. | 31/QĐ-CNG | 13/9/2022 | Thành lập Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ Công ty | 100% |
| 14. | 34/QĐ-CNG | 01/11/2022 | Quyết định phê duyệt kế hoạch KTNB năm 2022 | 100% |
| 15. | 39/QĐ-CNG | 23/12/2022 | Phê duyệt Quy chế lương Người quản lý | 100% |
| 16. | 40/QĐ-CNG | 23/12/2022 | Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ 2023 | 100% |
| 17. | 41/QĐ-CNG | 28/12/2022 | Phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 | 100% |



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Năm 2022 là năm đầu tiên thế giới mở cửa trở lại sau đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, kinh tế nhiều nước đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách do khi lạm phát tăng cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất tăng cao liên tục... Bên cạnh đó, các rủi ro địa chính trị và Trung Quốc chỉ mới nới lỏng các biện pháp phòng chống Covid vào cuối năm 2022 khiến hoạt động kinh tế chưa thể hồi phục mạnh và rủi ro suy thoái tiếp tục đứng ở mức cao. Trong nước, nền kinh tế có thể tăng trưởng chậm lại và hoạt động sản xuất của nhiều ngành nghề bị co hẹp đáng kể. Thị trường khí tự nhiên nội địa dự báo dịch chuyển mạnh sang LNG, với sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân, mức độ cạnh tranh dự báo sẽ tăng mạnh trong thời gian tới.

HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và mở rộng thị trường, tối đa hóa hiệu quả. Với sự hỗ trợ của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng/Đối tác và nỗ lực vượt bậc, đoàn kết một lòng, tập thể CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó.

Tổng sản lượng CNG tiêu thụ của Công ty trong năm 2022 đạt 314,8 triệu Sm³, tăng khá mạnh 14,8% so với năm trước; vượt 10,1% so với mức kế hoạch của ĐHĐCĐ. Tổng doanh thu đạt 4.195,2 tỷ đồng, tăng 37% so với thực hiện năm 2021 và vượt 29,6% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế tăng 43% so với năm trước lên mức 153,9 tỷ đồng và vượt gần 40% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế cũng tăng lên mức 117,6 tỷ đồng và vượt 33,6% so với kế hoạch của ĐHĐCĐ.

Hoạt động quản trị doanh nghiệp được đặc biệt chú trọng trong bối cảnh Công ty đang từng bước triển khai chiến lược phát triển đến năm 2025 và định hướng 2035. Theo đó, CNG Việt Nam đã thành lập Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ để giúp việc cho HĐQT, đẩy mạnh triển khai công tác Chuyển đổi số và không ngừng cải thiện Văn hóa doanh nghiệp để phát huy tiềm năng của các Giá trị cốt lõi của Công ty, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty đã không ngừng cải tiến phương pháp vận hành, thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí hoạt động nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn nhất. Trong năm qua đã không có sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến tính mạng, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các dự án đầu tư thực hiện trong năm chú trọng

TỔNG SẢN LƯỢNG CNG TIÊU THỤ

314,8

Triệu Sm³

tăng khá mạnh 14,8% so với năm trước; vượt 10,1% so với mức kế hoạch của ĐHĐCĐ

TỔNG DOANH THU

4.195,2

Tỷ đồng

tăng 37% so với thực hiện năm 2021 và vượt 29,6% so với kế hoạch đề ra

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

117,6

Tỷ đồng

vượt 33,6% so với kế hoạch của ĐHĐCĐ

đến chiến lược kinh doanh LNG, và đều đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị, an toàn lao động, đáp ứng nhu cầu nhận khí của khách hàng, tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, duy trì ổn định tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục triển khai hiệu quả.

Công tác nhân sự tiếp tục được thực hiện một cách công khai, minh bạch, khoa học. Công tác đào tạo được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của CBCNV, chuẩn bị nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển công ty. Các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty luôn được thực hiện nghiêm túc, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.

Hoạt động xã hội và cộng đồng:

Công ty luôn chia sẻ và đồng hành với các chương trình thiện nguyện, luôn chung tay giúp đỡ, hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn, có công với đất nước... Các chương trình an sinh-xã hội mang dấu ấn của CNG Việt Nam như "Trái tim cho em", "Về nguồn", "Tình Xuân", "Mang yêu thương đến với trẻ em nghèo vùng cao", "Tiếp sức đến trường"... luôn được duy trì, thể hiện trách nhiệm của Công ty đối với sự phát triển bền vững của cộng đồng.

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ BAN ĐIỀU HÀNH

HĐQT CNG Việt Nam thường xuyên theo dõi sát sao, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Giám đốc trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cũng như Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

Ban Giám đốc đã xây dựng, thực hiện các giải pháp linh hoạt trong điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở nhận thức đúng đắn khó khăn, thách thức mà Công ty phải đối mặt. Nhờ vậy, kết quả sản xuất kinh doanh đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.

Ban Giám đốc đã giám sát, phân bổ nguồn vốn đầu tư hiệu quả, đảm bảo tài sản đem lại mức sinh lời cao cho Công ty, đồng thời đề xuất các điều chỉnh về kế hoạch đầu tư trong tương lai.

Ban Giám đốc đã đề xuất và phối hợp với HĐQT một cách tích cực trong việc thực hiện những biện pháp xử lý những vấn đề phát sinh, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của Công ty.

KẾT LUẬN

Trong một năm hoạt động với nhiều thách thức của môi trường vĩ mô, Ban Điều hành đã đoàn kết, nỗ lực vượt bậc, đưa ra các giải pháp điều hành phù hợp, kịp thời, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

CNG Việt Nam luôn nỗ lực xây dựng hệ thống quản trị theo các thông lệ quản trị tốt nhất và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Công tác quản trị công ty tại CNG Việt Nam được xây dựng trên 4 yếu tố cốt lõi được chấp nhận chung trên toàn cầu là:

CÔNG BẰNG

Bảo vệ quyền của cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài.

TRÁCH NHIỆM

Công nhận quyền của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật quy định, khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo lập tài sản, việc làm, và đảm bảo sự ổn định.

MINH BẠCH

Đảm bảo việc công bố thông tin về mọi vấn đề trọng yếu liên quan đến công ty bao gồm tình hình tài chính, cấu trúc quản trị, tình hình hoạt động, và sở hữu công ty kịp thời và chính xác.

TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

HĐQT phải đảm bảo định hướng chiến lược của công ty, giám sát BĐH hiệu quả, và trách nhiệm của mình đối với công ty cũng như các cổ đông.

Bảy nguyên tắc Quản trị công ty của CNG Việt Nam quy định rõ tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và được HĐQT thông qua, bao gồm: (1) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật; (2) Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả; (3) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; (4) Đối xử công bằng với cổ đông; (5) Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty; (6) Minh bạch trong hoạt động của Công ty; (7) HĐQT định hướng và giám sát, BKS kiểm soát Công ty hiệu quả.

1

TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CỦA PHÁP LUẬT

- Đối với hoạt động đầu tư và SXKD: công tác đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện dựa trên nguyên tắc đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan, Luật đầu thầu và quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình, Luật Doanh nghiệp, cũng như Điều lệ Công ty.
- Đối với hoạt động báo cáo, công bố thông tin: CNG Việt Nam tuân thủ các quy định liên quan đối với các công ty niêm yết. Các thông tin được công bố kịp thời và đầy đủ trên website Công ty.
- Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ đều được thực hiện chặt chẽ, căn trọng dựa trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

2

ĐẢM BẢO CƠ CẤU QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ

- Tính hiệu quả của bộ máy quản trị tại CNG Việt Nam được bảo đảm bởi những Thành viên HĐQT dày dặn kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức chuyên môn vững chắc
- HĐQT của CNG Việt Nam có 01 Thành viên HĐQT độc lập và 03 Thành viên HĐQT chuyên trách, tương đương 4/5 thành viên là thành viên không điều hành.

3

ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG

- Điều lệ Công ty của CNG Việt Nam đã đưa ra những quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ liên quan của cổ đông nhằm đảm bảo tính công bằng và quyền lợi cho tất cả các cổ đông:
 - » Điều 13 và 14 quy định rõ quyền và nghĩa vụ của cổ đông
 - » Điều 22 quy định các nghị quyết và quyết định được thông qua với ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông. Và các nghị quyết, quyết định có nội dung quan trọng thì cần ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông [hoặc các đại diện được ủy quyền, phiếu biểu quyết thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản].

4

ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG

- Quy chế quản trị nội bộ của CNG Việt Nam đã đưa ra những quy định liên quan nhằm đảm bảo lợi ích và công bằng cho các cổ đông:
 - » Điều 50 quy định những người được tiếp cận các thông tin nội bộ không được phép mua bán cũng như không được dùng thông tin đó tư vấn hoặc xui khiến người khác mua chứng khoán liên quan tới thông tin nội bộ mà mình tiếp cận.
 - » Điều 48 quy định việc công bố thông tin phải được thực hiện theo những phương thức mà cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời.
- Hoạt động giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư của các công trình được BKS liên tục thực hiện dựa trên Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đầu thầu nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

| | |
|--|--|
| <p>5</p> <p>ĐẢM BẢO VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY</p> | <ul style="list-style-type: none"> Quy chế trả lương, trả thưởng đối với CBCNV đảm bảo quyền lợi cho CBCNV và đáp ứng đúng các quy định pháp luật hiện hành. Trách nhiệm với các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty như cổ đông, người lao động, cộng đồng-xã hội luôn được CNG Việt Nam coi trọng. Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về các chính sách và hoạt động có liên quan tại Báo cáo Phát triển Bền vững của Công ty. |
| <p>6</p> <p>MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p> | <ul style="list-style-type: none"> Hiện tại, HĐQT của CNG Việt Nam hoạt động với 03 thành viên HĐQT chuyên trách và 01 thành viên HĐQT độc lập trên tổng số 05 thành viên HĐQT nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Công ty. Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ, BKS, và Kế toán trưởng được công khai chi tiết tại BCTN của Công ty nhằm thể hiện tính minh bạch trong hoạt động. Các biên bản họp ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định đều được công bố tại website Công ty. Ngoài ra, BCTN và BCTC cũng được đăng tải trên website Công ty bằng tiếng Anh và tiếng Việt giúp cổ đông trong và ngoài nước có thể theo dõi, góp phần đảm bảo công bằng cho cổ đông. Hoạt động phát ngôn và cung cấp thông tin tại CNG Việt Nam đang được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho Báo chí, Cơ quan quản lý nhà nước được ban hành vào ngày 21/3/2018. Quy chế tài chính Công ty được rà soát thường xuyên nhằm cập nhật kịp thời các quy định, chuẩn mực mới nhằm nâng cao tính minh bạch cho hoạt động tài chính và giảm thiểu rủi ro pháp lý của Công ty. CNG Việt Nam ban hành Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đấu thầu để phân định trách nhiệm giữa HĐQT và Ban giám đốc trong công tác đầu tư và đấu thầu của Công ty. |
| <p>7</p> <p>HĐQT ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIÁM SÁT, BKS KIỂM SOÁT CÔNG TY HIỆU QUẢ</p> | <ul style="list-style-type: none"> Các thành viên Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị công ty nhằm nâng cao năng lực hoạt động và đóng góp hiệu quả hơn cho quá trình hoạt động của Công ty. BKS đã nỗ lực việc thực hiện nhiệm vụ giám sát nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sai sót để đảm bảo hoạt động Công ty tuân theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ và các nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra. HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ cụ thể dựa trên các mục tiêu và định hướng ĐHĐCĐ đề ra. HĐQT cũng thường xuyên trao đổi với BKS, BGĐ thông qua các cuộc họp định kỳ và kênh thông tin nội bộ nhằm đưa ra các định hướng và quyết định kịp thời. |

Đánh giá theo tiêu chí của Bộ nguyên tắc QTCT tốt nhất áp dụng cho công ty đại chúng

| Tiêu chí | Thực hiện tại CNG Việt Nam | Đánh giá kết quả thực hiện |
|--|--|----------------------------|
| <p>THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HĐQT</p> | <p>1</p> <ul style="list-style-type: none"> Công ty đã ban hành các văn bản lập quy nhằm xây dựng một môi trường làm việc trung thực, chuyên nghiệp, đặt mục tiêu chung lên hàng đầu. Có thể kể đến là các văn bản lập quy như: Bộ quy tắc ứng xử, Quy trình bán hàng và chăm sóc khách hàng, Đánh giá thi đua khen thưởng hàng quý, hàng năm... hay Cơ chế phản hồi thông qua Hội nghị người lao động. HĐQT là người đứng đầu, chịu trách nhiệm về mức độ thành công của Công ty trong mọi mặt hoạt động, đảm bảo mang lại giá trị bền vững cho các bên liên quan. Hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả của HĐQT là kim chỉ nam, là tấm gương cho Ban Điều hành và nhân viên. | Tốt |
| <p>THIẾT LẬP HĐQT CÓ NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN NGHIỆP</p> | <p>2</p> <ul style="list-style-type: none"> HĐQT của CNG Việt Nam hiện có 01 thành viên độc lập và 03 thành viên chuyên trách trong tổng số 05 thành viên, bao gồm 02 thành viên là Nữ. Các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực đầu khí, tài chính, kinh doanh, đầu tư xây dựng, hành chính. Sự đa dạng của thành phần, kiến thức và kinh nghiệm giúp HĐQT có quan điểm đa dạng, giúp có thể thảo luận và đưa ra các quyết định hiệu quả. Công ty cũng đã bổ nhiệm Người phụ trách QTCT nhằm theo dõi, cập nhật và đánh giá hiệu quả công tác QTCT cũng như đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật trong lĩnh vực này. | Tốt |
| <p>BẢO ĐẢM VAI TRÒ LÃNH ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HĐQT</p> | <p>3</p> <ul style="list-style-type: none"> HĐQT hiện có 01 thành viên độc lập, 03 thành viên chuyên trách có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính-đầu tư, là tiếng nói tham mưu quan trọng trong các quyết định; trong khi chỉ có 01 thành viên kiêm Giám đốc Công ty. Quy chế nội bộ QTCT và Điều lệ Công ty đã quy định rõ về quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo một cách hiệu quả nhất. Thực tế cho thấy HĐQT đã phối hợp hỗ trợ Ban điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên liên quan. | Tốt |
| <p>THÀNH LẬP CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT</p> | <p>4</p> <ul style="list-style-type: none"> Căn cứ quy định pháp luật và nhu cầu nâng cao chất lượng công tác quản trị, Công ty đã thành lập Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ để giúp việc cho HĐQT. | Tốt |



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

Đánh giá theo tiêu chí của Bộ nguyên tắc QTCT tốt nhất áp dụng cho công ty đại chúng

| Tiêu chí | Thực hiện tại CNG Việt Nam | Đánh giá kết quả thực hiện |
|---|---|----------------------------|
| BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HĐQT | <p>5</p> <ul style="list-style-type: none"> HĐQT đánh giá hoạt động hàng năm của mình dựa trên các thông lệ tốt nhất và đặc biệt là mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ phê duyệt. Mức chi trả thù lao của các thành viên được căn cứ một cách khách quan, khoa học, minh bạch dựa trên năng lực, hiệu quả đóng góp vào công việc chung. | Tốt |
| THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC | <p>6</p> <ul style="list-style-type: none"> Công ty đã ban hành các văn bản lập quy nhằm xây dựng một môi trường làm việc trung thực, chuyên nghiệp, đặt mục tiêu chung lên hàng đầu. Có thể kể đến là các văn bản lập quy như: Bộ quy tắc ứng xử, Quy trình bán hàng và chăm sóc khách hàng, Đánh giá thi đua khen thưởng hàng quý, hàng năm... hay Cơ chế phản hồi thông qua Hội nghị người lao động. HĐQT là người đứng đầu, chịu trách nhiệm về mức độ thành công của Công ty trong mọi mặt hoạt động, đảm bảo mang lại giá trị bền vững cho các bên liên quan. Hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả của HĐQT là kim chỉ nam, là tấm gương cho Ban Điều hành và nhân viên. | Tốt |
| THIẾT LẬP KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH | <p>7</p> <ul style="list-style-type: none"> Bên cạnh cơ chế Ban Kiểm soát, Công ty đã thành lập Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ trực thuộc HĐQT, đồng thời thực hiện kiểm tra chéo giữa các phòng ban theo từng công việc theo chức năng quy định. | Tốt |

| Tiêu chí | Thực hiện tại CNG Việt Nam | Đánh giá kết quả thực hiện |
|--|--|----------------------------|
| TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CBTT VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ/THỰC HIỆN QUYỀN CỔ ĐỒNG | <p>8</p> <p>9</p> <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống các văn bản lập quy trong lĩnh vực CBTT luôn được Công ty chú trọng, chẳng hạn như Quy chế nội bộ về QTCT, Điều lệ, Quy chế CBTT của Công ty. HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin cho các cổ đông theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Thông tin công bố được đăng tải bằng tiếng Việt và tiếng Anh trên website công ty một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác. CNG Việt Nam đẩy mạnh công bố các thông tin liên quan đến phát triển bền vững để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự cân bằng và hài hòa lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông và người lao động. | Tốt |
| TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN | <p>10</p> <ul style="list-style-type: none"> Công ty đã ban hành các văn bản lập quy nhằm xây dựng một môi trường làm việc trung thực, chuyên nghiệp, đặt mục tiêu chung lên hàng đầu. Có thể kể đến là các văn bản lập quy như: Bộ quy tắc ứng xử, Quy trình bán hàng và chăm sóc khách hàng, Đánh giá thi đua khen thưởng hàng quý, hàng năm... hay Cơ chế phản hồi thông qua Hội nghị người lao động. HĐQT là người đứng đầu, chịu trách nhiệm về mức độ thành công của Công ty trong mọi mặt hoạt động, đảm bảo mang lại giá trị bền vững cho các bên liên quan. Hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả của HĐQT là kim chỉ nam, là tấm gương cho Ban Điều hành và nhân viên. | Tốt |





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Thành viên độc lập HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm của HĐQT, và góp phần hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành... bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình thông qua việc đóng góp ý kiến tại các buổi họp.

Thành viên độc lập HĐQT tương tác tích cực với HĐQT và Ban Điều hành, kịp thời thảo luận, tư vấn và đưa ra những giải pháp định hướng kịp thời, góp phần ứng phó với những diễn biến phức tạp của kinh tế, địa chính trị và thị trường dầu khí có nhiều biến động phức tạp.

Đội ngũ lãnh đạo và điều hành đã làm việc tận tụy và chuyên nghiệp, cũng như phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông để đạt được kết quả kinh doanh cao nhất.

HĐQT đã không ngừng cập nhật, cải thiện hoạt động của mình nhằm hướng đến các chuẩn mực quốc tế về Quản trị công ty, đặc biệt trong năm đã thành lập Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ để giúp việc cho HĐQT. Nhờ vậy, các giải pháp quản trị được thực hiện một cách linh hoạt, hợp lý, kết quả hoạt động trong năm hoàn thành tốt kế hoạch do ĐHĐCĐ giao phó, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên trong Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của CNG Việt Nam. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------------|------------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Hồng Hải | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Ông Vũ Văn Thực | Thành viên HĐQT kiêm GD |
| 3 | Ông Nguyễn Hữu Thắng | Thành viên HĐQT chuyên trách |
| 4 | Ông Bùi Văn Đán | Thành viên HĐQT chuyên trách |
| 5 | Bà Lê Thị Thu Giang | Thành viên độc lập HĐQT |

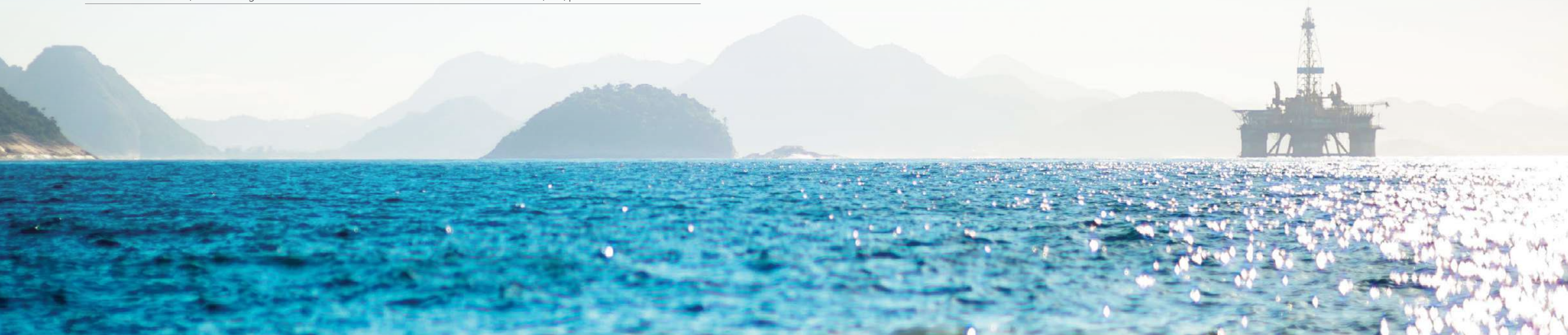
KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2023

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- Thực hiện và đảm bảo hoạt động của HĐQT tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Đảm bảo hoạt động của HĐQT luôn dựa trên lợi ích tốt nhất cho cổ đông và Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các cuộc họp, trao đổi định kỳ đều đặn, nắm bắt kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo kịp thời đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ giao phó.
- Tiếp tục cải tiến hoàn thiện bộ máy HĐQT đáp ứng theo yêu cầu của quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như tiến tới chuẩn mực quốc tế.
- Tiếp tục hoàn thiện và triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo đúng quy định pháp luật.
- Lập kế hoạch và triển khai thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị theo chủ đề.
- Đảm bảo quyền lợi của các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật.

VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD, đẩy mạnh công tác phát triển, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu CNG Việt Nam để chiếm lĩnh thị phần tạo tiền đề kinh doanh sản phẩm LNG; chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị và các phương án để sẵn sàng kinh doanh LNG theo kế hoạch nhập khẩu LNG của PV Gas.
- Vận hành và khai thác hiệu quả hệ thống CNG, đảm bảo công tác an ninh, an toàn trên tất cả các công trình khí hiện có của Công ty, đảm bảo cấp khí liên tục cho khách hàng.
- Liên tục cập nhật tình hình thị trường và xây dựng các kịch bản giá dầu để có giải pháp SXKD phù hợp với tình hình thực tế.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nội bộ, từng bước số hóa, tinh gọn hệ thống quản lý của Công ty.
- Tái cấu trúc, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các Đơn vị theo tình hình thực tế SXKD của Công ty; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của hoạt động SXKD.
- Tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm nhằm đáp ứng, phục vụ nhu cầu hoạt động SXKD của Công ty đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT



| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự buổi họp (%) | Lý do |
|-----|--------------------|----------------|---------------|-----------------|---------------------|----------------------------|------------------------------|
| 1 | Phan Thị Kim Thoa | Trưởng BKS | 11/4/2017 | 26/4/2022 | 0/2 | 0% | Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2022 |
| 2 | Nguyễn Quang Bá | Trưởng BKS | 26/4/2022 | | 2/2 | 100% | |
| 3 | Lê Thị Thanh Huyền | Kiểm soát viên | 18/5/2021 | | 2/2 | 100% | |
| 4 | Đình Văn Quảng | Kiểm soát viên | 26/4/2022 | | 2/2 | 100% | |

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên với các kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Năm 2022, Ban Kiểm soát đã có các hoạt động chính như sau:

- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty, giám sát việc xây dựng và giao kế hoạch SXKD năm của Công ty và các chi nhánh;
- Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm 2022;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan Nhà nước, cơ quan chức năng có thẩm quyền;
- Công tác giám sát cũng được thực hiện thông qua việc xem xét các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, và thông qua kết quả kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý Nhà nước, của cấp trên về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý sử dụng vốn, tài sản, hoạt động đầu tư, mua sắm, công tác thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí và công tác tái cấu trúc;
- Định kỳ hàng quý/năm, lập báo cáo kiểm tra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty; trong đó, phản ánh những thuận lợi, khó khăn, những kết quả đã đạt được và những tồn tại, hạn chế..
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên của Công ty.
- Giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn, việc cân đối và quản lý dòng tiền.
- Thẩm định Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo.
- Thực hiện nhiệm vụ liên quan khác theo quy định.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN TRONG BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác của thành viên trong Ban Kiểm soát:

- Các thành viên trong Ban Kiểm soát có trách nhiệm giải quyết, đề xuất xử lý các vấn đề theo phạm vi công việc được phân công và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông, Trưởng Ban Kiểm soát về ý kiến, tính chính xác, tính pháp lý của hồ sơ số liệu của mình.
- Các báo cáo, ý kiến và kiến nghị của Ban Kiểm soát phải được trao đổi lấy ý kiến tập thể trong Ban Kiểm soát trên cơ sở bàn bạc và thống nhất theo đa số.
- Công việc thực tế được phân công có thể được điều chỉnh bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế đối với từng thành viên trong Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát đã tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng thành viên trong Ban Kiểm soát như sau:

- ★ **Ông Nguyễn Quang Bá - Trưởng Ban Kiểm soát:** Chịu trách nhiệm chung, lập kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát, là đầu mối giải quyết các công việc của Ban Kiểm soát; Chịu trách nhiệm tổ chức giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; Tổ chức thẩm định báo cáo tài chính của Công ty; Thực hiện Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN TRONG BAN KIỂM SOÁT *(tiếp theo)*

- ★ **Ông Đinh Văn Quảng - Kiểm soát viên:** Chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá công tác kế toán, lập Báo cáo Tài chính; Đánh giá các chỉ tiêu tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty; Giám sát các hoạt động phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ; Tham gia thẩm định Báo cáo Tài chính; Phụ trách quản lý văn bản của Ban Kiểm soát và các công việc khác do Trưởng ban phân công.
- ★ **Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm soát viên:** Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty; Giám sát công tác kinh doanh của Công ty và thực hiện các công việc khác do Trưởng ban phân công.

Nhận xét: Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình do Luật doanh nghiệp và Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty quy định. Thực hiện tốt công việc do Ban Kiểm soát phân công và kế hoạch giám sát do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

CNG Việt Nam đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ-KVN ngày 26/04/2022.

- » Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 20/NQ-KVN và đã chia cổ tức của năm 2021 là 20% trên vốn điều lệ;
- » Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022. Báo cáo kiểm toán đúng tiến độ, kịp thời cung cấp thông tin cho cổ đông;
- » Thủ lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện đúng như Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua.

Các chỉ tiêu tài chính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2022 đã được Công ty thực hiện tốt: Lợi nhuận sau thuế đạt 117,61 tỷ đồng (Chỉ số ROE đạt 21,60%, ROA đạt 9,82%), tăng 7% so với kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đề ra.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2022

1 HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và tổ chức nhân sự theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.
- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc, các phòng chức năng của Công ty điều hành tốt sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng Cổ đông đã duyệt;

2 HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Ban Giám đốc đã tổ chức triển khai các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT.
- Ban Giám đốc đã tổ chức họp giao ban định kỳ để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết kịp thời các vướng mắc khó khăn trong sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng Chi nhánh.
- Công tác tuyển dụng thực hiện đúng quy trình, quy chế tuyển dụng, đúng nhu cầu cho công việc. Công tác đào tạo và phát triển nguồn lực được nâng cao và đáp ứng yêu cầu của hoạt động SXKD.
- Công tác phát triển thị trường, nhận diện thương hiệu đã được chú trọng.
- Ban Giám đốc đã có các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị của Công ty.
- Ban Giám đốc đã có giải pháp cân đối dòng tiền và kiểm soát công nợ phải thu.
- Tiền lương và chế độ chính sách: Công ty đã thực hiện chi trả lương đúng quy định, quy chế hiện hành.





BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BGD VÀ CÁC BỘ PHẬN QUẢN LÝ KHÁC

Giữa Ban Kiểm soát và HĐQT, Ban Giám đốc Công ty luôn có sự phối hợp chặt chẽ. Ban Kiểm soát đã nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ HĐQT, Ban Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu.



PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Để thực hiện nghiêm túc công tác kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch làm việc năm 2023 như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy Ban Kiểm soát làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;
- Cử các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát;
- Thực hiện các hoạt động thường xuyên như:
 - » Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ;
 - » Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - » Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Công ty, đồng thời rà soát để góp ý chỉnh sửa các văn bản nội bộ của đơn vị phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ Công ty và thực tiễn hoạt động tại đơn vị;
 - » Thực hiện giám sát tình hình thực hiện xử lý các kiến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước;
 - » Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, công tác đầu thầu, mua sắm của Công ty và các chi nhánh;
 - » Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính bán niên, năm của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



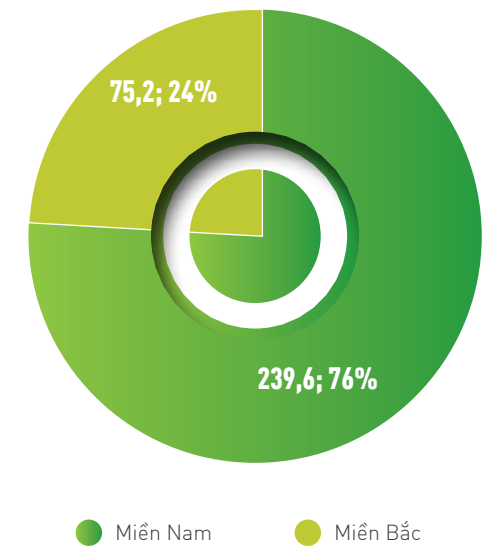
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022: HIỆU QUẢ CAO TRONG MÔI TRƯỜNG ĐẦY BIẾN ĐỘNG

Năm 2022, CNG Việt Nam đã đối mặt với nhiều khó khăn thách thức trong bối cảnh sau hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng sau đại dịch Covid-19 chưa phục hồi, kinh tế - chính trị thế giới đầy biến động và nguồn khí CNG cấp cho thị trường miền Bắc suy giảm. Thế nhưng, với sự quan tâm hỗ trợ từ PV Gas cùng với nỗ lực, quyết tâm của tập thể Ban lãnh đạo và người lao động, CNG Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó.

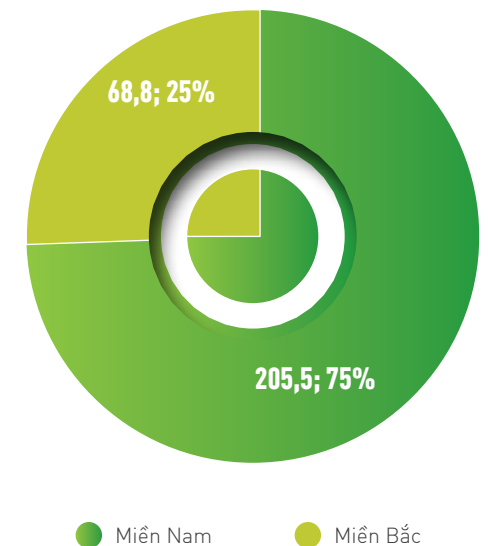
Cụ thể, Ban lãnh đạo đã cùng với tập thể CBCNV trách nhiệm, chuyên nghiệp trong hành động, triển khai quyết liệt, đồng bộ, linh hoạt và hiệu quả nhiều giải pháp vận hành, sản xuất, kinh doanh... nhằm thích ứng với giai đoạn mới của nền kinh tế. Hoạt động đồng hành, chăm sóc khách hàng, marketing hiệu quả đã đem lại cho Công ty thêm 11 khách hàng mới và cấp khí cho 7 nhà máy/khách hàng mới tại khu vực Miền Nam. Hiện Công ty đã chiếm hơn 70% thị phần cung cấp CNG cả nước.

Kết quả là trong năm 2022, tổng sản lượng CNG tiêu thụ của Công ty đạt 314,8 triệu Sm³, tăng khá mạnh 14,8% so với năm trước. Tỷ lệ tăng trưởng kép (CAGR) hàng năm của sản lượng khí tiêu thụ trong giai đoạn 5 năm vừa qua duy trì ở mức cao 17,6%. Sản lượng tiêu thụ này vượt 10,1% so với mức kế hoạch của ĐHĐCĐ.

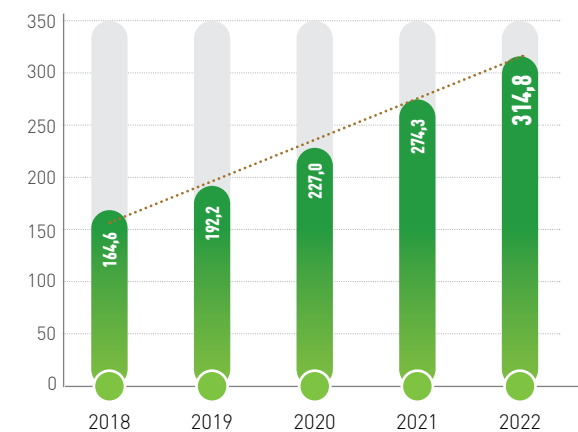
Cơ cấu tiêu thụ khí CNG theo khu vực năm 2022 (Sm³; %)



Cơ cấu tiêu thụ khí CNG theo khu vực năm 2021 (Sm³; %)



Sản lượng tiêu thụ CNG (Triệu Sm³)



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022: HIỆU QUẢ CAO TRONG MÔI TRƯỜNG ĐẦY BIẾN ĐỘNG (tiếp theo)

Tổng doanh thu của Công ty năm 2022 đạt 4.195,2 tỷ đồng, tăng 37% so với thực hiện năm 2021 và vượt 29,6% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế tăng 43% so với năm trước lên mức 153,9 tỷ đồng và vượt gần 40% so với kế hoạch. Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế cũng tăng lên mức 117,6 tỷ đồng và vượt 33,6% so với kế hoạch ĐHCĐ đặt ra.

TỔNG DOANH THU

4.195,2

Tỷ đồng



| Stt | Các chỉ tiêu chính | Đvt | Năm 2022 | | | Năm 2021 | |
|-----|----------------------|-----------------------|----------|-----------|-----------------|-----------|---------------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ TH/KH (%) | Thực hiện | Tỷ lệ 2022/2021 (%) |
| I | Tổng sản lượng CNG | Triệu Sm ³ | 286,0 | 314,8 | 110,1% | 274,3 | 114,8% |
| 1 | Miền Nam | Triệu Sm ³ | 195,0 | 239,6 | 122,8% | 205,5 | 116,6% |
| 2 | Miền Bắc | Triệu Sm ³ | 91,0 | 75,2 | 82,7% | 68,8 | 109,3% |
| II | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 3.236,1 | 4.195,2 | 129,6% | 3.062,1 | 137,0% |
| III | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 110,0 | 153,9 | 139,9% | 107,6 | 143,0% |
| IV | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 88,0 | 117,6 | 133,6% | 82,3 | 142,9% |

VẬN HÀNH VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG: GIÁ TRỊ CỐT LÕI HÀNG ĐẦU – HÀNH ĐỘNG THỰC CHẤT - CHỦ ĐỘNG



Ngành công nghiệp khí luôn tiềm ẩn các nguy cơ cháy nổ cao, ảnh hưởng đến con người, tài sản, môi trường, cũng như ảnh hưởng đến an ninh năng lượng Quốc gia. Vì vậy, công tác vận hành an toàn, công tác phòng ngừa tai nạn sự cố, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh, an toàn tài sản và tính mạng con người luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty. Ban lãnh đạo khẳng định cam kết đảm bảo các nguồn lực cần thiết để kiểm soát các mối nguy, giảm thiểu rủi ro, ngăn ngừa tai nạn lao động; tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác ATSKMT. Hướng tới môi trường làm việc đảm bảo an toàn, để mỗi người lao động có thể trở về nhà an toàn, khỏe mạnh, rạng rỡ sau một ngày làm việc.



Trong năm qua, Công ty đã nỗ lực tổ chức thực hiện công tác an toàn trong hoạt động vận hành, vận chuyển, BDSC, đảm bảo cấp khí an toàn, liên tục cho khách hàng. Công tác an toàn được thực hiện với chủ trương THAY ĐỔI về NHẬN THỨC từ "HÌNH THỨC" sang "THỰC CHẤT" và "BỊ ĐỘNG" sang "CHỦ ĐỘNG". Đồng thời gắn yếu tố An toàn luôn là ưu tiên hàng đầu trong giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là đối với đơn vị hoạt động trong lĩnh vực năng lượng, tiềm ẩn nhiều rủi ro mất an toàn, cháy nổ như CNG Việt Nam.

Nhờ vậy, công tác an ninh an toàn, phòng cháy chữa cháy đã thực hiện tốt, không có tai nạn lao động, không có sự cố gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản, môi trường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công tác tuyên truyền, huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy được thực hiện thường xuyên và định kỳ, giúp CBCNV nâng cao ý thức trách nhiệm về an toàn nơi làm việc. Công ty đã luôn thực hiện đầy đủ và chặt chẽ công tác huấn luyện, giám sát an toàn nhà thầu; thực hiện tốt công tác BDSC đã góp phần ngăn ngừa sự cố thiết bị, ảnh hưởng đến sản xuất.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

VẬN HÀNH VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG: GIÁ TRỊ CỐT LÕI HÀNG ĐẦU – HÀNH ĐỘNG THỰC CHẤT - CHỦ ĐỘNG (tiếp theo)

Công ty thực hiện tham khảo ý kiến của người lao động qua nhiều hình thức như: đối thoại trực tiếp, điện thoại, email; các cuộc họp sinh hoạt an toàn định kỳ, hội thảo, hội nghị an toàn, đối thoại, chương trình đào tạo; thực hiện chương trình nhận thức an toàn (thẻ STOP), phiếu Hành động khắc phục. Các CBCNV được tham khảo ý kiến,

khuyến khích đóng góp ý kiến khi công ty thực hiện nhận diện mối nguy, khía cạnh môi trường tại nơi làm việc; điều tra TNSC, thay đổi cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất, chế độ vận hành, quy trình sản xuất; ban hành chính sách, mục tiêu ATCLMT, các tài liệu mới về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, môi trường.



Tình hình dịch bệnh Covid-19 về cơ bản đã được kiểm soát, doanh nghiệp dần khôi phục lại mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty vẫn thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng bệnh theo khuyến cáo của Bộ Y tế và chính quyền địa phương, tiêm đầy đủ các liều vaccine... nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe của CBCNV và trách nhiệm trước cộng đồng.

Trong năm, Công ty đã hoàn thành đánh giá tái chứng nhận hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường theo ISO 9001: 2015, ISO 14001: 2015, ISO 45001: 2018, là một trong những hệ thống nền tảng phục vụ hoạt động quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU ATCLMT NĂM 2022 CỦA CNG VIỆT NAM

| Stt | Mục tiêu | Tổng số chỉ tiêu | Số chỉ tiêu đạt | Số chỉ tiêu không đạt | Nội dung số chỉ tiêu không đạt/ Nguyên nhân |
|-----|--|------------------|-----------------|-----------------------|--|
| 1 | Đảm bảo sản lượng và chất lượng khí cung cấp cho khách hàng | 3 | 3 | 0 | |
| 2 | Ngăn ngừa sự cố trong hoạt động vận hành, BDSC và xây lắp trên công trình khí. | 4 | 4 | 0 | |
| 3 | Kiểm soát các hoạt động có khả năng gây tác động đến môi trường | 2 | 2 | 0 | |
| 4 | Kiểm soát, đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ Dự án | 1 | 0 | 1 | Hoàn thành thi công, lắp đặt Dự án trạm LNG: chậm tiến độ. Nguyên nhân: Do ảnh hưởng nguồn cung và giá LNG thế giới có nhiều biến động. Chưa có quy chuẩn VN về trạm cấp LNG nên khó khăn trong việc đưa ra giải pháp PCCC tại các trạm. |
| 5 | Duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý ATCLMT. | 2 | 1 | 1 | 1 lỗi không phù hợp nhẹ trong đánh giá tái chứng nhận của BSI VN. Đã hoàn thành khắc phục. |

CHUYỂN ĐỔI SỐ: ĐẨY MẠNH ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Là một xu hướng đang lan tỏa mạnh mẽ trên thế giới, chuyển đổi số có thể được hiểu là việc tích hợp công nghệ kỹ thuật số tiên tiến vào toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể, công nghệ sẽ được ứng dụng để thay đổi cách thức kinh doanh, vận hành, mô hình quản lý... nhằm mang lại lợi ích cho các bên liên quan và gia tăng giá trị doanh nghiệp. Lợi ích đó có thể là cắt giảm chi phí, cải thiện sự minh bạch trong hoạt động, giúp tập trung năng lực làm việc của nhân viên, hay là tăng trải nghiệm của khách hàng...

Hoạt động chuyển đổi số đang được các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm sau giai đoạn dịch bệnh Covid-19, và hoàn toàn phù hợp với định hướng chiến lược của CNG Việt Nam trong thời gian tới. Năm 2022, Công ty đã bắt đầu hiện thực hóa các công tác chuyển đổi số và dự kiến sẽ đẩy mạnh ứng dụng vào quản trị doanh nghiệp. Cụ thể, trong năm qua, Công ty đã (1) hoàn thành việc đào tạo nhận thức về Chuyển đổi số cho các cán bộ quản lý; (2) xây dựng thư mục quản trị dữ liệu trên Microsoft Teams, File Server, SharePoint Online. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện phạm vi công việc chỉnh lý, số hóa và dự kiến lựa chọn nhà thầu thực hiện trong Quý I/2023.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CƠ CẤU TỔ CHỨC - NHÂN SỰ VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP: THÚC ĐẨY GIÁ TRỊ HỢP TÁC VÀ TRÁCH NHIỆM

Về cơ cấu tổ chức, năm qua, CNG Việt Nam đã xúc tiến thành lập các tổ chuyên môn, Tiểu ban Kiểm toán Nội bộ để giúp việc cho HĐQT, Ban Điều hành trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Công ty. Đồng thời, liên tục rà soát, bổ sung thêm các chức năng nhiệm vụ các Phòng, Chi nhánh đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của hoạt động SXKD. Đặc biệt, CNG Việt Nam tiếp tục củng cố cơ cấu nhân sự tại Chi nhánh Miền Bắc sau khi tiếp nhận hệ thống CNG tại khu vực này theo chủ trương của Tập đoàn và Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas).

Công tác nhân sự được thực hiện với các chính sách điều động, bổ nhiệm nhân sự một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm. Tăng cường công tác đào tạo giúp nâng cao năng lực, trình độ, tay nghề của CBCNV đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển sắp tới của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động của ngành.



SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY tính đến ngày 31/12/2022

278

Người

Tăng 2,6% so với cuối năm trước

Số lượng lao động của Công ty tính đến ngày 31/12/2022 đạt 278 người, tăng 2,6% so với cuối năm trước. Cụ thể, trong năm tăng 16 nhân sự (tuyển dụng mới), giảm 09 nhân sự (chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu). Công tác cán bộ gồm có: bổ nhiệm mới 02 cán bộ (Kế toán trưởng, Phó phòng KTAT - Chi nhánh Miền Bắc) và bổ nhiệm lại 19 cán bộ trong năm 2022.

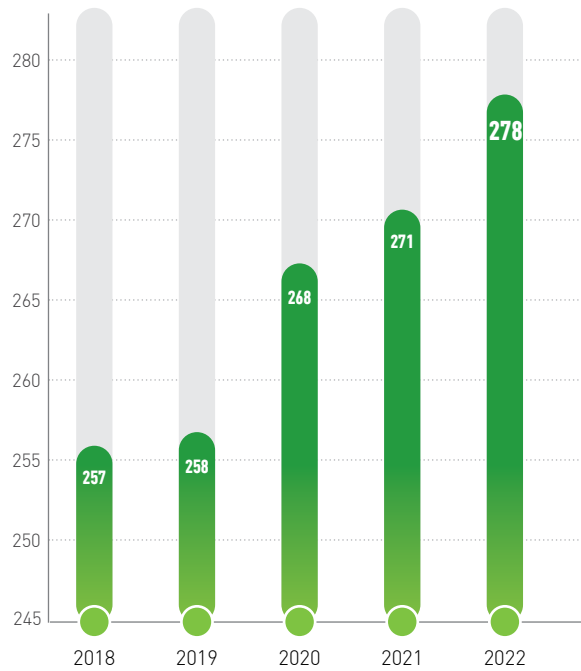
Mức tiền lương bình quân ước thực hiện trong năm đạt 21,8 triệu đồng/người/tháng, tăng 9% so với năm trước. Mặc dù tình hình thị trường có nhiều biến động nhưng thu nhập của CBCNV được cải thiện cho thấy những nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty. Bên cạnh lương thưởng, Công ty còn duy trì nhiều chế độ phúc lợi đáng chú ý khác như:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp định kỳ hàng năm cho toàn thể CBCNV Công ty;
- Chế độ trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng quy định của pháp luật đảm bảo an toàn lao động, giảm thiểu tác động của môi trường làm việc tới sức khỏe người lao động;
- Các chế độ phúc lợi khác: Trợ cấp xăng xe hàng tháng, tiền tàu xe khi CBCNV nghỉ phép, sinh nhật, ma chay, cưới hỏi, tham quan du lịch hàng năm, hoạt động thể dục thể thao;
- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn tự nguyện...

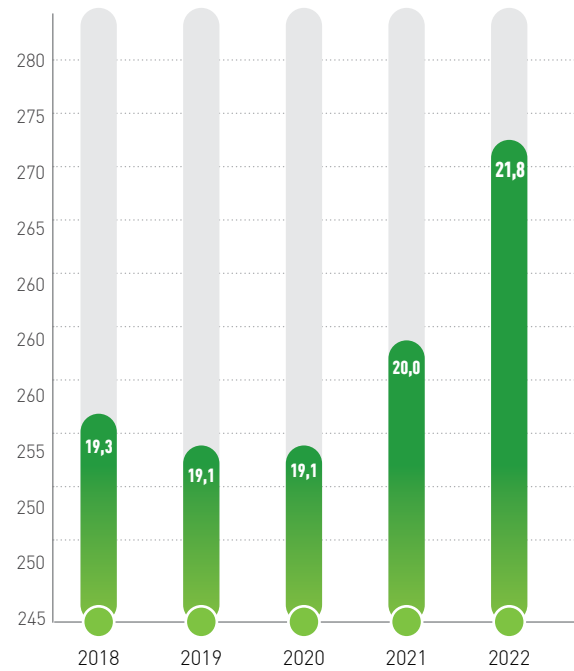
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CƠ CẤU TỔ CHỨC - NHÂN SỰ VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP: THỨC ĐẨY GIÁ TRỊ HỢP TÁC VÀ TRÁCH NHIỆM *(tiếp theo)*

Số lượng lao động (người)



Lương bình quân/tháng (Triệu đồng)



Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chủ trương chính sách của Nhà nước liên quan đến Người lao động và thực hiện tốt Thỏa ước Lao động Tập thể, Quy chế dân chủ và hướng dẫn đối thoại tại nơi làm việc, các câu hỏi và thắc mắc của người lao động được Công ty xử lý kịp thời, thỏa đáng theo đúng quy định. BCH Công đoàn tích cực tuyên truyền, triển khai các hoạt động vui chơi, thể dục thể thao... nhằm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần phong phú đảm bảo cân bằng cuộc sống-công việc cho người lao động.





BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

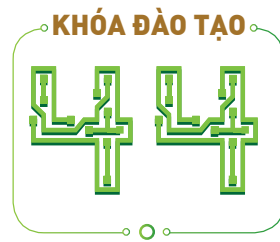
VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Áp dụng thành tựu của khoa học quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh luôn là một vấn đề được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm. Để hiện thực hóa các chiến lược phát triển, xây dựng văn hóa doanh nghiệp đã được ưu tiên triển khai trong năm vừa qua và trong tương lai. Theo các khái niệm phổ quát, văn hóa doanh nghiệp là tập hợp những giá trị và chuẩn mực về niềm tin, hành vi, cách nhận thức và phương pháp tư duy được mọi người trong công ty cùng công nhận, suy nghĩ và hành động như một thói quen. Văn hóa doanh nghiệp giống như tính cách và đời sống tinh thần của con người, ảnh hưởng đến lối sống, hành vi của người đó; và quyết định đến sự thành bại và tồn tại lâu dài của mỗi doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, năm 2022, Công ty đã tổ chức 02 khóa đào tạo về văn hóa doanh nghiệp với các nội dung: (1) Các cấp độ của văn hóa doanh nghiệp, (2) Tư duy của văn hóa doanh nghiệp trong việc quản trị, (3) 5 điểm chết của Teamwork; nhằm phổ biến các kiến thức và kinh nghiệm đến cấp lãnh đạo cũng như toàn thể CBCNV.

Công ty cũng đang tiếp tục xây dựng và rà soát lại các cấu phần của **Bộ chỉ dẫn về quy ước hợp tác và trách nhiệm**, nhằm thúc đẩy giá trị văn hóa doanh nghiệp thông qua các hoạt động: (1) Xác định các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; (2) Xây dựng Sơ đồ tổ chức; (3) Xây dựng Bảng mô tả công việc; (4) Xây dựng KPIs để đo lường hiệu suất lao động của CBCNV; (5) Xây dựng Quy trình/quy định để thực hiện công việc; (6) Xây dựng Quá trình quản trị doanh nghiệp.

Song song với các hoạt động này, Ban lãnh đạo cũng tổ chức các "chiến dịch" ngắn hạn để không ngừng vun đắp tinh thần văn hóa doanh nghiệp cho CNG Việt Nam, chẳng hạn như ban hành Sổ tay thay đổi: **Chương trình 21 ngày thiết lập những hành động thay đổi bản thân**. Qua đó, giúp mỗi CBCNV không ngừng cải thiện bản thân từng ngày, giúp hiệu quả công việc được nâng cao, đời sống ngoài công việc thêm hạnh phúc.



ĐÀO TẠO - HUẤN LUYỆN

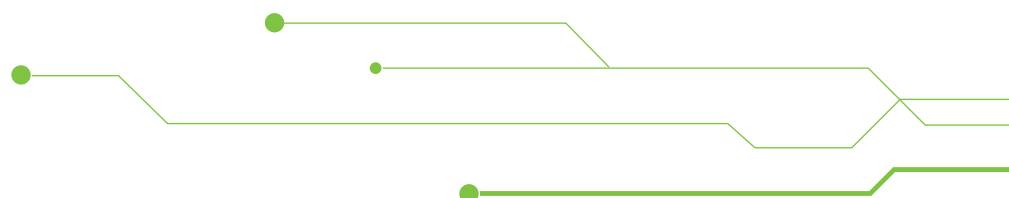
Công tác đào tạo luôn được Công ty chú trọng, nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn của người lao động, phát triển nguồn nhân lực. Cụ thể, năm 2022, CNG Việt Nam đã tổ chức 44 khóa đào tạo, với 2.180 lượt người gồm 1.554 lượt nhân viên và 626 lượt quản lý. Tổng chi phí của hoạt động đào tạo đạt 4,05 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm trước cho thấy mức độ quan tâm của Công ty đến hoạt động phát triển nguồn nhân lực này.

Cụ thể, 100% người lao động của Công ty được đào tạo, phổ biến TULĐTT, Nội quy Lao động, Văn hóa doanh nghiệp, Quy định về bảo hộ lao động và an toàn lao động trước khi ký Hợp đồng lao động với Công ty. Công ty còn tổ chức các khóa đào tạo phát triển kỹ năng góp phần hỗ trợ người lao động trong công việc tác nghiệp thường nhật (Ngoại ngữ, tin học ứng dụng, ...).

CÔNG TÁC MARKETING - BÁN HÀNG: TIẾP TỤC ĐỊNH VỊ CNG = "CLEAN NATURAL GAS"

Công tác phát triển thị trường, mở rộng địa bàn để gia tăng sản lượng tiêu thụ đã liên tục được Công ty chú trọng; đặc biệt là đẩy mạnh công tác Marketing để quảng bá Thương hiệu; tiếp tục định vị CNG = "Clean Natural Gas" là đơn vị tiên phong cung cấp trọn gói giải pháp năng lượng sạch tại Việt Nam; thực hiện tốt công tác nâng cao trải nghiệm Khách hàng, bao gồm cả ứng dụng chuyển đổi số.

Trong năm 2022 Công ty đã xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thực tế trong từng giai đoạn; tích cực tìm kiếm khách hàng, phát triển thị trường, bám sát diễn biến giá dầu và tình hình sản xuất kinh doanh của khách hàng để có các hỗ trợ kịp thời nhằm cùng khách hàng vượt qua giai đoạn khó khăn chung. Nhờ vậy, tại khu vực miền Nam, Công ty đã phát triển thêm 11 khách hàng mới và cấp khí cho 7 nhà máy/khách hàng mới. Công ty cũng đã tổ chức thành công chương trình hội nghị khách hàng kết hợp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Công ty, sự kiện đã để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp với khách hàng và đối tác.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TÁC MARKETING - BÁN HÀNG: TIẾP TỤC ĐỊNH VỊ CNG = “CLEAN NATURAL GAS” (tiếp theo)



CNG Việt Nam tiếp tục nâng cấp bộ nhận diện thương hiệu mới, bộ tài liệu bán hàng, thiết kế website mới. Công ty cũng đã tích cực triển khai các hoạt động quảng bá hình ảnh, quảng bá sản phẩm CNG, LNG bằng digital marketing và bảng quảng cáo ngoài trời, quảng cáo trên xe buýt,... để không ngừng phát triển thương hiệu CNG Việt Nam.

Công tác quan hệ và chăm sóc khách hàng luôn được Công ty chú trọng với phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả, với các chính sách áp dụng cho hai nhóm khách hàng tiềm năng và hiện hữu. Đối với công tác hậu mãi/chăm sóc khách hàng, định kỳ mỗi 6 tháng, Công ty thực hiện đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng theo Quy trình bán khí CNG và chăm sóc khách hàng, nhằm để không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, gia tăng sự gắn bó của khách hàng, gia tăng uy tín thương hiệu.

KẾT QUẢ ĐO LƯỜNG SỰ THỎA MÃN CỦA KHÁCH HÀNG 2018-2022

| Mức độ thỏa mãn | KẾT QUẢ | | | | |
|------------------------|---------|--------|--------|---------|---------------|
| | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
| Mức 5 (rất thỏa mãn) | 18% | 15% | 43,24% | 33,33 % | 78,82% |
| Mức 4 (thỏa mãn) | 51,5% | 72,5% | 48,65% | 58,97 % | 21,18% |
| Mức 3 (chấp nhận được) | 27,2% | 12,5 % | 8,11 % | 7,69 % | 0 |
| Mức 2 (không thỏa mãn) | 3,3 % | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Mức 1 (rất kém) | | 0 | 0 | 0 | 0 |

TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG SỰ THỎA MÃN KHÁCH HÀNG CỦA CNG VIỆT NAM



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG: ĐẨY MẠNH ĐẦU TƯ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LNG

Công tác đầu tư xây dựng triển khai tích cực, bám sát kế hoạch chung của CNG Việt Nam và PV Gas, đặc biệt chú trọng đến đầu tư phục vụ hoạt động kinh doanh LNG trong thời gian sắp tới.

Tổng giá trị giải ngân các hạng mục đầu tư xây dựng trong năm 2022 đạt 33,32 tỷ đồng. Toàn bộ quá trình đầu tư - xây dựng các dự án của CNG Việt Nam đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành và chịu sự kiểm tra, giám sát nghiêm ngặt nên luôn đảm bảo chất lượng công trình và đúng mục tiêu và nguồn vốn của dự án, không xảy ra tình trạng nợ đọng hay lãng phí, thất thoát vốn đầu tư.

Công việc thực hiện năm 2022 của một số dự án lớn như sau:

1 TRẠM CẤP KHÍ LNG THUẬN ĐẠO - LONG AN

- **Công việc thực hiện:** Thi công công trình.
- **Khối lượng và giá trị thực hiện:** 4,99 tỷ đồng.
- **Tiến độ thực hiện:** Chậm tiến độ khoảng 03 tháng so với Kế hoạch được duyệt, tuy nhiên vẫn đảm bảo tiến độ theo Hợp đồng.



2 TRẠM CẤP KHÍ LNG TRUNG NGUYÊN - BÌNH THUẬN

- **Công việc thực hiện:** Phê duyệt thiết kế và dự toán thi công công trình.
- **Khối lượng và giá trị thực hiện:** 0,37 tỷ đồng.
- **Tiến độ thực hiện:** Tạm dừng thực hiện tại bước phê duyệt thiết kế và dự toán thi công công trình và triển khai phù hợp với tiến độ nhập LNG của PV Gas.

3 TRẠM CẤP KHÍ LNG MỸ PHƯỚC 3

- **Công việc thực hiện:** Phê duyệt thiết kế và dự toán thi công công trình.
- **Khối lượng và giá trị thực hiện:** 0,37 tỷ đồng.
- **Tiến độ thực hiện:** Tạm dừng thực hiện tại bước phê duyệt dự án và triển khai phù hợp với tiến độ nhập LNG của PV Gas.



4 XÂY DỰNG VÀ LẮP ĐẶT 04 TRẠM CẤP KHÍ LNG CHO KHÁCH HÀNG, CÔNG SUẤT 1.000 ÷ 2.000 Sm³/h

- **Công việc thực hiện:** Khảo sát mặt bằng và thông số kỹ thuật khách hàng.
- **Khối lượng và giá trị thực hiện:** 0 tỷ đồng.
- **Tiến độ thực hiện:** Tiếp tục Khảo sát mặt bằng và thông số kỹ thuật khách hàng để lập dự án và triển khai phù hợp với tiến độ nhập LNG của PV Gas.

5 MUA SẮM 05 XE BỒN VẬN CHUYỂN LNG

- **Công việc thực hiện:** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 02 bồn
- **Khối lượng và giá trị thực hiện:** 0 tỷ đồng.
- **Tiến độ thực hiện:** Tạm dừng tại Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 02 bồn và triển khai phù hợp với tiến độ nhập LNG của PV Gas.

6 MUA SẮM 09 BỒN LNG CỔ ĐỊNH 30 - 60 m³

- **Công việc thực hiện:** Khảo sát mặt bằng hiện hữu và thông tin kỹ thuật của khách hàng.
- **Khối lượng và giá trị thực hiện:** 0 tỷ đồng.

7 MUA SẮM 05 CỤM THIẾT BỊ HÓA HƠI 1.000 ÷ 2.000 Sm³/h

- **Công việc thực hiện:** Khảo sát mặt bằng hiện hữu và thông tin kỹ thuật của khách hàng

8 DỰ ÁN TRỤ SỞ VĂN PHÒNG CNG VIỆT NAM

- **Công việc thực hiện:** Hoàn thành đưa công trình vào sử dụng và quyết toán dự án hoàn thành.
- **Khối lượng và giá trị thực hiện:** 23,61 tỷ đồng.
- **Tiến độ thực hiện:** Chậm tiến độ khoảng 06 tháng so với Hợp đồng do thay đổi biện pháp thi công tăng hầm, ảnh hưởng của dịch Covid-19 và phát sinh công việc ngoài hợp đồng.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ THỊ TRƯỜNG VỐN: PHÁT TRIỂN GẮN VỚI LỢI ÍCH NHÀ ĐẦU TƯ



CNG Việt Nam luôn theo đuổi triết lý phát triển bền vững, gắn liền lợi ích của Công ty với lợi ích của các bên liên quan. Với những hoạt động quản trị và quan hệ nhà đầu tư minh bạch và hiệu quả, Công ty đã được các tổ chức uy tín bình chọn, khen tặng nhiều danh hiệu, giải thưởng. Cụ thể như sau:

TOP 5

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN – NHÓM SMALLCAP

do Sở GD&ĐT TP.HCM (HOSE) và báo Đầu tư Chứng khoán đồng tổ chức năm 2021, 2022.

TOP 15

DOANH NGHIỆP SMALL & MICRO CAP CÓ HOẠT ĐỘNG IR TỐT NHẤT NĂM 2021

do IR Awards tổ chức.

TOP 10

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN – NHÓM MIDCAP

do Sở GD&ĐT TP.HCM (HOSE) và báo Đầu tư Chứng khoán đồng tổ chức trong ba năm liên tiếp 2018, 2019, 2020.

TOP 100

DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VIỆT NAM

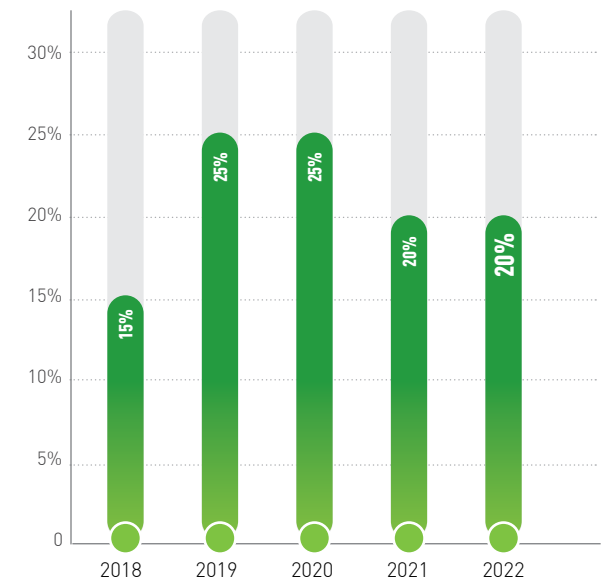
do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam - VBCSD (VCCI) tổ chức trong nhiều năm liên.

Trong thời gian qua, Công ty đã đẩy mạnh chiến lược số hóa, các hoạt động cung cấp thông tin từ xa, qua điện thoại, cải tiến trang web hiện đại, thân thiện với người dùng, cung cấp các thông tin cập nhật, chính xác, kịp thời đến cộng đồng nhà đầu tư.

Ngoài ra, thực hiện đúng các chuẩn mực QTCT được quy định trong văn bản lập quy của Công ty và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và UBCKNN, Ban Lãnh đạo luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc hoạt động công bố thông tin ra thị trường. Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường, Công ty luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư. Không dừng lại ở việc tuân thủ, Công ty cũng trao đổi với các biên liên quan và cổ đông, công bố thông tin một cách chủ động.

Các kỳ ĐHĐCĐ luôn được Công ty chú trọng và chuẩn bị một cách cẩn thận và kỹ lưỡng, vì đây là cơ hội quan trọng để Công ty gặp gỡ cổ đông và nhà đầu tư. Ban Lãnh đạo trình bày kết quả, kế hoạch kinh doanh và những nội dung quan trọng khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Đây cũng là cơ hội để Ban Lãnh đạo có thể giải đáp thắc mắc để các cổ đông có thể hiểu rõ về Công ty hơn.

Cổ tức tiền mặt thực trả trong năm (%)



Năm 2022, CNG Việt Nam tiếp tục duy trì chi trả cổ tức tiền mặt cho cổ đông ở mức cao với tỷ lệ 20%, tương ứng với giá trị chi trả đạt 54 tỷ đồng. Đây là minh chứng rõ ràng nhất cho thấy Công ty luôn đồng hành và hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đối với cổ đông.





BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI – PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với các sản phẩm chính không gì khác hơn là năng lượng sạch, CNG Việt Nam là doanh nghiệp tiên phong trong sự nghiệp xanh hóa nhiên liệu của Việt Nam. Hơn ai hết, CNG Việt Nam ý thức được chiến lược tích hợp mục tiêu phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Ngoài việc thúc đẩy chuyển hóa nguồn năng lượng sạch, CNG Việt Nam không ngừng quan tâm đến sự phát triển bền vững thông qua nhiều chương trình an sinh, xã hội-cộng đồng.

CHƯƠNG TRÌNH “TRÁI TIM CHO EM”

Thông qua chương trình của Quỹ tấm lòng Việt, trong hơn 10 năm qua, Công ty đã hỗ trợ phẫu thuật cho hàng trăm trẻ em mắc bệnh tim bẩm sinh, góp phần mang thêm cơ hội sống đến các trẻ nhỏ bị tim bẩm sinh, giúp cho các em có một cuộc sống khỏe mạnh.



HÀNH TRÌNH “TÌNH XUÂN”, “MANG YÊU THƯƠNG ĐẾN VỚI TRẺ EM NGHÈO VÙNG CAO”

Hành trình lan tỏa yêu thương tiếp tục mang những giá trị nhân văn của CNG Việt Nam đến gần hơn với những mảnh đời, hoàn cảnh còn khó khăn trên khắp mọi miền Tổ quốc, để tiếp thêm năng lượng sống, vun mầm cho những thay đổi tốt đẹp hơn.



CHƯƠNG TRÌNH “TIẾP SỨC ĐẾN TRƯỜNG”

Chương trình này đã trở thành một hoạt động thường niên nhiều ý nghĩa, đem đến niềm cổ vũ lớn lao, kịp thời cho các em học sinh trước thềm mỗi năm học mới. Chương trình không những trao tặng các suất học bổng, phần quà tới các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó, CNG Việt Nam mong muốn góp một phần nhỏ bé để tiếp thêm tinh thần ham học hỏi, vun mầm tri thức cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra, CNG Việt Nam còn tích cực tham gia nhiều công tác thiện nguyện khác như xây nhà tình nghĩa, ủng hộ đồng bào bão lụt, cựu chiến binh, phụ nữ nghèo..., đóng góp vào quỹ tương trợ đầu khí, quỹ vì thế hệ trẻ, quỹ nghĩa tình đồng đội...



Thông qua các hoạt động an sinh, xã hội, CNG Việt Nam mong muốn ngày càng lan tỏa tình yêu thương, nguồn năng lượng tươi mới góp phần vun đắp giá trị sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng. Vui lòng xem thêm các nội dung khác và chi tiết hơn trong Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2022 được lập riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

| KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ đồng) | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2022 so với 2021 Tăng/Giảm (%) |
|--|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|--------------------------------|
| Doanh thu thuần | 1.819,2 | 2.130,4 | 2.337,9 | 3.057,7 | 4.185,4 | 36,9% |
| Giá vốn hàng bán | 1.582,6 | 1.941,1 | 2.187,6 | 2.849,1 | 3.890,2 | 36,5% |
| Lợi nhuận gộp | 236,6 | 189,2 | 150,3 | 208,6 | 295,2 | 41,5% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 11,6 | 13,5 | 10,7 | 4,3 | 8,3 | 94,9% |
| Chi phí tài chính | 0,1 | 0,0 | 0,0 | 0,4 | 4,0 | 851,5% |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | <i>0,1</i> | <i>0,0</i> | <i>0,0</i> | <i>0,4</i> | <i>4,0</i> | <i>853,8%</i> |
| Chi phí bán hàng | 34,4 | 24,9 | 25,5 | 26,8 | 35,8 | 33,7% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 75,1 | 72,9 | 72,6 | 76,5 | 109,4 | 43,1% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 138,6 | 104,9 | 62,8 | 109,2 | 154,3 | 41,3% |
| Thu nhập khác | 7,3 | 2,9 | 2,5 | 0,1 | 1,5 | - |
| Chi phí khác | 0,66 | 0,1 | 0,0 | 1,7 | 1,9 | 11,5% |
| Lợi nhuận khác | 6,6 | 2,7 | 2,5 | (1,6) | (0,4) | -75,7% |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 145,2 | 107,6 | 65,4 | 107,6 | 153,9 | 43,0% |
| Lợi nhuận sau thuế | 114,3 | 84,3 | 51,0 | 82,3 | 117,6 | 42,9% |



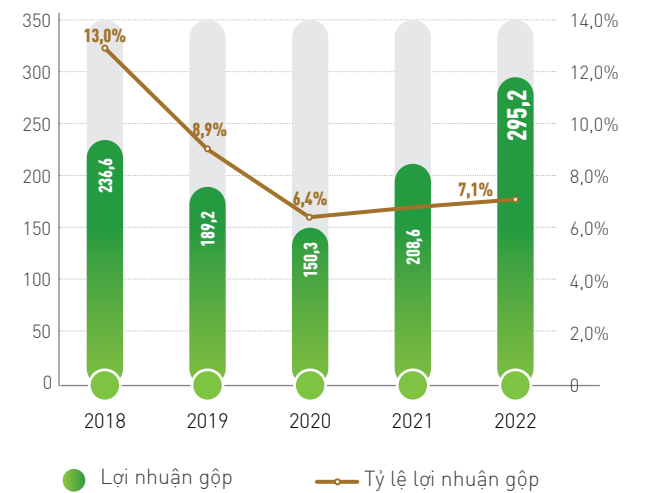
Doanh thu tiêu thụ khí tiếp tục tăng trưởng mạnh 36,9% so với năm trước, đạt 4.185,4 tỷ đồng. Tổng doanh thu vượt 29,6% so với kế hoạch

Nhờ các biện pháp quản trị kịp thời và hiệu quả, hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam trong năm 2022 tiếp tục khởi sắc. Doanh thu từ hoạt động bán khí trong năm đạt 4.185,4 tỷ đồng, tăng vượt bậc 36,9% so với năm trước. Tính cả trong giai đoạn 5 năm gần đây, doanh thu thuần đạt tỷ lệ tăng trưởng kép (CAGR) với mức 23,2%.

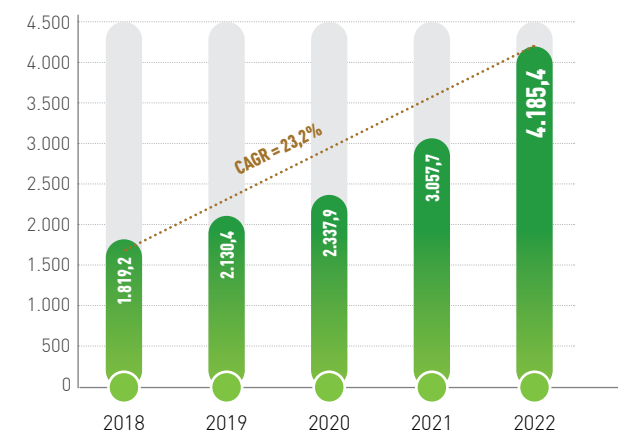
Kết hợp với doanh thu tài chính và doanh thu khác, tổng doanh thu của Công ty trong năm 2022 đạt 4.195,2 tỷ đồng, vượt 29,6% so với kế hoạch ĐHCĐ đã giao phó.

Hoạt động xúc tiến, chăm sóc và tìm kiếm khách hàng mới được đẩy mạnh, đồng thời các khách hàng hiện tại gia tăng sản lượng trong giai đoạn khôi phục sản xuất hậu Covid-19 giúp sản lượng tiêu thụ khí gia tăng rõ rệt 14,8% so với năm trước. Ngoài ra, giá dầu khí thế giới duy trì ở mức cao cũng góp phần giúp doanh thu Công ty tăng trưởng đáng kể.

Lợi nhuận gộp tiếp tục tăng khá mạnh từ mức 6,8% trong năm 2021 lên 7,1% trong năm 2022 và là năm thứ hai tăng trưởng liên tục. Điều này giúp lợi nhuận gộp Công ty tăng lên 295,2 tỷ đồng so với 208,6 tỷ đồng của năm trước, tức tăng mạnh ở mức 41,5%.



Doanh thu thuần tiêu thụ khí (Tỷ đồng)



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

TIẾT KIỆM CHI PHÍ HIỆU QUẢ, GIÚP ĐẢM BẢO SUẤT SINH LỜI

| Cơ cấu chi phí (Tỷ đồng) | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|--------------------------|------|------|------|-------|--------------|
| Chi phí khấu hao | 45,2 | 54,3 | 43,3 | 107,4 | 99,4 |
| Chi phí tài chính | 0,1 | 0,02 | 0,0 | 0,4 | 4,0 |
| Chi phí lãi vay | 0,1 | 0,02 | 0,0 | 0,4 | 4,0 |
| Chi phí bán hàng | 34,4 | 24,9 | 25,5 | 26,8 | 35,8 |
| Chi phí QLDN | 75,1 | 72,9 | 72,6 | 76,5 | 109,4 |
| Chi phí khác | 0,66 | 0,1 | 0,0 | 1,7 | 1,9 |

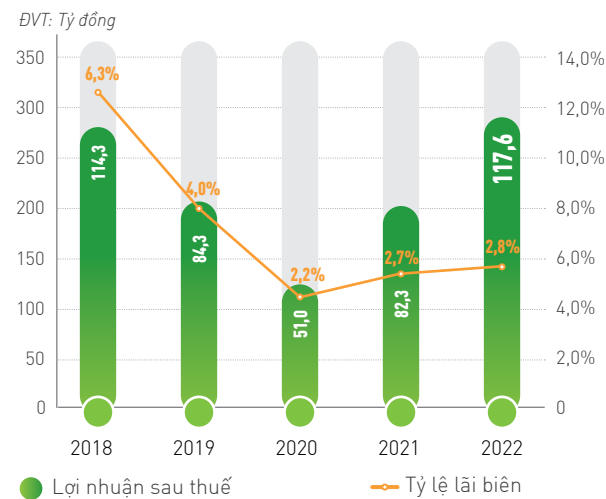
| Cơ cấu chi phí (% DTT) | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|------------------------------------|------|------|------|-------|--------------|
| Chi phí khấu hao/ Doanh thu thuần | 45,2 | 54,3 | 43,3 | 107,4 | 99,4 |
| Chi phí tài chính/ Doanh thu thuần | 0,1 | 0,02 | 0,0 | 0,4 | 4,0 |
| Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần | 0,1 | 0,02 | 0,0 | 0,4 | 4,0 |
| Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần | 34,4 | 24,9 | 25,5 | 26,8 | 35,8 |
| Chi phí QLDN/ Doanh thu thuần | 75,1 | 72,9 | 72,6 | 76,5 | 109,4 |
| Chi phí khác | 0,66 | 0,1 | 0,0 | 1,7 | 1,9 |

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp khí thiên nhiên, tài sản cố định luôn chiếm một tỷ trọng lớn tổng tài sản của Công ty, và chi phí khấu hao tương ứng cũng chiếm phần lớn trong tổng chi phí. Tuy nhiên, tỷ trọng này đang có xu hướng giảm xuống và thúc đẩy suất sinh lời của CNG Việt Nam, cụ thể, đạt 99,4 tỷ đồng tương đương chỉ 2,4% doanh thu trong năm 2022, giảm mạnh so với mức 3,5% trong năm trước.

Hai khoản mục chi phí chính yếu còn lại là Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận ở mức 35,8 và 109,4 tỷ đồng. Tỷ lệ Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần và Chi phí QLDN/ Doanh thu thuần tiếp tục được kiểm soát tốt ở mức tương ứng 0,9% và 2,6%, tức là tương đương so với năm 2021 và cải thiện mạnh mẽ so với các năm trước đó. Điều này cho thấy Công ty đã triển công tác quản trị chi phí chặt chẽ với nhiều chương trình tiết kiệm chi phí ở tất cả các phòng ban, chi nhánh; đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả cao trong giai đoạn có nhiều biến động.

BIÊN LỢI NHUẬN TIẾP TỤC CẢI THIỆN, LNST TĂNG TRƯỞNG GẦN 43%

Hoạt động kinh doanh của CNG Việt Nam tiếp tục xu hướng cải thiện rất tích cực. Năm 2022, Công ty đạt LNST 117,6 tỷ đồng, tăng trưởng 42,9% so với năm trước và đạt 133,6% so với kế hoạch của ĐHĐCĐ đặt ra. Biên lợi nhuận ròng của Công ty trong năm 2021 đạt 2,8%, tiếp tục cải thiện so với mức 2,7% của năm 2021.



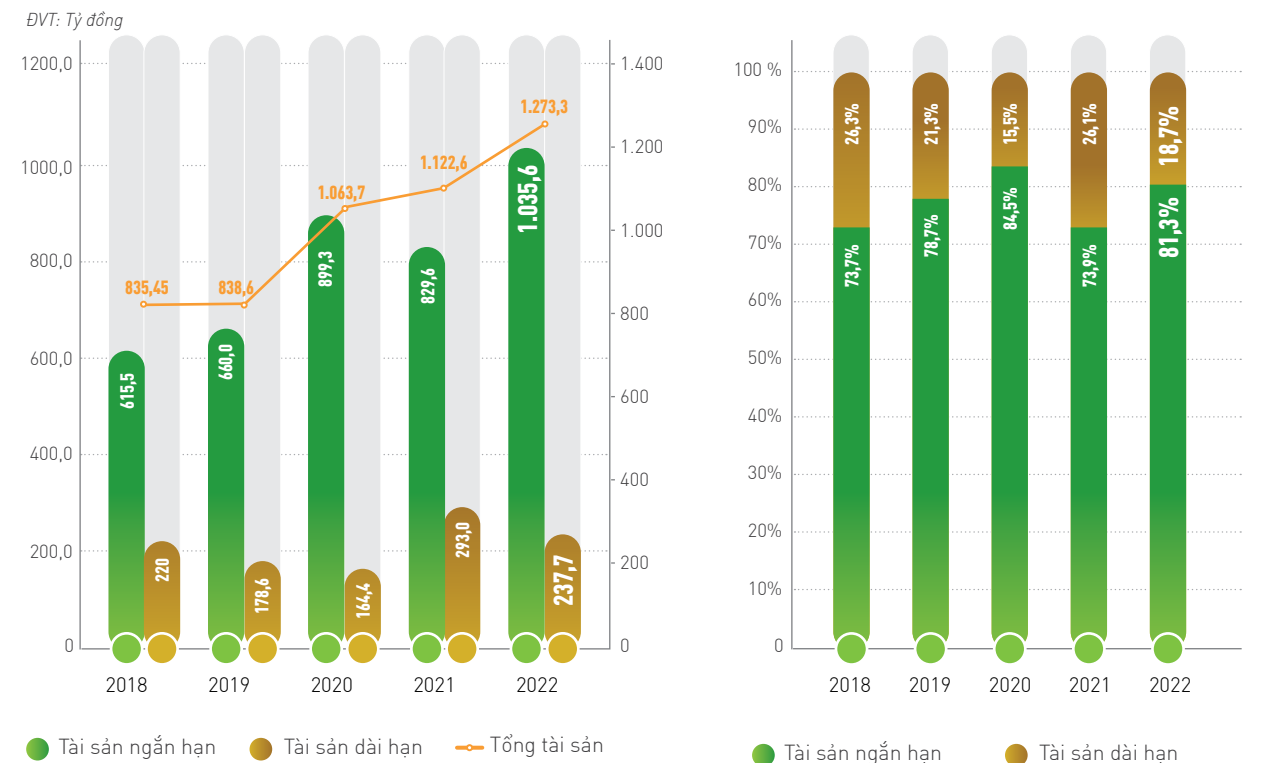
TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

| CHỈ TIÊU (Tỷ đồng) | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|--------------------|-------|-------|---------|---------|----------------|
| Tổng tài sản | 835,5 | 838,6 | 1.063,7 | 1.122,6 | 1.273,3 |
| Tài sản ngắn hạn | 615,5 | 660,0 | 899,3 | 829,6 | 1.035,6 |
| Tài sản dài hạn | 220,0 | 178,6 | 164,4 | 293,0 | 237,7 |
| Nợ phải trả | 298,2 | 295,8 | 554,3 | 600,9 | 705,9 |
| Nợ ngắn hạn | 280,4 | 278,0 | 534,6 | 578,9 | 639,7 |
| Nợ dài hạn | 17,8 | 17,8 | 19,7 | 22,0 | 66,2 |
| Vốn chủ sở hữu | 537,3 | 542,9 | 509,4 | 521,7 | 567,4 |

| CHỈ TIÊU (% TTS) | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|------------------|-------|-------|-------|-------|--------------|
| Tổng tài sản | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Tài sản ngắn hạn | 73,7% | 78,7% | 84,5% | 73,9% | 81,3% |
| Tài sản dài hạn | 26,3% | 21,3% | 15,5% | 26,1% | 18,7% |
| Nợ phải trả | 35,7% | 35,3% | 52,1% | 53,5% | 55,4% |
| Nợ ngắn hạn | 94,0% | 94,0% | 96,4% | 96,3% | 90,6% |
| Nợ dài hạn | 6,0% | 6,0% | 3,6% | 3,7% | 9,4% |
| Vốn chủ sở hữu | 64,3% | 64,7% | 47,9% | 46,5% | 44,6% |

Qua các năm, có thể thấy CNG Việt Nam luôn tuân thủ nguyên tắc quản trị tài chính của mình. Đó là Công ty luôn chú ý duy trì tỷ trọng tài sản ngắn hạn ở mức tối thiểu 70% tổng tài sản nhằm đáp ứng nhu cầu vốn luân chuyển cao. Ngoài ra, Ban lãnh đạo triệt để không đầu tư vốn dàn trải, tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động kinh doanh chính; và ưu tiên sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi nhằm giảm thiểu áp lực tài chính trong việc tài trợ hoạt động kinh doanh. Chỉ sử dụng vốn vay khi điều kiện thuận lợi với mục đích nhằm mở rộng kinh doanh và đảm bảo suất sinh lời.

TÀI SẢN



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

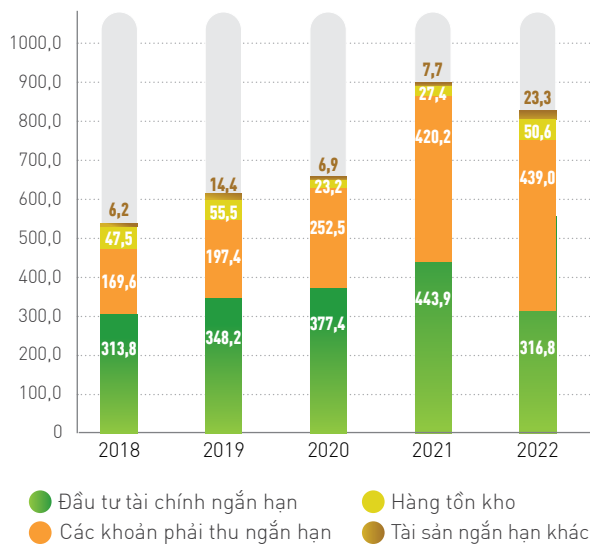
PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN *(tiếp theo)*

TÀI SẢN *(tiếp theo)*

Tài sản ngắn hạn

Năm 2022 chứng kiến Tổng tài sản của CNG Việt Nam tiếp tục tăng mạnh 13,4% từ 1.122,6 tỷ đồng lên đến 1.273,3 tỷ đồng tính đến cuối năm. Tài sản ngắn hạn duy trì đà tăng mạnh 24,8% so với năm trước và chiếm tỷ trọng lớn trong Tổng tài sản với 81,3%; trong khi đó tài sản dài hạn giảm 18,9% so với năm 2021 xuống còn 237,7 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 18,7% Tổng tài sản.

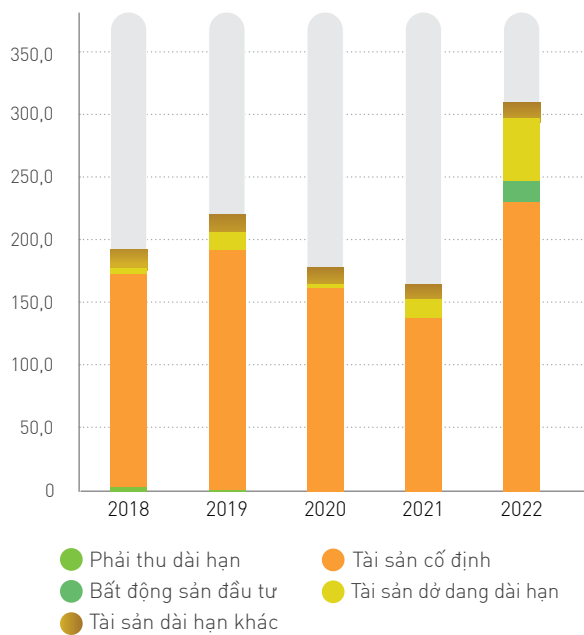


CNG Việt Nam luôn chú ý duy trì tỷ trọng khoản mục tài sản ngắn hạn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn cũng như đáp ứng kịp thời dòng tiền cho các hoạt động đầu tư mở rộng trong tương lai gần. Tiền và Đầu tư tài chính ngắn hạn là hai khoản mục chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản ngắn hạn đạt tổng cộng 316,8 tỷ đồng.

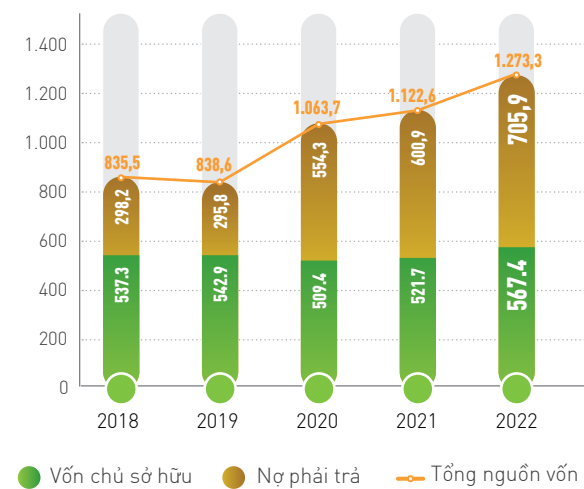
Tiếp đến là các khoản phải thu ngắn hạn với giá trị 439 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước ở mức 420 tỷ đồng. Các khoản phải thu và Hàng tồn kho gia tăng khi quy mô doanh số và hoạt động của Công ty được mở rộng. Tuy nhiên, các khoản phải thu của Công ty hầu như không xảy ra tình trạng nợ quá hạn, đảm bảo khả năng thu hồi cao. Trong khi đó, Hàng tồn kho của Công ty duy trì ổn định đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ của khách hàng.

Tài sản dài hạn

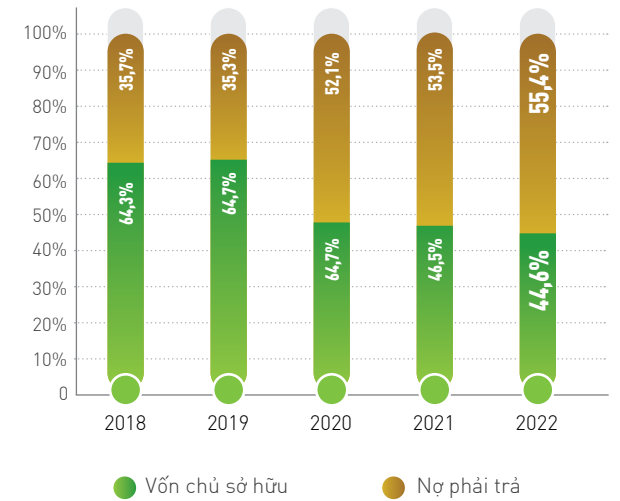
Tài sản cố định của Công ty đạt 210,4 tỷ đồng vào cuối năm 2022 và luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản dài hạn do đặc trưng hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành công nghiệp khí.



NGUỒN VỐN



Nguồn vốn chủ sở hữu cuối năm 2022 ghi nhận mức 44,6% tổng nguồn vốn. Trong khi đó, nợ phải trả tăng nhẹ lên 55,4% tương ứng với 705,9 tỷ đồng. Phần lớn đây là các khoản phải trả cho nhà cung cấp không chịu lãi nên không gây áp lực về chi phí, trong khi Công ty có phát sinh dư nợ các khoản vay tổng cộng chỉ gần 70 tỷ đồng. Với mục tiêu sử dụng chủ yếu nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty để giảm thiểu áp lực lãi vay, nên tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn được duy trì mức cao trong những năm qua.



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

| CHỈ TIÊU | Đvt | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|--|------|--------|-------|--------|--------|---------------|
| 1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán | | | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành) | lần | 2,2 | 2,4 | 1,7 | 1,4 | 1,6 |
| Hệ số thanh toán nhanh | lần | 1,9 | 2,3 | 1,6 | 1,3 | 1,5 |
| Hệ số thanh toán tiền mặt | lần | 1,2 | 1,4 | 0,8 | 0,5 | 0,6 |
| 2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động | | | | | | |
| Kỳ thu tiền bình quân | ngày | 36,6 | 37,7 | 50,2 | 49,6 | 38,9 |
| Kỳ lưu kho bình quân | ngày | 11,9 | 7,4 | 4,2 | 5,0 | 5,3 |
| Kỳ trả tiền bình quân | ngày | 44,3 | 45,0 | 59,9 | 63,8 | 51,3 |
| Vòng quay tổng tài sản | lần | 2,3 | 2,5 | 2,5 | 2,8 | 3,5 |
| 3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời | | | | | | |
| Hệ số lợi nhuận gộp | % | 13,0% | 8,9% | 6,4% | 6,8% | 7,1% |
| Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | % | 7,6% | 4,9% | 2,7% | 3,6% | 3,7% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu | % | 6,3% | 4,0% | 2,2% | 2,7% | 2,8% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA) | % | 22,46% | 15,6% | 9,9% | 16,3% | 22,0% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA) | % | 14,6% | 10,1% | 5,4% | 7,5% | 9,8% |
| 4. Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn | | | | | | |
| Hệ số nợ/ Tổng tài sản | % | 35,7% | 35,3% | 52,1% | 53,5% | 55,4% |
| Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu | % | 55,5% | 54,5% | 108,8% | 115,2% | 124,4% |



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành), hệ số thanh toán nhanh, hệ số thanh toán tiền mặt của CNG Việt Nam vào cuối năm 2022 đều cải thiện đáng kể, lần lượt đạt mức 1,6, 1,5 và 0,6 lần nhờ dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh cải thiện tích cực, và Công ty luôn đảm bảo thanh khoản cao.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Vòng quay tổng tài sản của CNG Việt Nam tăng vọt lên 3,5 lần so với mức 2,8 lần của năm trước. Điều này cho thấy Công ty đã sử dụng tài sản có hiệu quả rất cao. Kỳ thu tiền bình quân, kỳ lưu kho bình quân và trả tiền bình quân cũng rút ngắn xuống còn tương ứng 38,9, 5,3 và 51,3 ngày.

KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các tỷ số sinh lời có năm thứ hai liên tiếp cải thiện đáng kể khi hoạt động kinh doanh có nhiều khởi sắc. Cụ thể, Hệ số lợi nhuận gộp tiếp tục tăng mạnh từ 6,8% lên 7,1%; Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và Hệ số Lợi nhuận thuần/Doanh thu tăng lên lần lượt là 3,7% và 2,8%; ROE và ROA bình quân tăng mạnh mẽ lên tương ứng 22% và 9,8% so với mức 16,3% và 7,5% của năm trước.

PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

| CHỈ TIÊU (Tỷ đồng) | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|---|--------|--------|--------|---------|---------------|
| Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 138,8 | 98,3 | 142,0 | 128,9 | 188,3 |
| Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (29,3) | (1,1) | (10,0) | (247,8) | (92,9) |
| Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính | (41,2) | (68,0) | (65,5) | (42,5) | 2,8 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 348,2 | 377,4 | 443,9 | 282,5 | 380,7 |

Cuối năm 2022, CNG Việt Nam ghi nhận số tiền và tương đương tiền cuối kỳ đạt 380,7 tỷ đồng, tăng mạnh 34,8% so với cuối năm trước. Mức tăng mạnh của khoản mục tiền và tương đương tiền có được là nhờ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 tiếp tục duy trì tăng trưởng khả quan, dương 188,3 tỷ đồng, tăng đến 46,1% so với năm trước. Do hoạt động đầu tư tài sản cố định và chi tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng khiến dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư âm 92,9 tỷ đồng. Trong khi đó, dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính dương 2,8 tỷ đồng.



CƠ CẤU VỐN

Hệ số nợ phải trả tăng nhẹ chủ yếu do mở rộng kinh doanh và nợ phải trả nhà cung cấp khí đầu vào. Phần lớn là những khoản phải trả không chịu lãi và Công ty hoàn toàn không chịu áp lực về tài chính khi dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính tiếp tục tăng trưởng tích cực.



ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

GIẢI PHÁP VỀ THỊ TRƯỜNG VÀ KINH DOANH

- Với áp lực cạnh tranh diễn ra theo chiều hướng gia tăng trong ngành, việc duy trì mối quan hệ đối với nhóm khách hàng cũ sẽ được Công ty chú trọng. Cùng với đó là hoạt động mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới nhằm thúc đẩy tăng trưởng sẽ tiếp tục là mục tiêu hàng đầu của Công ty.
- Mức độ biến động trên thị trường dầu khí thế giới vẫn duy trì ở mức cao và đe dọa khả năng ổn định hoạt động kinh doanh của ngành khí trong nước. Các chính sách duy trì giá bán linh hoạt, gia tăng ưu đãi, hạn chế tình trạng khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu khác là những giải pháp cần thiết nhằm duy trì thị phần mà vẫn đảm bảo lợi nhuận cho Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng.
- Nhằm hạn chế ảnh hưởng từ những biến động ngoài dự kiến của tăng trưởng kinh tế trong nước và quốc tế, Công ty nỗ lực phát triển thị trường tiêu thụ khí theo hướng đa dạng hóa lĩnh vực sản xuất. Điều này giúp Công ty đa dạng hóa phân khúc khách hàng, tận dụng tối đa cơ hội tìm kiếm khách hàng mới và giảm thiểu rủi ro biến động doanh thu từ sự phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.
- Các giải pháp về bán hàng đóng vai trò quan trọng, bao gồm phát triển các kế hoạch marketing tại các thị trường hiện hữu và các thị trường mới của Công ty. Nhờ đó, chính sách bán hàng sẽ có sự linh hoạt hơn nhằm mở rộng nhanh thị phần khách hàng.
- Nâng cao khả năng cạnh tranh chi phí của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh thông qua các biện pháp tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của tài sản.
- Đề cao việc tiết giảm chi phí hoạt động và chi phí tài chính nhằm hạn chế biến động từ chi phí đầu vào lên biên lợi nhuận. Song song với đó là gia tăng sự an toàn, hiệu quả và bền vững trong hoạt động kinh doanh.
- Tận dụng cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ sang nhóm khách hàng vận tải nhằm tận dụng sự chuyển đổi xu hướng sang các loại nhiên liệu thân thiện với môi trường. Nổi bật trong đó là hệ thống xe bus tiêu thụ khí CNG đang được Chính phủ chú trọng trong những năm qua.





BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023 (tiếp theo)

GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất, phân phối và vận chuyển là mục tiêu quan trọng nhất và quyết định đến sự thành công của Công ty. Sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn trong hoạt động kinh doanh tạo nên giá trị an toàn, hiệu quả hoạt động cho tài sản và nâng cao thương hiệu CNG Việt Nam.
- Nhận biết rõ tầm quan trọng của yếu tố an toàn trong hoạt động kinh doanh, Công ty luôn duy trì công tác bảo dưỡng, sửa chữa và giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất, vận chuyển nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất. Bên cạnh đó là hoạt động triển khai các biện pháp quản lý an toàn một cách hiệu quả để giảm thiểu tai nạn, sự cố. Nghiêm túc xử lý và loại bỏ các tình trạng mất an toàn.
- Áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2018 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất kinh doanh.



Đầu tư

- Đứng trước triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế, Công ty có cơ hội đón nhận nhiều hơn nhu cầu tiêu thụ khí từ các nhóm ngành khách hàng. Do đó, các kế hoạch đầu tư nâng công suất cung cấp khí, mở rộng mạng lưới trạm cung cấp tại khu vực cùng các dịch vụ song hành sẽ được lưu tâm, chú trọng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ khí trong tương lai.
- Lên kế hoạch cho các dự án và triển khai đầu tư kịp thời. Giúp tăng cường hiệu quả cho nguồn vốn giải ngân và kịp thời cung cấp khí cho khách hàng.
- Tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai tuyệt đối an toàn và hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra.
- Chủ động triển khai các bước thủ tục, hồ sơ đúng theo quy trình, quy định của pháp luật và Công ty.

Tài chính

- Chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và SXKD của Công ty.
- Các chính sách tín dụng được xem xét phù hợp với mục tiêu tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị phần kinh doanh. Tuy nhiên, việc hạn chế rủi ro phát sinh nợ quá hạn của khách hàng cần được thực hiện song hành nhằm đảm bảo công tác quản lý chi phí, công nợ hiệu quả.
- Với đặc thù hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng từ biến động của thị trường nhiên liệu đầu vào, kế hoạch quản trị hàng tồn kho, dự trữ nhiên liệu khí đầu vào để tối thiểu hóa tác động lên hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục được Công ty thực hiện trong những năm tới.



NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

- Tối ưu hóa nguồn vốn kinh doanh. Sử dụng vốn và quỹ linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính. Ưu tiên giữ vững sự an toàn trong cấu trúc vốn và hạn chế rủi ro tài chính tiếp tục nhận được sự chú trọng từ Công ty.
- Gia tăng dòng tiền hình thành từ hoạt động kinh doanh mà vẫn duy trì được mối quan hệ hợp lý với khách hàng và nhà cung ứng. nỗ lực duy trì ổn định tốc độ tăng trưởng dòng tiền và khả năng phân phối thu nhập cho cổ đông.
- Hỗ trợ công tác công bố thông tin đúng quy định, tập trung cho hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) nhằm góp phần giữ vững uy tín, hình ảnh của Công ty trước cổ đông.

Tổ chức, nhân sự và phát triển nguồn lực

- Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Tạo dựng môi trường làm việc gắn với "hiệu quả" nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai hoạt động 5S trong toàn công ty.
- Triển khai thực hiện hoạt động đánh giá công việc theo KPI nhằm đánh giá đúng hiệu quả công việc của CBCNV, đề xuất các chế độ khen thưởng hợp lý.
- Thực hiện chính sách điều động, luân chuyển nhân lực một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.
- Tuyển dụng nhân sự có trình độ, tay nghề, phẩm chất và kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động nội bộ ngành.
- Tăng cường công tác đào tạo, giúp nâng cao năng lực làm việc của CBCNV.

1. Đảm bảo công tác an ninh, an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
2. Phối hợp với PV Gas/PV Gas LNG trong công tác chạy thử và vận hành thương mại kho chứa LNG 1 MMPTA tại Thị Vải, sẵn sàng phương án cấp khí cho khách hàng từ nguồn LNG nhập khẩu;
3. Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và tiết giảm tối đa các chi phí thuê ngoài, kiểm soát chi phí phù hợp với sản lượng, khối lượng công việc thực hiện và kế hoạch PV Gas chấp thuận;
4. Đẩy mạnh các hoạt động phát triển thị trường để gia tăng sản lượng khí tiêu thụ;
5. Xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thực tế trong từng giai đoạn;
6. Phối hợp với các Ban chuyên môn của PV Gas, đề xuất cơ chế chính sách mua bán CNG và LNG dài hạn, lâu dài và ổn định;
7. Duy trì tốt công tác quản lý và thu hồi công nợ;
8. Triển khai các dự án cấp LNG cho các khách hàng bám sát tiến độ của PV Gas, tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước, Tập đoàn và PV Gas. Trong đó, lưu ý hiệu quả đầu tư trong giai đoạn chuyển tiếp từ CNG sang LNG;
9. Bám sát và tổ chức thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển kinh doanh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 đã được PV Gas phê duyệt tại Nghị quyết số 107/NQ-KVN ngày 24/12/2021;
10. Tập trung đào tạo các kỹ năng cho CBCNV;
11. Rà soát, đánh giá hiện trạng Số của Công ty, đề xuất giải pháp triển khai phù hợp, từng bước chuyển đổi số trong mọi hoạt động của Công ty;
12. Đánh giá hiện trạng Văn hóa doanh nghiệp; Truyền thông để văn hóa "Hợp tác và Trách nhiệm" trở thành nền tảng vững chắc cho phát triển Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023



| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Giá trị (*) |
|------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|
| I | Tổng sản lượng CNG | Triệu Sm³ | 280,00 |
| - | Miền Nam | Triệu Sm ³ | 208,00 |
| - | Miền Bắc | Triệu Sm ³ | 72,00 |
| II | Tổng Doanh thu | Tỷ đồng | 3.350,57 |
| 1 | Doanh thu bán CNG | Tỷ đồng | 3.341,84 |
| - | Miền Nam | Tỷ đồng | 2.416,60 |
| - | Miền Bắc | Tỷ đồng | 925,24 |
| 2 | Doanh thu tài chính + khác | Tỷ đồng | 8,73 |
| - | Miền Nam | Tỷ đồng | 8,73 |
| - | Miền Bắc | Tỷ đồng | - |
| III | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 102,71 |
| IV | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 82,17 |

(*) Phương án giá dầu thô 70\$/thùng, FO 14.300 đ/kg.

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của CNG Việt Nam.

Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

- Tiền lương, tiền thưởng của HĐQT (bao gồm cả Giám đốc): 5,94 tỷ đồng;
- Tiền lương, tiền thưởng, thù lao của Ban Kiểm soát: 0,66 tỷ đồng;
- Tiền lương, tiền thưởng Phó Giám đốc, Kế toán trưởng: 3,95 tỷ đồng.



GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY, THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BGD VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

| STT | Loại giao dịch | Tình trạng |
|-----|---|--|
| 1 | Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan | Không có |
| 2 | Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan, người nội bộ của Công ty, người có liên quan của người nội bộ | Vui lòng tham khảo Báo cáo Quản trị Công ty năm 2022 |
| 3 | Giao dịch giữa người nội bộ của Công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát | Không có |
| 4 | Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, BGD đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong vòng 03 năm trở lại đây | Không có |
| 5 | Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành | Không có |
| 6 | Các giao dịch khác của Công ty có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành | Không có |



04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thông tin về doanh nghiệp
Báo cáo của Ban Giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

| | | |
|---|--|--|
| Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | Số 7688618621 ngày 14 tháng 5 năm 2018 | |
| | Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp có thời hạn hoạt động là 20 năm kể từ ngày của Giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007. | |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Số 3500800828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 28 tháng 5 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần nhất lần thứ 14 ngày 27 tháng 6 năm 2022. | |
| Hội đồng Quản trị | Bà Nguyễn Thị Hồng Hải | Chủ tịch |
| | Bà Lê Thị Thu Giang | Thành viên độc lập |
| | Ông Vũ Văn Thực | Thành viên |
| | Ông Nguyễn Hữu Thắng | Thành viên |
| | Ông Bùi Văn Đản | Thành viên |
| Ban Kiểm soát | Ông Nguyễn Quang Bá | Trưởng Ban Kiểm soát <i>(bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)</i> |
| | Bà Phan Thị Kim Thoa | Trưởng Ban Kiểm soát <i>(từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)</i> |
| | Bà Lê Thị Thanh Huyền | Thành viên Ban Kiểm soát |
| | Ông Đinh Văn Quảng | Thành viên Ban Kiểm soát <i>(bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)</i> |
| Ban Giám đốc | Ông Vũ Văn Thực | Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Nguyên Vũ | Phó Giám đốc |
| | Ông Trương Mạnh Thắng | Phó Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Hữu Xuân | Phó Giám đốc |
| Người đại diện theo pháp luật | Ông Vũ Văn Thực | Giám đốc |
| Trụ sở chính | Số 475 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. | |
| Công ty kiểm toán | Công ty TNHH PwC (Việt Nam) | |

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 134 đến trang 162. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Văn Thực

Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2023



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (“Công ty”) được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 27 tháng 2 năm 2023. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 134 đến trang 162.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về số liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Ánh Tuyết

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2019-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12940

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Nguyễn Xuân Cương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4349-2019-006-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 2022 | 2021 |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.035.551.933.372 | 829.603.569.101 |
| 110 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 380.688.893.800 | 282.477.045.395 |
| 111 | Tiền | | 28.688.893.800 | 27.477.045.395 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | 352.000.000.000 | 255.000.000.000 |
| 120 | Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 94.288.000.000 | 34.288.000.000 |
| 123 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 94.288.000.000 | 34.288.000.000 |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 470.968.670.404 | 439.025.541.261 |
| 131 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 4 | 460.010.345.822 | 432.802.775.694 |
| 132 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5 | 8.925.219.864 | 4.434.403.300 |
| 136 | Phải thu ngắn hạn khác | 7(a) | 2.033.104.718 | 1.788.362.267 |
| 140 | Hàng tồn kho | 9 | 63.229.390.134 | 50.552.025.117 |
| 141 | Hàng tồn kho | | 66.342.243.895 | 54.570.003.090 |
| 149 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (3.112.853.761) | (4.017.977.973) |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 26.376.979.034 | 23.260.957.328 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 10(a) | 20.486.872.443 | 16.895.926.835 |
| 152 | Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | 16(a) | - | 6.365.030.493 |
| 153 | Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 16(a) | 5.890.106.591 | - |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 237.728.184.257 | 293.015.167.788 |
| 210 | Các khoản phải thu dài hạn | | 168.120.000 | 30.000.000 |
| 216 | Phải thu dài hạn khác | 7(b) | 168.120.000 | 30.000.000 |
| 220 | Tài sản cố định | | 210.443.432.812 | 228.273.864.814 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 11(a) | 173.594.005.237 | 192.284.796.200 |
| 222 | Nguyên giá | | 1.104.653.367.336 | 1.031.104.390.285 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (931.059.362.099) | (838.819.594.085) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 11(b) | 36.849.427.575 | 35.989.068.614 |
| 228 | Nguyên giá | | 45.356.426.700 | 42.446.806.700 |
| 229 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (8.506.999.125) | (6.457.738.086) |
| 230 | Bất động sản đầu tư | 12 | 15.246.918.193 | - |
| 231 | Nguyên giá | | 15.623.219.391 | - |
| 232 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (376.301.198) | - |
| 240 | Tài sản dở dang dài hạn | | 2.080.057.545 | 53.321.681.115 |
| 242 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 13 | 2.080.057.545 | 53.321.681.115 |
| 260 | Tài sản dài hạn khác | | 9.789.655.707 | 11.389.621.859 |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 10(b) | 3.807.045.341 | 4.277.782.505 |
| 262 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 21 | 5.982.610.366 | 7.111.839.354 |
| 270 | TỔNG TÀI SẢN | | 1.273.280.117.629 | 1.122.618.736.889 |

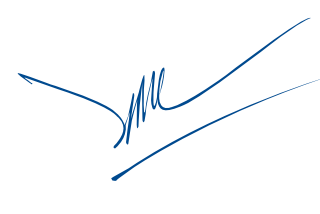
Các thuyết minh từ trang 134 đến trang 162 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Đơn vị: VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 2022 | 2021 |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 705.902.938.864 | 600.879.628.247 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 639.710.952.445 | 578.883.645.903 |
| 311 | Phải trả người bán ngắn hạn | 14 | 558.107.947.899 | 532.386.829.096 |
| 313 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 16(b) | 4.008.702.019 | 6.626.105.027 |
| 314 | Phải trả người lao động | | 18.000.550.008 | 20.644.952.227 |
| 315 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 15 | 33.784.627.544 | 5.607.356.726 |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 2.276.603.123 | 2.413.723.410 |
| 320 | Vay ngắn hạn | 19(a) | 22.500.000.000 | 9.300.000.000 |
| 322 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 18 | 1.032.521.852 | 1.904.679.417 |
| 330 | Nợ dài hạn | | 66.191.986.419 | 21.995.982.344 |
| 337 | Phải trả dài hạn khác | | 589.157.800 | - |
| 338 | Vay dài hạn | 19(b) | 47.826.705.319 | 4.219.859.044 |
| 342 | Dự phòng phải trả dài hạn | 20 | 17.776.123.300 | 17.776.123.300 |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 567.377.178.765 | 521.739.108.642 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | | 567.377.178.765 | 521.739.108.642 |
| 411 | Vốn góp của chủ sở hữu | 22, 23 | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |
| 412 | Thặng dư vốn cổ phần | 23 | 1.695.680.000 | 1.695.680.000 |
| 414 | Vốn khác của chủ sở hữu | 23 | 9.179.045.649 | 9.179.045.649 |
| 415 | Cổ phiếu quỹ | 23 | (3.270.000) | (3.270.000) |
| 418 | Quỹ đầu tư phát triển | 23 | 158.213.436.740 | 141.754.424.213 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối | 23 | 128.292.286.376 | 99.113.228.780 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước | | 21.763.674.115 | 26.818.166.144 |
| 421b | - LNST chưa phân phối của năm nay | | 106.528.612.261 | 72.295.062.636 |
| 440 | TỔNG NGUỒN VỐN | | 1.273.280.117.629 | 1.122.618.736.889 |


Trần Ngọc Lan
Người lập biểu



Phạm Thị Hạnh
Kế toán trưởngVũ Văn Thực
Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 134 đến trang 162 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 2022 | 2021 |
|-----------|--|---------------|----------------------------|----------------------------|
| 01 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 4.185.416.899.775 | 3.057.743.882.845 |
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 27 | 4.185.416.899.775 | 3.057.743.882.845 |
| 11 | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 28 | (3.890.183.082.843) | (2.849.127.824.804) |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 295.233.816.932 | 208.616.058.041 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 29 | 8.297.608.742 | 4.257.681.901 |
| 22 | Chi phí tài chính | 30 | (4.024.569.416) | (422.972.574) |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 30 | (4.024.352.896) | (421.917.808) |
| 25 | Chi phí bán hàng | 31 | (35.807.847.288) | (26.782.423.836) |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 32 | (109.411.662.802) | (76.464.820.254) |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 154.287.346.168 | 109.203.523.278 |
| 31 | Thu nhập khác | | 1.489.625.456 | 76.526.413 |
| 32 | Chi phí khác | | (1.880.011.254) | (1.685.376.784) |
| 40 | Lỗ khác | | (390.385.798) | (1.608.850.371) |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 153.896.960.370 | 107.594.672.907 |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | 33 | (35.156.917.824) | (27.194.453.825) |
| 52 | Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại | 21, 33 | (1.129.228.988) | 1.894.843.554 |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 117.610.813.558 | 82.295.062.636 |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 25(a) | 3.946 | 2.422 |
| 71 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 25(b) | 3.946 | 2.422 |

Trần Ngọc Lan

Người lập biểu

Phạm Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Vũ Văn Thực

Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 2022 | 2021 |
|---|---|-------------|-------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | Lợi nhuận kế toán trước thuế | | 153.896.960.370 | 107.594.672.907 |
| | Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") | | 99.427.536.583 | 107.352.630.702 |
| 03 | Hoàn nhập dự phòng/(dự phòng) | | (905.124.212) | 323.009.061 |
| 04 | Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 216.520 | 1.054.766 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (8.382.705.576) | (4.257.681.901) |
| 06 | Chi phí lãi vay | | 4.024.352.896 | 421.917.808 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | | 248.061.236.581 | 211.435.603.343 |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (31.099.733.827) | (24.674.874.852) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (11.772.240.805) | (23.434.310.851) |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | | 53.000.668.192 | 22.838.325.525 |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | | (3.120.208.444) | (7.359.433.948) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (3.252.678.797) | (421.917.808) |
| 15 | Thuế TNDN đã nộp | | (44.688.483.013) | (33.671.376.048) |
| 17 | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | | (18.845.555.000) | (15.860.430.543) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 188.283.004.887 | 128.851.584.818 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (40.770.424.916) | (217.718.916.386) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | | 86.031.000 | - |
| 23 | Tiền chi cho tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng | | (128.576.000.000) | (98.576.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng | | 68.576.000.000 | 64.288.000.000 |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng | | 7.811.428.679 | 4.193.397.288 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (92.872.965.237) | (247.813.519.098) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 76.006.846.275 | 150.044.859.044 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | | (19.200.000.000) | (138.525.000.000) |
| 36 | Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông | | (54.004.821.000) | (53.999.346.000) |
| 40 | Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính | | 2.802.025.275 | (42.479.486.956) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | 98.212.064.925 | (161.441.421.236) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 3 | 282.477.045.395 | 443.919.521.397 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (216.520) | (1.054.766) |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | 380.688.893.800 | 282.477.045.395 |

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 36.

Trần Ngọc Lan

Người lập biểu

Phạm Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Vũ Văn Thực

Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 5 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 số 7688618621 ngày 14 tháng 5 năm 2018 để thực hiện các dự án Chiết nạp khí thiên nhiên (gọi tắt là dự án “CNG Việt Nam”) với thời gian thực hiện hoạt động của dự án là 20 năm kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2007.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 với mã giao dịch cổ phiếu là CNG.

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 22(b).

Ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; cung cấp các dịch vụ cài tạo, bảo dưỡng, sửa chữa và lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê các thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

Hoạt động chính của công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG để phân phối cho khách hàng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 278 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 271 nhân viên).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa; thành phẩm; cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

| | |
|------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 25 năm |
| Máy móc thiết bị | 5 – 15 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 – 10 năm |
| Thiết bị quản lý | 3 – 8 năm |
| Phần mềm | 3 – 8 năm |

Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 41 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

*Khấu hao**Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê*

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của bất động sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

| | |
|------------------------|--------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
|------------------------|--------|

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ, trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào TSCĐ vô hình theo chính sách kế toán số 2.9 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.13 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay bao gồm khoản tiền vay từ ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu, hoặc chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác nắm giữ bởi chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được huỷ bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ LNST của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.19 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.20 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.24 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt chủ yếu bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.26 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (“bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh”), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (“bộ phận chia theo khu vực địa lý”). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý

2.27 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Đơn vị: VND | |
|--------------------------------|------------------------|-----------------|
| | 2022 | 2021 |
| Tiền mặt | 205.798.574 | 313.021.817 |
| Tiền gửi ngân hàng | 28.483.095.226 | 27.164.023.578 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 352.000.000.000 | 255.000.000.000 |
| | 380.688.893.800 | 282.477.045.395 |

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 0,2%/năm đến 6% năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,2%/năm đến 3,5%/năm).

4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc 6 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,1%/năm đến 8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4,6%/năm).

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Đơn vị: VND | |
|---|------------------------|-----------------|
| | 2022 | 2021 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Sang Minh | 117.895.215.459 | 104.081.210.916 |
| Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống L.P.G | 89.941.764.662 | 73.153.428.611 |
| Công ty Cổ phần Tôn Đông Á | 46.735.825.276 | 49.190.349.346 |
| Khác | 205.437.540.425 | 206.377.786.821 |
| | 460.010.345.822 | 432.802.775.694 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán nhưng chưa cần lập dự phòng lần lượt là 27.207.254.255 Đồng và 25.391.047.109 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Đơn vị: VND | |
|--|----------------------|---------------|
| | 2022 | 2021 |
| Công ty TNHH Kiểm soát Dòng chảy Đông lạnh | 4.300.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Nam Long | 2.832.835.800 | - |
| Khác | 1.792.384.064 | 4.434.403.300 |
| | 8.925.219.864 | 4.434.403.300 |

7 PHẢI THU KHÁC

| | Đơn vị: VND | | | |
|-----------------------------------|----------------------|----------|---------------|----------|
| | 2022 | | 2021 | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| (a) Ngắn hạn | | | | |
| Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn | 1.110.301.633 | - | 625.055.736 | - |
| Ký quỹ, ký cược | 449.613.400 | - | 647.825.500 | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | - | - | 329.965.000 | - |
| Khác | 287.155.705 | - | 185.516.031 | - |
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 186.033.980 | - | - | - |
| | 2.033.104.718 | - | 1.788.362.267 | - |
| (b) Dài hạn | | | | |
| Ký quỹ, ký cược | 168.120.000 | - | 30.000.000 | - |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

8 NỢ QUÁ HẠN

Đơn vị: VND

| | 2022 | | | |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|----------|-------------------|
| | Giá trị gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Thời gian quá hạn |
| Công ty Cổ phần Tôn Đông Á | 17.420.985.275 | 17.420.985.275 | - | Dưới 90 ngày |
| Khác | 9.786.268.980 | 9.786.268.980 | - | Dưới 90 ngày |
| | 27.207.254.255 | 27.207.254.255 | - | |

| | 2021 | | | |
|---|-----------------------|------------------------|----------|--------------|
| | Giá trị gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Thời gian |
| Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Trung Nguyên | 17.199.308.562 | 17.199.308.562 | - | Dưới 90 ngày |
| Công ty TNHH Xăng dầu Thành Tâm | 4.106.711.599 | 4.106.711.599 | - | Dưới 90 ngày |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Vật liệu Xây dựng Đồng Tâm | 2.792.345.530 | 2.792.345.530 | - | Dưới 90 ngày |
| Khác | 1.292.681.418 | 1.292.681.418 | - | Dưới 90 ngày |
| | 25.391.047.109 | 25.391.047.109 | - | |

9 HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: VND

| | 2022 | | 2021 | |
|------------------|-----------------------|------------------------|----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên vật liệu | 55.463.132.025 | (3.087.961.400) | 44.230.699.198 | (3.994.755.392) |
| Thành phẩm | 10.494.408.802 | - | 9.993.429.111 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 384.703.068 | (24.892.361) | 345.874.781 | (23.222.581) |
| | 66.342.243.895 | (3.112.853.761) | 54.570.003.090 | (4.017.977.973) |

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

Đơn vị: VND

| | 2022 | 2021 |
|---|----------------------|---------------|
| Số dư đầu năm | 4.017.977.973 | 3.694.968.912 |
| (Hoàn nhập dự phòng)/tăng dự phòng (Thuyết minh 28) | (905.124.212) | 323.009.061 |
| Số dư cuối năm | 3.112.853.761 | 4.017.977.973 |

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

Đơn vị: VND

| | 2022 | 2021 |
|-------------------|-----------------------|----------------|
| Chi phí quảng cáo | 9.118.376.676 | 6.688.666.648 |
| Chi phí bảo hiểm | 6.204.291.103 | 7.033.189.828 |
| Khác | 5.164.204.664 | 3.174.070.359 |
| | 20.486.872.443 | 16.895.926.835 |

(b) Dài hạn

Đơn vị: VND

| | 2022 | 2021 |
|----------------------|----------------------|---------------|
| Chi phí thuê đất (*) | 3.701.837.008 | 3.797.574.172 |
| Khác | 105.208.333 | 480.208.333 |
| | 3.807.045.341 | 4.277.782.505 |

(*) Số dư thể hiện tiền thuê đất trả trước 1 lần cho hết thời gian thuê cho lô đất tại Long An theo Hợp đồng thuê số 07/2017/HĐ-KD/KCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 với thời hạn 44 năm. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê.

Biến động về chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

Đơn vị: VND

| | 2022 | 2021 |
|-------------------|-----------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 21.173.709.340 | 13.814.275.392 |
| Tăng | 33.588.209.014 | 29.979.403.558 |
| Phân bổ trong năm | (30.468.000.570) | (22.619.969.610) |
| Số dư cuối năm | 24.293.917.784 | 21.173.709.340 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

11. TỔNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) TSCĐ hữu hình**

| | Đơn vị: VND | | | | | Tổng cộng |
|--|------------------------|------------------|---------------------|------------------|-------------------|-----------|
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị quản lý | | |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 19.209.569.365 | 567.040.958.939 | 439.668.541.614 | 5.185.320.367 | 1.031.104.390.285 | |
| Mua trong năm | - | 3.100.000.000 | 9.011.881.668 | 6.489.990.090 | 18.601.871.758 | |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 13) | 59.730.657.142 | - | - | - | 59.730.657.142 | |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (916.493.849) | (627.058.000) | (1.543.551.849) | |
| Xóa sổ | - | (3.240.000.000) | - | - | (3.240.000.000) | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 78.940.226.507 | 566.900.958.939 | 447.763.929.433 | 11.048.252.457 | 1.104.653.367.336 | |
| Khấu hao lũy kế | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 8.107.677.461 | 395.332.619.319 | 432.288.050.956 | 3.091.246.349 | 838.819.594.085 | |
| Khấu hao trong năm | 1.948.064.805 | 911.016.589.904 | 2.387.043.452 | 1.650.276.185 | 97.001.974.346 | |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (916.493.849) | (627.058.000) | (1.543.551.849) | |
| Xóa sổ | - | (3.218.654.483) | - | - | (3.218.654.483) | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 10.055.742.266 | 483.130.554.740 | 433.758.600.559 | 4.114.464.534 | 931.059.362.099 | |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 11.101.891.904 | 171.708.339.620 | 7.380.490.658 | 2.094.074.018 | 192.284.796.200 | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 68.884.484.241 | 83.770.404.199 | 14.005.328.874 | 6.933.787.923 | 173.594.005.237 | |

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 671.345.243.091 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 665.979.520.183 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, TSCĐ hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 29.907.704.145 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 87.657.487.715 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 19).

(b) TSCĐ vô hình

| | Đơn vị: VND | | Tổng cộng |
|-------------------------------|-------------------|---------------|----------------|
| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm | |
| Nguyên giá | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 39.798.000.000 | 2.648.806.700 | 2.875.525.143 |
| Tăng trong năm | - | 2.909.620.000 | 2.909.620.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 39.798.000.000 | 5.558.426.700 | 45.356.426.700 |
| Khấu hao lũy kế | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 4.853.414.640 | 1.604.323.446 | 6.457.738.086 |
| Khấu hao trong năm | 970.682.928 | 1.078.578.111 | 2.049.261.039 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 5.824.097.568 | 2.682.901.557 | 8.506.999.125 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 34.944.585.360 | 1.044.483.254 | 35.989.068.614 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 33.973.902.432 | 2.875.525.143 | 36.849.427.575 |

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.009.806.700 Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, quyền sử dụng đất của Công ty với tổng giá trị còn lại là 33.973.902.432 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 34.944.585.360 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 19).

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | Đơn vị: VND | |
|--|------------------------|----------------|
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | |
| Nguyên giá | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | - | - |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh (13)) | 15.623.219.391 | 15.623.219.391 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 15.623.219.391 | 15.623.219.391 |
| Giá trị khấu hao lũy kế | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | - | - |
| Khấu hao trong năm | 376.301.198 | 376.301.198 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 376.301.198 | 376.301.198 |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | - | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 15.246.918.193 | 15.246.918.193 |

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị tòa nhà văn phòng cho thuê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để trình bày trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

| | Đơn vị: VND | |
|------------------------|----------------------|-----------------------|
| | 2022 | 2021 |
| Dự án Trụ sở Văn phòng | - | 53.194.408.388 |
| Dự án khác | 2.080.057.545 | 127.272.727 |
| | 2.080.057.545 | 53.321.681.115 |

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

| | Đơn vị: VND | |
|--|----------------------|-----------------------|
| | 2022 | 2021 |
| Số dư đầu năm | 53.321.681.115 | 15.010.529.343 |
| Tăng trong năm | 24.112.252.963 | 38.311.151.772 |
| Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a)) | (59.730.657.142) | - |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 12) | (15.623.219.391) | - |
| Số dư cuối năm | 2.080.057.545 | 53.321.681.115 |

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Đơn vị: VND | | | |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | 2022 | | 2021 | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Bên thứ ba | 88.254.927.094 | 88.254.927.094 | 84.489.556.379 | 84.489.556.379 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 469.853.020.805 | 469.853.020.805 | 447.897.272.717 | 447.897.272.717 |
| | 558.107.947.899 | 558.107.947.899 | 532.386.829.096 | 532.386.829.096 |

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Đơn vị: VND | |
|---|-----------------------|----------------------|
| | 2022 | 2021 |
| Mua nguyên vật liệu và dịch vụ từ các bên liên quan (Thuyết minh 37(b)) | 20.927.389.804 | - |
| Giá trị công trình quyết toán tạm tính | 7.747.764.083 | - |
| Chi phí thuê bồn và đầu kéo | 2.651.321.750 | 3.305.200.660 |
| Khác | 2.458.151.907 | 2.302.156.066 |
| | 33.784.627.544 | 5.607.356.726 |

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

| | Đơn vị: VND | | | | | |
|----------------------------|----------------------|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | Tại ngày 1.1.2022 | Số phải thu/ phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số đã cấn trừ trong năm | Phân loại lại | Tại ngày 31.12.2022 |
| (a) Phải thu | | | | | | |
| Thuế TNDN | - | - | - | - | 5.890.106.591 | 5.890.106.591 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 6.365.030.493 | 445.800.781.078 | - | (452.165.811.571) | - | - |
| | 6.365.030.493 | 445.800.781.078 | - | (452.165.811.571) | 5.890.106.591 | 5.890.106.591 |
| (b) Phải nộp | | | | | | |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 793.526.314 | 487.976.323.166 | (34.529.120.180) | (452.165.811.571) | - | 2.074.917.729 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.191.120.115 | 8.634.397.827 | (8.891.733.652) | - | - | 1.933.784.290 |
| Thuế TNDN | 3.641.458.598 | 35.156.917.824 | (44.688.483.013) | - | 5.890.106.591 | - |
| Khác | - | 1.811.026.142 | (1.811.026.142) | - | - | - |
| | 6.626.105.027 | 533.578.664.959 | (89.920.362.987) | (452.165.811.571) | 5.890.106.591 | 4.008.702.019 |

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | Đơn vị: VND | |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | 2022 | 2021 |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 1.588.294.362 | 289.550.000 |
| Cổ tức phải trả (Thuyết minh 24) | 258.349.500 | 263.824.500 |
| Kinh phí công đoàn | - | 303.339.471 |
| Khác | 429.959.261 | 1.557.009.439 |
| | 2.276.603.123 | 2.413.723.410 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải trả ngắn hạn khác cho bên thứ ba nào bị quá hạn thanh toán.

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | Đơn vị: VND | |
|--|----------------------|----------------------|
| | 2022 | 2021 |
| Số dư đầu năm | 1.904.679.417 | 1.853.946.424 |
| Trích quỹ từ LNST của năm trước (Thuyết minh 23) | 6.891.196.138 | 5.911.163.536 |
| Trích quỹ từ LNST của năm nay (Thuyết minh 23) | 11.082.201.297 | 10.000.000.000 |
| Quỹ đã sử dụng trong năm | (18.845.555.000) | (15.860.430.543) |
| Số dư cuối năm | 1.032.521.852 | 1.904.679.417 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

19 VAY DÀI HẠN

Đơn vị: VND

| | Tại ngày 1.1.2022 | Tăng | Giảm | Vay dài hạn đến hạn trả | Tại ngày 31.12.2022 |
|---------------------|----------------------|----------------|------------------|----------------------------|------------------------|
| (a) Ngắn hạn | | | | | |
| Vay ngân hàng | 9.300.000.000 | 9.300.000.000 | (19.200.000.000) | 32.400.000.000 | 22.500.000.000 |
| (b) Dài hạn | | | | | |
| Vay ngân hàng | 4.219.859.044 | 76.006.846.275 | - | (32.400.000.000) | 47.826.705.319 |

Đây là các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số 0217/MDC/21/DADT ngày 30 tháng 12 năm 2021 và Hợp đồng số 0089/MDC/20/DADT ngày 6 tháng 8 năm 2020 với lãi suất lần lượt là 7,6%/năm và 7,8%/năm. Các khoản vay này nhằm bổ sung nguồn vốn để mua sắm, xây dựng TSCĐ và được đảm bảo bằng máy móc, thiết bị và quyền sử dụng đất của Công ty (Thuyết minh 11).

20 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 86/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2016 ("Thông tư 86").

Tại ngày 7 tháng 2 năm 2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BTC ("Thông tư 08") có hiệu lực vào ngày 24 tháng 3 năm 2023 để bãi bỏ Thông tư 86. Theo quy định tại Thông tư 08, số dư quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường đã có trích lập nhưng chưa sử dụng hết sẽ được hoàn nhập từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành. Theo đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng này trong năm 2023 theo quy định của Thông tư 08.

21 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế.

Chi tiết của tài sản thuế TNDN hoãn lại được trình bày như sau:

| | Đơn vị: VND | |
|---|----------------------|---------------|
| | 2022 | 2021 |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng | 1.252.754.898 | 4.941.209.886 |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng | 4.729.855.468 | 2.170.629.468 |
| | 5.982.610.366 | 7.111.839.354 |

Biến động của tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm như sau:

| | Đơn vị: VND | |
|--|----------------------|---------------|
| | 2022 | 2021 |
| Số dư đầu năm | 7.111.839.354 | 5.216.995.800 |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 33) | (1.129.228.988) | 1.894.843.554 |
| Số dư cuối năm | 5.982.610.366 | 7.111.839.354 |

Tài sản thuế TNDN hoãn lại chủ yếu phát sinh từ dự phòng phải trả dài hạn và chi phí phải trả ngắn hạn.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại năm 2022 là 20% (2021: 20%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

| | Đơn vị: VND | |
|---------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| | 2022 Cổ phiếu phổ thông | 2021 Cổ phiếu phổ thông |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã mua lại | (327) | (327) |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 26.999.673 | 26.999.673 |

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 2022 | | 2021 | |
|---|--------------------|--------|--------------------|--------|
| | Cổ phiếu phổ thông | % | Cổ phiếu phổ thông | % |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | 15.120.000 | 56 | 15.120.000 | 56 |
| Cổ đông khác | 11.879.673 | 43,999 | 11.879.673 | 43,999 |
| Cổ phiếu quỹ | 327 | 0,001 | 327 | 0,001 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 27.000.000 | 100 | 27.000.000 | 100 |

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

| | Đơn vị: VND | | | |
|------------------------------|-------------|--------------------|--------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu quỹ | Tổng cộng |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | | | | |
| và ngày 31 tháng 12 năm 2021 | | | | |
| và ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 27.000.000 | 269.996.730.000 | 3.270.000 | 270.000.000.000 |

23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Đơn vị: VND | | | | | Tổng cộng |
|---|------------------------|----------------------|-------------------------|--------------|-----------------------|------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 270.000.000.000 | 1.695.680.000 | 9.179.045.649 | (3.270.000) | 131.552.930.735 | 509.354.555.542 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 82.295.062.636 |
| Chia cổ tức (Thuyết minh 24) (*) | - | - | - | - | - | (53.999.346.000) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | 10.201.493.478 | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) | - | - | - | - | - | (15.911.163.536) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 270.000.000.000 | 1.695.680.000 | 9.179.045.649 | (3.270.000) | 141.754.424.213 | 521.739.108.642 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 117.610.813.558 |
| Chia cổ tức (Thuyết minh 24) (*) | - | - | - | - | - | (53.999.346.000) |
| Trích quỹ đầu tư phát triển (*) | - | - | - | - | 16.459.012.527 | - |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 18) (*) | - | - | - | - | - | (17.973.397.435) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 270.000.000.000 | 1.695.680.000 | 9.179.045.649 | (3.270.000) | 158.213.436.740 | 567.377.178.765 |

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2021 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển và trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2021 với số tiền lần lượt là 16.459.012.527 Đồng và 6.891.196.138 Đồng. Đồng thời, Công ty cũng tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST năm 2022 với số tiền là 11.082.201.297 Đồng, tương ứng với 70% mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021. Số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2023; và
- Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021 từ LNST năm 2021 với số tiền là 53.999.346.000 Đồng, tương ứng với 20% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

24 CỔ TỨC

| | Đơn vị: VND | |
|--|--------------------|------------------|
| | 2022 | 2021 |
| Số dư đầu năm | 263.824.500 | 263.824.500 |
| Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 23) | 53.999.346.000 | 53.999.346.000 |
| Cổ tức đã chi trả bằng tiền | (54.004.821.000) | (53.999.346.000) |
| Số dư cuối năm | 258.349.500 | 263.824.500 |

25 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

| | Đơn vị: VND | |
|--|------------------------|-------------------------|
| | 2022 | 2021 (Trình bày lại) |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND) | 117.610.813.558 | 82.295.062.636 |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) | (11.082.201.297) | (16.891.196.138) |
| | 106.528.612.261 | 65.403.866.498 |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 26.999.673 | 26.999.673 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) | 3.946 | 2.422 |

Trong năm, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền là 11.082.201.297 Đồng. Đồng thời, Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo số trích lập thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại là 2.422 Đồng/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 2.678 Đồng/cổ phiếu).

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 113,96 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.982 Đô la Mỹ).

27 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Đơn vị: VND | |
|-------------------------------------|--------------------------|-------------------|
| | 2022 | 2021 |
| Doanh thu thuần về bán thành phẩm | 4.063.769.033.936 | 3.028.563.728.889 |
| Doanh thu thuần về bán hàng hóa | 118.761.844.937 | 29.180.153.956 |
| Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ | 2.886.020.902 | - |
| | 4.185.416.899.775 | 3.057.743.882.845 |

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Đơn vị: VND | |
|---|--------------------------|-------------------------|
| | 2022 | 2021 (Trình bày lại) |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 3.775.252.242.693 | 2.822.662.244.498 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 115.459.663.164 | 26.142.571.245 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 376.301.198 | - |
| (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 9) | (905.124.212) | 323.009.061 |
| | 3.890.183.082.843 | 2.849.127.824.804 |

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Đơn vị: VND | |
|--------------|----------------------|---------------|
| | 2022 | 2021 |
| Lãi tiền gửi | 8.296.674.576 | 4.257.681.901 |
| Khác | 934.166 | - |
| | 8.297.608.742 | 4.257.681.901 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Đơn vị: VND | |
|---|----------------------|-------------------------|
| | 2022 | 2021 (Trình bày lại) |
| Chi phí lãi vay | 4.024.352.896 | 421.917.808 |
| Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | 216.520 | 1.054.766 |
| | 4.024.569.416 | 422.972.574 |

31 CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Đơn vị: VND | |
|---------------------------|-----------------------|----------------|
| | 2022 | 2021 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 20.481.126.235 | 11.601.141.879 |
| Chi phí nhân viên | 5.130.109.916 | 6.177.910.167 |
| Khác | 10.196.611.137 | 9.003.371.790 |
| | 35.807.847.288 | 26.782.423.836 |

32 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Đơn vị: VND | |
|---------------------------|------------------------|----------------|
| | 2022 | 2021 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 47.575.411.492 | 23.085.851.892 |
| Chi phí nhân viên | 22.738.237.105 | 21.726.279.606 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 4.510.140.823 | 1.477.196.632 |
| Chi phí dịch vụ tiện ích | 3.555.786.096 | 2.176.244.604 |
| Chi phí dịch vụ tòa nhà | 2.427.293.839 | 2.891.488.526 |
| Khác | 28.604.793.447 | 25.107.758.994 |
| | 109.411.662.802 | 76.464.820.254 |

33 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

| | Đơn vị: VND | |
|---|-----------------------|-----------------|
| | 2022 | 2021 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 153.896.960.370 | 107.594.672.907 |
| Thuế tính ở thuế suất 20% | 30.779.392.074 | 21.518.934.581 |
| Điều chỉnh: | | |
| Chi phí không được khấu trừ | 621.829.719 | 1.319.837.218 |
| Dự phòng thiếu của năm trước | 4.884.925.019 | 2.488.297.350 |
| Khác | - | (27.458.878) |
| Chi phí thuế TNDN (*) | 36.286.146.812 | 25.299.610.271 |
| (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: | | |
| Thuế TNDN - hiện hành | 35.156.917.824 | 27.194.453.825 |
| Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 21) | 1.129.228.988 | (1.894.843.554) |
| | 36.286.146.812 | 25.299.610.271 |

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

34 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong kỳ từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

| | Đơn vị: VND | |
|-------------------------------|--------------------------|-------------------|
| | 2022 | 2021 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 3.066.793.283.327 | 2.215.005.524.469 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 449.748.432.044 | 355.349.161.349 |
| Chi phí nhân viên | 102.226.987.746 | 98.979.676.254 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 99.427.536.583 | 107.352.630.702 |
| Khác | 202.247.669.760 | 162.331.702.144 |
| | 3.920.443.909.460 | 2.939.018.694.918 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

35 BÁO CÁO BỘ PHẬN**(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG và LPG để phân phối cho khách hàng. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| | Bán khí CNG | Bán khí LPG và dịch vụ khác | Tổng cộng |
|---|----------------------------|-----------------------------|----------------------------|
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 4.063.769.033.936 | 121.647.865.839 | 4.185.416.899.775 |
| Chi phí kinh doanh | (3.919.566.628.571) | (115.835.964.362) | (4.035.402.592.933) |
| Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | (3.774.347.118.481) | (115.835.964.362) | (3.890.183.082.843) |
| Chi phí bán hàng | (35.807.847.288) | - | (35.807.847.288) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | (109.411.662.802) | - | (109.411.662.802) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 144.202.405.365 | 5.811.901.477 | 150.014.306.842 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 8.297.608.742 | - | 8.297.608.742 |
| Chi phí tài chính | (4.024.569.416) | - | (4.024.569.416) |
| Chi phí khác | (390.385.798) | - | (390.385.798) |
| Lợi nhuận trước thuế TNDN | 148.085.058.893 | 5.811.901.477 | 153.896.960.370 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - | (35.156.917.824) |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - | (1.129.228.988) |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | | | 117.610.813.558 |

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

| | Bán khí CNG | Bán khí LPG và dịch vụ khác | Tổng cộng |
|---|----------------------------|-----------------------------|----------------------------|
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.028.563.728.889 | 29.180.153.956 | 3.057.743.882.845 |
| Chi phí kinh doanh | (2.926.232.497.649) | (26.142.571.245) | (2.952.375.068.894) |
| Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | (2.822.985.253.559) | (26.142.571.245) | (2.849.127.824.804) |
| Chi phí bán hàng | (26.782.423.836) | - | (26.782.423.836) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | (76.464.820.254) | - | (76.464.820.254) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 102.331.231.240 | 3.037.582.711 | 105.368.813.951 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 4.257.681.901 | - | (422.972.574) |
| Chi phí tài chính | (422.972.574) | - | (1.608.850.371) |
| Chi phí khác | (1.608.850.371) | - | (390.385.798) |
| Lợi nhuận trước thuế TNDN | 104.557.090.196 | 3.037.582.711 | 107.594.672.907 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - | (27.194.453.825) |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - | 1.894.843.554 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | | | 82.295.062.636 |

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Tổng Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

36 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)**Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT**

| | 2022 | 2021 |
|--|----------------|----------------|
| TSCĐ hữu hình và chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán | 18.710.318.513 | 14.009.087.758 |

Đơn vị: VND

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Công ty mẹ”) do Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần nắm giữ 56% vốn điều lệ của Công ty. Công ty mẹ cao nhất là Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|--|
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Công ty mẹ cao nhất |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | Công ty mẹ |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí | Công ty trực thuộc Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | Công ty thành viên thuộc Công ty mẹ cao nhất |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương | Công ty thành viên thuộc Công ty mẹ cao nhất |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình | Công ty thành viên thuộc Công ty mẹ cao nhất |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | Công ty thành viên thuộc Công ty mẹ cao nhất |
| Viện Dầu khí Việt Nam | Công ty thành viên thuộc Công ty mẹ cao nhất |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh miền Đông Nam Bộ | Công ty thành viên thuộc Công ty mẹ cao nhất |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu | Công ty thành viên thuộc Công ty mẹ cao nhất |
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | Công ty thành viên thuộc Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas - Chi nhánh Vũng Tàu | Công ty thành viên thuộc Công ty mẹ |

a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

| | 2022 | 2021 |
|--|------|----------------|
| (i) Doanh thu bán hàng | | |
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | - | 69.606.755.955 |

Đơn vị: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

37 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

| | Đơn vị: VND | |
|--|--------------------------|-------------------|
| | 2022 | 2021 |
| (ii) Mua hàng hóa và dịch vụ | | |
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 3.067.970.107.539 | 2.198.551.374.753 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu | 18.139.128.378 | 18.101.148.644 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 18.069.521.501 | 9.797.146.456 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương | 17.472.145.220 | 17.519.330.946 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí | 3.136.487.933 | 23.974.936.114 |
| Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình | 1.321.816.198 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh miền Đông Nam Bộ | 1.237.994.194 | 1.135.920.000 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | 718.646.698 | 460.561.447 |
| Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam - VT Gas - Chi nhánh Vũng Tàu | 634.100.180 | 443.769.274 |
| Viện Dầu khí Việt Nam | 462.000.000 | 2.268.181.818 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Đồng Nai | - | 40.552.988.016 |
| | 3.129.161.947.841 | 2.312.805.357.468 |
| (iii) Mua tài sản cố định | | |
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | - | 198.204.470.562 |
| Viện Dầu khí Việt Nam | - | 109.231.091 |
| | - | 198.313.701.653 |
| (iv) Chi phí sử dụng tòa nhà văn phòng | | |
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 1.423.651.000 | 2.754.567.323 |
| (v) Chi phí nhân hiệu | | |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 1.075.946.729 | 653.703.554 |

| | Đơn vị: VND | |
|--|------------------------|-----------------|
| | 2022 | 2021 |
| (vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt | | |
| Hội đồng Quản trị (Bao gồm Tổng Giám đốc) | 6.019.116.643 | 5.730.043.425 |
| Ban Kiểm soát | 607.053.178 | 1.080.247.190 |
| Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng | 3.937.194.745 | 4.253.805.754 |
| | 10.563.364.566 | 11.064.096.369 |
| (vii) Cổ tức chi trả trong năm | | |
| Tổng Công ty Khí Việt nam - Công ty Cổ phần | 30.240.000.000 | 30.240.000.000 |
| (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan | | |
| | Đơn vị: VND | |
| | 2022 | 2021 |
| (i) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a)) | | |
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 186.033.980 | - |
| (ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14) | | |
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 463.600.710.142 | 439.277.176.653 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu | 2.630.996.530 | 2.076.287.766 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 1.836.271.470 | 2.773.933.301 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương | 1.467.250.863 | 2.325.181.772 |
| Viện Dầu khí Việt Nam | 149.688.000 | 499.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh miền Đông Nam Bộ | 108.864.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | 40.066.800 | 44.027.900 |
| Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình | 19.173.000 | - |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí | - | 901.665.325 |
| | 469.853.020.805 | 447.897.272.717 |
| (iii) Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15) | | |
| Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam | 20.723.678.585 | - |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương | 203.711.219 | - |
| | 20.927.389.804 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

38 CÁC CAM KẾT**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

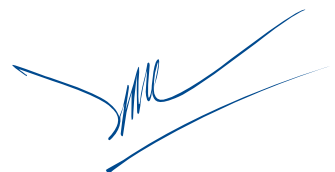
| | Đơn vị: VND | |
|--|-----------------------|----------------|
| | 2022 | 2021 |
| Dưới 1 năm | 7.402.942.182 | 5.740.010.706 |
| Từ 1 đến 5 năm | 7.062.826.091 | 6.831.178.358 |
| Trên 5 năm | 7.339.500.000 | 7.420.350.000 |
| Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu | 21.805.268.273 | 19.991.539.064 |

b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

| | Đơn vị: VND | |
|--------------------------------|-----------------------|----------------|
| | 2022 | 2021 |
| Nhà xưởng, máy móc và thiết bị | 19.287.720.000 | 24.556.010.670 |

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 2 năm 2023.


Trần Ngọc Lan

Người lập biểu


Phạm Thị Hạnh

Kế toán trưởng

**Vũ Văn Thực**

Giám đốc



Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc tế và được đăng tải đầy đủ tại website: www.cngvietnam.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

VĂN PHÒNG

Địa chỉ: Số 475 Đường Nguyễn An Ninh, Phường 9, Tp. Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (84) 254 3574 635 / 0901 475 475

Fax: (84) 254 3574 619

CHI NHÁNH PHÚ MỸ

Địa chỉ: Đường số 15, KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: (84) 254 3923 928

Fax: (84) 254 3923 929

CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1, Đường Phạm Hùng,
P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84) 246 2520 777

Fax: (84) 246 2560 777

Email: info@cngvietnam.com
Website: www.cngvietnam.com